

# AN - LẠC

Tạp chí : ra ngày 1 và ngày 15 mỗi tháng

## Tiếng nói của giới Tăng-Sinh

*Quản - Nhiệm*

**ĐẠI - ĐỨC THÍCH - THÔNG - BỬU**

Tòa soạn : Chùa Quán-thế-Âm 68 Nguyễn-Huệ Phú-Nhưận



**Số 9**

ra ngày

**15-3-1967**

- **Hành hương**
  - \* *Thông-Bửu*
- **Mùa xuân với nông thôn**
  - \* *Long Nga Trần-như-Nguyện*
- **Văn nghệ 1966**
  - \* *Hồ-trường-An và*
  - \* *Đoàn-yên-Linh*
- **Thằng Cỏ Vịt (truyện ngắn)**
  - \* *Vũ-Huyền*
- **Mưa rơi trong chùa (thơ)**
  - \* *Tâm-Tấn*

# MỤC LỤC

3. **gửi**
8. thư cho người con gái du học phương xa  
Đ.D. Thông-Bửu  
Tâm-Tấn
- 1.1 ông Lương Như Hộc  
Đông-Lùng
16. Huế Đô năm Bính Ngọ (thơ)  
Trương-Thiện
17. Hành Hương  
Đại-Dức Thông-Bửu
23. Việt Nam Phật Giáo sử lược  
T.T. Mật-Thị
33. Giở giao thừa, giờ Tuyết hạn của các nhà  
tiền bối cách mạng Việt-Nam  
Hùng-Phong
42. Diêu hương Xuân (thơ)  
Hương-Nguyên
43. Thăng Cờ Vía  
Vũ-Huyền
48. Mùa xuân lên đường (thơ)  
Hỗ-Trường-An
54. Ngôn ngữ quê hương (thơ)  
Đuy-việt-Linh
55. Năm mới đọc thơ cũ  
Xuân-Bồng
61. Văn nghệ 1966  
Hỗ-Trường-An — Đoàn-yên-Linh
64. Mưa rơi trong chùa (thơ)  
Tâm-Tấn
65. Mùa xuân với nông thôn  
Long-Nga Trần-như-Nguyễn
68. Ngày xuân bàn chuyện thi thơ  
Đông-Lùng
79. Xuân tha hương (thơ)  
Tư-Hồng
84. Lời của đất (thơ)  
Hải-Vân Lang-cô
89. Tiếng pháo và tiếng súng trong ngày xuân  
Thiếu-Sơn
93. Saigon năm Bính Ngọ (thơ)  
Trương-Thiện

# AN-LAC

tạp chí



\* Nơi in ấn điện những cây bút danh tiếng và quen thuộc

CHỦ THƯỞNG TỌA : Thích-minh-Châu — Thích trí Quang  
Thích mãn Giác — Thích thiện Hoa  
Thích thiện Ân — Thích thiện Châu  
Thích nhất Hạnh — Thích giác Nhiên  
Thích đức-Nhuận — Thích quảng Độ

QUÝ ĐÀI ĐỨC : Thiện Nghi — Thông Bửu — Đức Niệm  
Viên Dung — Chơn Điền — Hạnh Cơ  
Giác Tuấn — Pháp Siêu — Minh Trí  
Diệu Bồn — Giác Nghĩa — Diệu Quang

## Học giả, Giáo sư, Văn Thi sĩ

|                     |                    |                    |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| - Nguyễn bình Tuyên | - Nguyễn đăng Thực | - Thiều Sơn        |
| - Nguyễn văn Tạo    | - Trần như Nguyễn  | - Nguyễn hữu Ba    |
| - Đông Tùng         | - Nguyễn Quang     | - Trần thượng Hiền |
| - Trần tuần Kiệt    | - Nguyễn vạn Hồng  | - Hồng Thuận       |
| - Thủy dương Tử     | - Nguyễn văn Phụng | - Thế Nhân         |
| - Hứa đình Anh      | - Đoàn yên Linh    | - Thạch Khê        |
| - Nguyễn thanh Liêm | - Hồ trường An     | - Thế Lan          |
| - Minh Hiền         | - Phạm thị Cù      | - Thu Ngà          |
| - Phạm công Thiện   | - Song Thu         | - Hương Nguyễn     |
| - Trụ Vũ            | - Băng Tâm         | - Tâm Tấn          |
| - Lữ Hồ             | - Phương Đài       | - Hoài đức Hạnh    |

và còn nhiều cây bút khác nhất là những ngòi bút trẻ,  
sẽ làm sôi động trong làng văn nghệ.



# GIẢI

**S**UỐT mấy tuần liên tiếp, chẳng những Việt-Nam mà cả thế giới đều xôn xao về vấn đề chiến tranh ở Việt-Nam.

Nên chiến hay nên hòa

— Thiếu số hiệu sát thì chủ trương nên chiến

— Đa số hiệu sanh thì quyết định phải hòa.

Hòa chiến chiến hòa được đưa ra bàn cãi sôi nổi và mặc dù-số hiệu sát ngoài miệng thì cãi; song trong lòng cũng sợ chết nên vẫn ước ao được hòa. Nhưng tiếc thay cả hai bên chưa tìm ra được công-thức thích ứng, bởi vậy cho nên còn dằng co mãi. Chỉ khổ đau cho người dân lành vô tội, ngày đêm ngóng đợi hòa-bình mà hòa-bình vẫn chưa lộ dạng. Còn các vị có trách-nhiệm và một số có chút tri-thức thì nóng ruột, tìm ra hàng trăm đường lối mà vẫn không thoát được, nhất là đường lối ngoại-giao đã bao phen thất bại. Từ A chuyển sang B chuyển sang C đến E đến X đến Y mà cũng vẫn không tìm được đáp số của một công thức. Một công-thức vô-cùng đơn-giản, và rất dễ dàng khỏi cần phải chứng minh

bằng nguyên tắc bình-phương hay đại-sô.

Một công-thức thu hẹp có mấy chữ:

$$HB = T \cdot T - O = G$$

Ấy chỉ có vậy mà cả thế-giới các nhà toán-học lẫn các bậc chính-trị gia lỗi lạc, lại quên không chịu đem ra thảo luận.

HB = tức là hòa-bình

T = tức là tình thương

T = tức là tình thương

Tình thương cộng với tình thương thì còn đâu oán thù.

O = tức là oán thù

Mỗi khi oán thù được trừ diệt, tình thương được nảy sanh, được phát triển, được cộng thêm thì sẽ gặp chữ G. Thực hiện đến chữ G là công-thức Hòa-bình đi đến đáp số.

Chữ G có nghĩa là Giải.

Kinh Phậ = Giải : , nghĩa là Giải oan thịch kiết, tất cả chúng sanh sở dĩ cứ mãi lo chém đâm sát hại lẫn nhau, là do nơi oán thù, oan oan tương báo nhiều kiếp nhiều đời mà ra.

Nếu muốn đừng còn cảnh máu tràn thành sông, thầy phôi thành núi thì phải giải tất cả oán thù— Sở dĩ có oán thù là do thân mà ra — không ăn không oán không thù (kinh lượng hoàng sám quyền sáu và bảy)

Còn đứng về mặt thể sự mà nói thì chữ GIẢI lại là việc khác.

Độc trong các bộ truyện xưa ta thấy khi hai phe đang đầu chiến nhau, nhưng khi đã đồng nhau một quan điểm nào đó, thì đều thực hiện phương thức « GIẢI GIÁP ». Giải giáp để không còn lưu huyệt, để hưởng phút đoàn tụ, để mà yêu thương lẫn nhau, đoặc để cùng nhau tìm một phương thức khác.

Vì vậy nên công thức này, về phần chữ G có nghĩa là giải giáp. Có giải giáp thì mới có thái bình. Ngày nào chưa có giải giáp thì chưa có thể nói được Hòa-bình, chứ đừng nói là Thái-bình.

oOo

Riêng người viết bài này, tự nghĩ và tin tưởng rằng: Năm nay dù muốn dù không, công thức vừa nêu trên cũng phải thực hiện.

Tại sao ? Và dựa vào bí quyết nào mà dám mạnh dạn nêu ra như vậy — Xin đáp «dựa vào luật sanh tồn và hoại diệt của kiếp con người».

Vì kiếp người hiện tại có sáu mươi tuổi là mãn. Nhưng trong thời gian sáu mươi năm ấy, lại chia làm ba thời kỳ; thời kỳ đầu thơ từ 0 tuổi đến 20 tuổi, thì lo bú mẹ và đi học, chẳng được thừa hưởng một cái gì gọi là lý thú. Thời kỳ thứ hai từ 20 đến 40 tuổi. Thời kỳ này rất quan trọng của đời người. Thời kỳ lập chí và thừa hưởng những tinh ba của vũ-trụ.

Nhưng than ôi! Người dân Việt-Nam (kể cả hai miền) cỡ tuổi từ 20 đến bốn mươi, mặc bận lo chém đâm nhau, mỗi đều hăm hăm và sẵn sàng phòng thủ hoặc tìm mưu kế tuyệt diệu đặng sát hại nhau, thì còn thời giờ đâu nữa mà thừa hưởng... Dù là hưởng một giây phút cũng không có; chứ đừng nói là thừa hưởng được hai mươi năm, trong kiếp được làm người. Kể đến đây có một vài người vội sò lên mặt thầy da nhẵn, vội chạy lấy khăn soi, thầy mái tóc đã nhuộm hai màu. Họ dặt mình vì tưởng đâu đời sống còn dài lắm và sẽ lột da sống lâu như ông Bành Tổ, không ngờ đời người chỉ có một hơi thở và kiếp người chỉ được thừa hưởng cỡ 20 năm. Thế mà cuộc chiến tranh Việt-Nam đã đến 22 năm rồi, còn ức hiếp nổi gì nữa, mà không đi vào công thức T -|- T - O = G. Ngọc lắm ư nếu có ngọc cũng ngọc vừa vừa, chứ đâu có ngọc đến chỗ là đại ngọc.

Chỉ có những con người đại ngọc mới nghĩ kéo dài chiến tranh.

Tôi tin tưởng rằng Việt Nam trong sò ba mươi triệu thì độ vài ba thằng người ĐẠI NGỌC chứ còn hầu hết đều có trí khôn, đều muốn sống sợ chết. Đều biết ăn, biết ngủ biết thừa hưởng tình ba của vũ trụ, biết cảnh già nua là khổ sở biết cảnh chết chóc là tang thương. Bởi thế nên nhân dịp đầu năm và cũng là bài mở màn, cho những loạt bài trong năm đinh-vị, nên tôi không ngần ngại ghi vào đây với nhan đề GIẢI.

Mạnh Xuân Đinh vị (1967)

THÔNG BỮU

# Thư gửi cho con gái

## Du học phương xa

«Con mang trong hồn quê hương buồn bã đó

«Nói làm sao những hôm gục mặt âm thầm

«Trời phiêu bạt mờ mịt màu xanh lá cỏ

«Đất Mẹ bao giờ mới nở mùa Xuân?».

Thư con gửi vượt trùng dương đại hải

Mang ưu-tư về hồn mẹ ưu tư ...

oOo

Ờ, mưa-ma rồi gió-cuồng nặng trĩu

Góc đất quê-hương nặng trĩu sương mù.

Nhưng, lửa chiến bùng bùng nung nung khí phách

Máu hy-sinh về đậm sừ trang son

Dầu đạn nổ hỏa sông khôn dứt mạch,

Dầu súng reo tiết Núi vẫn không mòn.

Lá vàng rụng làm phấn vun Đất-Mẹ

Lộc xanh vươn thể sức đắp Tinh-Hoa

Ngàn cây ngà chưa điêu tàn thể-hệ

Nùa Xuân, mùa Xuân! điệp khúc vang ca!

Bao cái Chết làm nầy mầm sức sống,  
 Sống cảm truyền do sự Chết xây nên :  
 — Xác thiếu phụ tử thương nằm bất động,  
 Mồm hài-nhi nức sữa uống no thêm ! —  
 Hồn non nước mỉm cười : Con, nghĩa sĩ  
 Hùng Tồ-Tiên cau mặt :  
 Sóng mùa Đông chur chìm Thuyền Tiết-khí,  
 Sao mùa Xuân lại tưởng chuyện Điều-tàn ?  
 Con ưu-tư cho Tình Thương Đất-Mẹ,  
 Con âm thầm cho nết tránh Kiêu-sa :  
 Tuyết Âu-Mỹ đừng vui tẻ tuổi trẻ,  
 Gió Đông-Phương hồn rực sắc Sơn-Hà...



Me ở nhà, thân gầy như xứ Mẹ  
 Ôm ưu-tư sống lạc giữa vàng son  
 Hồn ẩm ướt cả một trời máu lệ,  
 Ray rức suy tư thể chất hao mòn.  
 Như Quê-hương còn mùa Xuân vĩnh cửu :  
 Mộng mùa Xuân : Xuân, sức sống đàn con  
 Me niệm Phật nhần khuấy niêm hận tử,  
 Đâu dám mưu sinh bạc bề vàng non.  
 Mái ngói nứt mưa tràn cơn lạnh ướt  
 Vách tường xiu gió lọt phủ hơi tẻ  
 Me vẫn thấy đàn con mẹ đại phước :  
 Biết bao người không có mái tranh che !  
 Cơm hằng bữa tôm khô canh mướp cải  
 Món mè rang — dinh dưỡng kiêu Đông Kinh ! —  
 Me vẫn thấy đàn con mẹ thừa thái :  
 Đói bao nhiêu kẻ xó chợ đầu đình !



Trăm mái nhà tranh thiêu, tàn thôn xóm  
 Sống làm sao với Quỷ rú ma rền !  
 Tàu viễn-xứ nhập gạo xiêm gạo Mỹ,  
 Giồng Lam-sơn nông-nghiệp vất cây bừa !  
 Gạo thiếu cám nhai hoài cơm nhạt vị !  
 Đạn bom gieo cho thây chết,... lên mùa !  
 Trang Nhật báo những khung hoa quảng cáo ;  
 Đồi non Thụy-sĩ, đồi núi Hoa-kỳ  
 Tuyết lệ Đại-hàn không che mãi áo  
 Nhạc dân loan dùng chữ đẹp..., Mẽ-ly !  
 Bên trang lớn đó, những hàng chữ nhỏ  
 Cáo phó buồn «... Anh Dũng tuổi hai mươi  
 Đền nợ nước...» ...« Mơ màu xanh lá cỏ » ?  
 Lá cỏ bạn làm ấp mộ, con ơi !  
 Thác cuồn cuộn me đi giồng nước ngược  
 Chuyện áo cơm đôi lúc rã tay gầy  
 Me niệm Phật đề cầu xin nguyện ước :  
 Các con me lộc đủ chén cơm đầy,  
 Ôm Đạo-Pháp vào cuộc đời mạnh bước  
 Bùn tham tàn chó vầy bàn đôi tay.  
 Sấm Văn-học tâm thêu tình Đất-Nước



Thư Me viết chưa vơi nỗi u-ân  
 Ngày lập Xuân... vũ trụ đắm Xuân vàng  
 Me thương gửi nắng Xuân trời sắc ngọc  
 Hồn băng con tuyết giá sẽ dần tan...

cuối Đông năm Bính-Ngo

*Châm-Tân*

# Ông Lương - như - Học

Ty-Tổ Nghề ấn loát của VIỆT - NAM



*(Viết đề kỷ niệm ngày thành lập Phò-đà-ấn-Quán)*

**ĐÔNG-TÙNG**

**Đ**ề cụ-thề-hóa tinh-thần tích-cực và mãnh-liệt vị thán  
triết Đông-Phương, Khổng-phu-Tử có nói:

— Muốn thực hiện một công cuộc gì, mà khi chưa là  
được, thì chăm chú cặm cụi đến quên cả ăn, lúc đã có cơ ng  
thành tựu, thì vui mừng quên ăn, thường khi quên luôn mìn  
đã già.

(Phạt nhân vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão c  
tương chí).

Thì ra vấn đề phấn chí, không những đối với những  
tầm thường, mà cho đến bậc thánh nhân cũng vẫn còn đặc b  
chú trọng. Phải chăng nó là một vấn đề mấu chốt cho mọi  
thành công ở đời.

Thiệt thế, con người không biết phấn chí, thì không l  
nào thành công, bất cứ mỗi một công việc gì, dầu là nhỏ nh  
hay to lớn. Phấn chí là một động cơ, một nghị lực cần dù  
để làm công việc ở đời. Lịch sử xưa nay cho ta thấy nh  
người có sự nghiệp lớn lao truyền lại hậu thế, hầu hết là nh  
kẻ có phấn chí.

Ông Lương như Hộc mà chúng tôi sắp kể chuyện sau đây cũng chỉ là một người có phần chí.

...Từ hôm ông lên tỉnh lỵ mua sách, bị một người Tàu chủ hiệu dầu cơ bắt bí quá đỗi, ông lấy làm tức bực vô cùng, không những chỉ tức bực vì cá nhân ông, mà cho cả dân tộc Việt Nam cũng chịu cái cảnh phải đi mua sách mà học ấy. Ông nghĩ rằng: bất cứ một vật gì, mình chỉ trông nhờ ở người mà không tự sản xuất ra được, quả là một cái nhục. Phương chi vấn đề sách học lại là một vật dụng cần thiết nhất về phương diện tinh thần. Thế nhưng đã bao nhiêu đời nay, người Việt Nam chẳng có ai chịu cố gắng tìm cách tự in lấy sách mà học, mọi người chỉ biết bỏ tiền ra mua sách của người Tàu, quả thiệt là một sự hục nhả. Từ đây ông Hộc lập chí tìm học nghề ấn loát.

Nhưng tìm học ở đâu, nếu không tự tạo được phương tiện này lợi-dụng được cơ-hội đề sang tận bên Tàu, mà quan sát ghiên-cứu phương pháp người ta khắc. Người ta in đề bắt chước?

Vấn-đề ấy như đóng đinh vào trong trí nhớ của ông, rồi từ đó, mỗi khi mở quyển sách ra xem, ông lại suy nghĩ đến và không dứt bản khoăn, mong ước.

Đến lúc thi đỗ Trạng-Nguyên. kể năm sau được cử vào sứ đi Yên-Kinh (Tàu) ông thấy điều sở vọng mình thiết tha ôm ấp bấy lâu sẽ nhờ cơ hội này mà được thành đạt.

Tuy nhiên, thuở ấy nhiều người lo ngại đi sứ vất vả hiểm nguy, mười phần hết tám không chắc gì sống sót về nhà với vợ con. cho nên được cử đi sứ là ai cũng lo buồn. Nhưng trái lại ông Lương như Hộc thì rất vui mừng phấn khởi, vì cái vinh-dự được làm sứ-thần thì ít, mà động-cơ khác thì nhiều hơn.

Cũng như chúng ta đã biết, Trung-Hoa là một trong những

nước mà nghề ấn loát phát triển sớm nhất.

Vào khoảng nhà Tùy, nhà Đường, ngang thế-kỷ thứ 7 thứ 8, lúc mà Việt-nam đang nội-thuộc và trong khi cả thế-giới chưa ở đâu biết nghệ-thuật ấn loát là gì, thì ở Ích-châu đã có một người Tàu nghĩ ra phương-pháp khắc chữ vào gỗ để in kinh sách cho được mau chóng và nhiều. Đời ấy gọi là «mộc bản».

Đến đời Ngũ đại, Tề tướng Phùng Đạo, chọn lựa thợ khéo khắc bản in các sách kinh truyện để lại nhà Quốc tử giám, cho học sinh trong nước đến đấy cùng học.

Xem mấy thời đại ấy, việc in còn là việc làm riêng của Triều đình, chưa thành một nghề của dân chúng. Mãi về sau mới lưu hành xuống tận nhân dân và cũng ngày cải tiến tinh vi thêm lên.

Đến đời nhà Tống, giữa năm 1038-Ngang lúc đầu nhà Lý ở Việt nam có người thợ khắc giỏi, tên là Tể Thăng, phát minh ra lối in hoạt tự rất tiện lợi, nghĩa là khắc rời từng chữ một, khi cần dùng thì xếp lại thành bản mà in.

Đại khái nhà phát minh ấy lấy keo đặc, ép mỏng ra như đồng tiền, khắc chữ lên trên, rồi đem nung cho nó rắn lại, mỗi miếng keo như thế là một chữ. Lúc cần in người ta xếp những chữ ấy thành hàng lối ở trong một chiếc khuôn sắt, rồi quét mực đặt giấy lên, in xong lại tháo ra.

Sách Tàu nói ở bên Âu châu, từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 15, mới dần dà thông dụng lối in hoạt tự (caractères mobiles), và trong mấy thế kỷ ấy Đông Tây giao thông với nhau rộn rịp, người A thích Bá sang Tàu buôn bán học theo nguyên tắc hoạt tự của người Tàu nghĩ ra lúc đầu thế kỷ 11 đem về, truyền qua Âu châu, cũng như thuốc súng và La kinh vậy.

Ngày nay chúng ta không phải tiếc thay cho người Tàu từ thuở xưa, tuy có sáng tác và phát minh được nhiều cái hay, nhưng rồi thiếu tinh thần tiến thủ, không chịu cải tiến kỹ thuật, để đi đến một trình độ toàn thiện toàn mỹ. Tức như kỹ nghệ ấn loát, buổi đầu thế kỷ 11 đã có Tất Thăng phát minh lối dùng loại tự, khôn khéo tiến bộ lắm rồi, mà sau cũng chẳng có ai kế tiếp sửa sang cải tiến cho được hoàn toàn đề kỹ nghệ ấn loát được hoàn thiện hơn nữa. Cái ốc cầu thả xong việc thì thôi, đã khiến con người Á đông thua kém, đứng thụt lùi đằng xa mà nhìn bụi mù bánh xe tiến hóa của thiên hạ trên đường văn minh khoa học.

Thành ra phép mới của Tất Thăng cũng thất truyền, mà nghề in vẫn thủ cựu như đời Ngũ đại về trước.

Đến giữa thế-kỷ 15, nước Tàu về quyền nhà Minh thống-trị, ông Lương như-Hộc Việt-nam nhân đại sứ qua Tàu mới mò học được nghề in, thính là nghề khắc bản gỗ như cũ.

«Lăn mò» có bạn sẽ bảo chúng tôi dùng hai chữ «lăn mò» có hơi gúa đáng chăng, nhưng nó đúng sự thực.

Có phải đầu quan sứ hờ Lương Việt-nam sang Yên-kinh, có thể ngang-nhiên tới chỗ người ta khắc bản in và nói: «Các ông chỉ vẽ tôi vớ vớ», rồi được người ta vui vẻ đón rước chỉ vẽ: Vâng mời ông! Chúng tôi xin sẵn-sàng truyền nghề cho ông!..

Nếu vậy, thì hoá ra giản tiện lắm, chẳng có gì đáng kể, mà hơn hế nữa, cả một Á-châu đại-lục, đất rộng người nhiều, lại càng không có ảnh trạng lạc-hậu, đề rồi hầu hết làm thuộc địa cho Tây-phương.

Phải biết như chuyện mấy phương thuốc bí truyền, người Tàu có một nghề gì riêng, hay một thuật lạ gì, thì bao giờ cũng dấu-diếm gìn giữ một mình để thủ lợi, chỉ có cha truyền cho con, con truyền cho cháu,

chứ không để lọt ra cho thiên-hạ biết. Ở những nơi chưa có bằng-cấp sáng-chế (brevet d'invention) hay là quyền của tác-giả (droit d'auteur) như ngày nay, thiết ra ta cũng nên lượng, xét họ, vì vấn đề quyền-lợi, mà chưa có chế-độ để bảo-đảm.

Huống chi, ngay vua nhà Minh lại chuyên-chế và ích-kỷ nhất, chính-sách ngu dân lại nặng nề giã tay nhất. Họ không muốn cho thiên-hạ được tiến-bộ. Ta thử xem cử-chỉ của họ dưới cuối đời Trần ở Việt-Nam: như họ ra hết những pho sách do người Việt-nam làm ra rồi mang về Tàu hủy hết, rồi khuôn những loại sách như «Tĩnh lý đại toàn» và kinh truyện theo Chu-Hy chú giải, bắt ta phải dùng, thì biết.

Phàm là văn-hóa nghệ-thuật của dân-tộc Trung-hoa, nhà Minh làm như ông lang cầu bài thuốc gia-truyền, không muốn để lọt ra ngoài. Cho nên có lúc nhà Minh cầm nhân-dân giao-thông với ngoại-quốc, đây là một chính-sách bế-môn tòa cảng, không cho ai học mình, nhưng cũng làm cho mình không trông thấy được cái hay, cái tiến, bộ của người đề mà học thêm. Đây lại một nguyên-nhân làm cho Á-đông bị lạc-hậu.

Với một hoàn-cảnh khó-khăn khắt-khe như vậy, Tà ông Lương-văn-Hộc Việt-nam đã «mò-mẫm» học được nghề in mộc-bản để mang về truyền lại cho người nước mình tiếp-tục nghiên-cứu và thực-hiện thành-công. Sự-kiện đó càng chứng-tỏ ông là người rất giàu ý-chí, cũng như rất tận tâm với công việc đã định. Sự thành-công của ông càng được tăng phần giá-trị. Tên tuổi của ông càng xứng đáng là một điểm son trong cuốn sổ vàng về lịch-trình tiến-triển của nền văn-hóa Việt-nam trong kỹ-thuật ấn-loát vậy.



# *Huế-đô năm Bình-Ngo*

*Độ ấy xuân sang thật nhộn nhàng.  
Huế đô vui đón ánh hào quang.  
Từ đâu chuyển đến cơn tai biến  
Chốn ấy chia ly cách biệt tưng*

TRƯƠNG THIÊN

# HÀNH HƯƠNG



THÔNG - BỬU

Hành hương là một cử chỉ cao đẹp là một phong tục rất hay đối với dân tộc Việt. Nhưng suốt ba năm nay Phật-tử đề nghị tôi nên từ-chức đi hành hương. Tôi từ chối. Tại sao tôi từ chối vì có một «SỐ ÍT» người đã lợi dụng cái danh-từ cao đẹp ấy — Nếu vô tình chúng mình lọt vào thì cũng như họ không hơn không kém. Tại sao tôi lại có ý nghĩ như vậy. Xin lược kể :

— Phần người đi hành hương thì một số người chưa hiểu rõ tầm quan trọng về việc làm của mình, tay cầm hương, miệng vái Phật, chân đi mười chùa, mà tâm thì tính thiệt tính hơn. Nếu trong đoàn hành hương một ngàn người mà có 10 người như vậy thì đoàn hành hương ấy đã mất hết tánh chất cao đẹp của nó, trong kinh Phật dạy «*chưa đúng lúc chưa nên nói, chưa đúng thời chưa nên làm*». Và trong hội Pháp Hoa Ngài Xá-lợi Phất cùng đại chúng cung thỉnh đến hai lược mà đức Thế-Tôn Ngài vẫn chưa thuyết kinh đến lược thứ ba trong đạo tràng có một số người đứng dậy ra về; Lúc đó đức Phật mới diễn nói kinh Pháp hoa vì sao — vì bấy giờ mới đúng lúc «*chỉ còn hạt và cội không có lá sâu và buội bặm*». Những người Tăng-thượng-mạn, đã vắng mặt ở đạo-tràng.

Ngày xưa đời chánh-pháp mà còn vậy huống gì ngày nay đời Mạt pháp lại còn xô bồ xô bộn gấp trăm ngàn lần.

Không có gì đau lòng, khi phải nghe những tiếng cãi vã với nhau tranh từng chỗ ngồi sau, ngồi trước, tinh thần tự nguyện, tự giác lại thiếu đề đến nỗi đi hành hương mà như đi làm việc gì thế gian không

hơn không kém. Và đau lòng nhất là khi thấy một người cán tay có đeo một dấu hiệu «ban tồ chức» đứng cửa xe để đón soát giấy và xé góc rồi mới cho lên xe. Tôi mừng tưng, vì ban tồ chức kia là anh «xếp ranh» soát giấy xe lửa (hồi thời kỳ xe còn chạy)

Thật nhắc càng thêm đau lòng. Tại sao dân Việt Nam đã là những người gương mẫu cho quốc tế, Một dân-tộc biết tự trọng đệ nhất, mà sao còn có những mẫu chuyện như vậy Ở Nhật người ta đi xe buýt không có người kiểm soát người bán vé khỏi có kiểm soát, một vài nước khác ở Âu-châu thì những quán chạp phở những sạp báo không có người đứng bán và thu tiền, ai muốn mua thì hàng đã có ghi giá, cứ tự-động bỏ bạc vào thùng rồi lấy món hàng.

Ở Việt-nam thậm chí tệ đi hành hương mà có người còn nghĩ đến kế hoạch gian lận. Tại sao những tệ đoan ấy không cấp cứu tẩy trừ không dám mạnh dạn đứng lên làm cuộc cách-mạng sớm đi. Tẩy những vết nhơ trong trang sách Phật-giáo, chích thuốc trừ-những con ký-sinh trong cơ thể đạo-đức Việt-Nam.

Ồi lời thẳng trái tai, thuốc hay đã tật. Cũng vì lời nói thẳng ấy và dám nói sự thật ấy, mà tôi nhớ hôm nào phòng phát hành kinh sách một ngôi chùa lớn nhất, vị Quản-ly nhà phát hành quyết định không bán một quyển sách nào có ký tên Thông-Bửu. Tôi nói có bằng chứng chẳng tin quý độc giả đọc loạt bài này rồi xếp sách chạy ngay đến phòng phát hành kinh sách ấy hỏi mua một quyển sách một tờ báo có tên Thông-Bửu dù sách bán 20đ mua với giá 200đ cũng chắc chắn là không có.

Nhưng có trái tai, có đã tật thì mặc, kiếp sanh ra làm người, là phải đem lẽ công-bằng làm tiêu-chuẩn. Tẩy trừ những tệ đoan của xã hội, nhất là trong tòa nhà đạo-đức. nếu dung chứa một vài con sâu, thì sẽ làm rầu nồi canh. Sợ mịch lòng thì không bao giờ làm nên việc

lớn. Và không bao giờ cách mạng được cái nếp sống hoen ố dù là cách mạng bằng miệng, dù là làm một việc tối thiểu như việc hành hương,

Ấy tôi mới nói qua người: đi hành hương. Bây giờ xin mời quý vị đọc thêm về phần người đứng ra tổ chức hành hương.

— Quý Thầy — Lo tu hành mai kinh chiều kệ, thoát nếp sống văn minh cơ khí tiến nhanh quá, nhanh hơn hỏa tiễn — Sau lưng trước mặt quý thầy đang đòi hỏi, đòi hỏi rất nhiều, nào là phải xây cao chùa và rộng, mới đủ chỗ Phật tử về lễ Phật phải đúc đại hồng chung cho to mới hồng ác nổi tiếng ồ ào cửa ra đi ô hàng xóm, phải bịt Cái trống cho thật bự mới lấn nổi tiếng thét gầm của phi cơ B 52. Chùa to trống lớn chuông bự rồi, vị Phật còn nhỏ quá, lo tạc kim thân Phật tổ cho xứng với pháp bảo. Rồi còn thiếu nào bàn nào ghế nào tủ nào đèn lư hương nào là v v và vân vân nghĩa là rất nhiều chuyện còn đòi hỏi nơi quý thầy. Bên cạnh ấy chùa to thì phải nuôi chúng đệ tử để kể truyền Phật sự tương lai, chứ nếu không ngày quý thầy nhắm mắt về cõi Phật thì có lẽ chùa to kia để cho dơi làm tổ, chuột đùn hang. Nhưng nuôi chúng đệ tử thì chẳng những lo chạy ăn và dạy tu nội điển là đủ. Vì thời đại văn minh cơ khí kia mà. Bởi vậy nên phải bớt thì giờ để cho đàn hậu lai đi học trường ngoài thế gian.

Đi học thì bạch thầy con cần quyền sách.

— Bao nhiêu

— Dạ rẽ độ 600 đ00

Cách vài bữa — Dạ bạch thầy đến tháng, tiền trường, phòng giám thị hỏi:

— Bao nhiêu

— Dạ con học hai «cua» bớt 50 phần trăm tháng này có 800 đ00.

Và cứ như vậy một vị hai, ba rồi đến bốn, đến bốn mươi năm mươi vị nhiều vị hơn nữa thì thử hỏi quý thầy làm sao ngờ đi à! Nhắm mắt niệm Phật à! Đóng cốc tu năm bảy năm

chùng nào thái bình thừa hưởng à! Lên núi ở tu như quý bậc  
Tổ, quý vị Bích chi Phật ngày xưa à!

Không — quý thầy muốn lắm, nhưng hoàn cảnh hiện tại đâu  
cho phép. Hơn nữa hạnh nguyện đại thừa phật giáo. *Chúng sanh  
vô biên thế nguyện độ... Chúng sanh chưa độ tận nguyện không  
chứng quả Niết bàn và vân vân...*»

Nhưng hòa mình giữa cõi đời uế trước này đề mà dùng  
phương tiện dẫn độ mọi người và tự tu cho chính mình, thì hàng  
vạn triệu điều khó khăn. Nan giải nhất là vấn đề vật chất. Ngày  
xưa và mấy năm về trước thì nương vào sự cúng dường của dân  
na tín thí, hiện nay lại khác—hiện tại vật giá cao vọt, nông quê ruộng  
bỏ hoang, vườn bị rụng lá vì bột khoa học và chất khai quang  
thành phố buôn bán thì trăm ngàn cay đắng các công ty xí  
nhiệp thương cảng bị ăn cắp mất hàng và ngân hàng buộc phải  
đóng đủ một trăm phần trăm thay vì mấy năm về trước ngân  
hàng ứng ra cho mượn trước, giới tiêu thương, công nghệ thì  
bị hàng hóa lên xuống vô chừng, gian thương cầu kết với đế  
quốc làm lung đoạn nền kinh tế, nạn hối lộ lại được lan tràn  
Hàng công chức, sĩ quan thì lương tăng một, mà vật giá tăng  
lên mười, hàng binh sĩ thì gạo ba ngàn tám một bao, phải pha  
hai phần gạo Mỹ mới đủ sống xã hội Việt Nam hầu hết chín  
mười phần trăm là nạn nhân đau khổ thiếu ăn thiếu mặc thử hỏi  
tiền đâu mà mang đến cúng dường quý thầy, cúng dường Tam Bảo.

Không có cách nào hơn, và cũng chẳng lẽ ngồi khoanh  
tay nhìn thời cuộc thờ dài ư!

Còn nếu nghĩ đến vấn đề kinh tế tự túc, thì việc đã muộn  
rồi, hơn nữa người đời đã chuyên môn, mà còn khoanh tay là  
lười thờ dài, hưởng gì là bậc xuất thế thì làm sao cạnh tranh  
nổi với cái nếp sống vô tổ chức hiện đại. Còn nếu cứ mặc  
dạng thực hiện thử một phen xem sao. Chứ chẳng lẽ ngồi khoanh  
tay nhìn đời ư. Nhưng thực hiện làm sao đây, vì mọi nghề nghiệp  
hạn chế đối với người xuất gia! nếu không khéo người đời sẽ  
bảo ông thầy ấy chuyên môn kinh tài thì nguy mất,

Tôi nhớ có một đạo người ta đã đặt danh hiệu cho một thầy ngoài pháp danh vị ấy... họ đặt là Thích T. Kim hoặc Thích T Ngân. và một vị khác cũng được phong chức là Thượng Tọa Thích đ. La

Bởi thế nên quý thầy ngán dự Luận không dám ly ra nửa bước, bo bo chấp chặt. Một hôm tôi có gặp một thầy (tạm dấu pháp danh) kể chuyện với tôi về vấn đề phải cách mạng hóa nếp sống cho phù hợp với căn cơ trình độ của chúng sanh hiện tại thì mới mong độ được họ, chứ cứ ngồi mà chờ làm kẻ ăn mày mãi, thì rồi đây nền kinh tế bị ngoại nhân đánh tẽ liệt, chắc có lẽ cả kẻ xin lẫn người cho đành chịu chết đói chứ đừng nói là hành đạo và độ đời. Hơn nữa cứ bo bo theo tâm quan niệm của một vài người đã quan niệm thì không hợp tinh thần Phật giáo chút nào cả. Tôi rất đồng ý, nhưng vờ hỏi. Thầy không sợ người ta dự luận hay sao? Vị ấy đáp, tự một số thấy tiền tối mắt, chỉ biết lo tự lợi cho mình, phải đa-mát-mật cho riêng mình chẳng bị người ta nói, họ không chờ là may, chứ còn chúng ta xem tiền bạc là phương tiện lo cho đại cuộc, giúp ích cho chúng sanh, cho đạo pháp, thì ai mà nói.

Ngoại trừ một vài thằng người Việt gian, còn hầu hết người đời con mắt họ tinh ranh lắm, đâu phải bạ đâu họ nói đó, họ không quơ dũa cả nắm đâu mà sợ... Tôi hỏi tiếp—như vậy thì hay lắm song bây giờ chúng ta phải làm gì đây—và thực hiện theo công thức nào? Vị ấy đưa một vài công thức thảo luận rồi rồi cũng không đâu vào đâu cả —Đành thờ dài.

Thế là trong những con người biết đau lòng trước thời cuộc, lo lắng khổ tâm trước sự thịnh hưng của đạo pháp cũng đành chịu ngậm thành, nhắm mắt, đi tới, đi lui, hút ra thở vào rồi cúi đầu chịu hoàn cảnh xã hội hành hình và dày vò tâm trí.

Tạo ra vật chất thì thiên nan vạn nan, nhưng mà hằng ngày hằng giờ sự đòi hỏi, nhu cầu thì không tha thứ (trường hợp vừa kể trên) như vậy thì quý thầy biết làm sao cho có tiền các nghề nghiệp hầu hết đã hạn chế người xuất gia và dầu có cho phép thì cũng không có vốn, không có thì giờ suy tính thiệt

hơn bên cạnh ấy chiếc áo nhà tu đã gói ghém — khó khăn ỏi muôn vạn sự khó khăn.

Bởi vì cùng đường nan giải. Rồi lại được người bày vẽ. Thôi thì tồ chức đi hành hương, nó không có tánh cách buồn bán. Nghĩ vậy nên quyết định hành hương.

Thế là tồ chức hành hương. Thậm chí tề có chỗ không có chùa, không có thầy mà cũng có người đứng ra tồ chức bán vé hành hương — vô tình đã biến một việc linh thiêng màu nhiệm trở thành việc buôn bán tính lỗ tình lời, tính hơn tính thiệt, tự trung ai ăn tiếng đồ đồn quý thầy lãnh:

Quý thầy chùa A hoặc chùa B tồ chức đi hành hương đề lấy tiền lời bỏ vào quỹ tam bảo. Một lời nói dù vô tình hay hữu ý, song tác hại vô cùng cho danh dự. Câu nói *«Quý thầy tồ chức hành hương đề lấy tiền lời...»* Tuy rất ngắn gọn và nhẹ nhàng nhưng rất đón đau cho những ai còn chút lương tri khi phải bị nghe câu ấy.

Chúng tôi đồng ý, làm việc gì trong phương tiện không ngoài giáo lý của đạo Phật đều là chánh pháp, và việc gì có thêm tiền đúng pháp đề hoằng-hóa đạo đều hợp lý cả. Song việc hành hương là việc linh thiêng màu-nhiệm quá, chúng ta đừng trộn lẫn và đừng đề ai lợi dụng hoặc biến nó thành một hướng khác.

Quý bậc lãnh đạo nghĩ sao? Các vị có tâm đạo nghĩ gì. Làm sao cách mạng những sai lầm đáng tiếc ấy đi.

Công thức xin nhường lại quý vị, chúng ta sẽ tồ chức những cuộc hành hương quy mô hơn và nó nhất định phải mang được tính chất cao đẹp của nó, quyết giữ được sự linh thiêng màu nhiệm của hai chữ HÀNH HƯƠNG, mãi mãi trong tiềm thức mọi người.

Đón xem sổ tiếp tại sao năm nay tôi đi hành hương và ký ức tôi trong chuyến hành hương.

THÔNG-BỬU

## THƯỢNG-TỌA MẬT-THÊ

SƯU-KHẢO

# Việt-Nam Phật-giáo sử-lược

L.T.S. — Nhiều độc giả gửi thư về tòa soạn xin được sưu khảo lược-sử Phật-giáo Việt-Nam — và cũng đề nghị báo sáo rộng một trang sử hữu ích cho hiện tại và hậu lai AN-LẠC tạp chí xin lần lượt trích đăng theo tài liệu trích dịch và sưu khảo của T.T. THÍCH-MẬT-THÊ.

*An-Lạc tạp chí*

### Chương nhất

#### THỜI ĐẠI PHẬT GIÁO DU NHẬP PHẬT GIÁO THỜI BẮC THUỘC (43-544)

Phật-giáo ở Ấn-độ truyền đi các nước lân-cận do hai đường thủy và bộ. Vì đường thủy thì qua miền Trung-Á Mông-cổ, Tây Tạng và Trung-Quốc; rồi từ Trung-Quốc qua Cao-Ly và Nhật-Bản. Về đường bộ thì qua đảo Tích-Lan và Java truyền vào Indonésie Đông-Dương và Trung-Quốc. Chúng ta vào giữa hai con đường ấy. Vậy Phật-giáo truyền đến đâu từ đời nào, ta phải khảo mấy thuyết sau này :

1) Những sách của các nhà sư Việt-Nam viết từ thế-kỷ thứ 1 và 14 ghi chép : « Chính đời nhà Hán (thế kỷ thứ 2 và thứ 3) đã có các đạo sĩ như ông Ma-ha-kỳ-Vực (Mârijivaka) Khương Tăng Hỷ (K'ang seng Houei) và Mậu Bác (Meou Po) ngài thì theo đường thủ ngài theo đường bộ mà đến truyền giáo ở nước-Việt Nam ta ».

2) Sách Ngô Chí của Tàu chép : « Sĩ Nhiếp là một vị thứ sử có oai quyền ở Giao Châu được dân bản xứ tôn kính khi ra đi ngược ta thường nghe có tiếng kiêng lẫn tiếng trống kèn rộn rạ Hồ theo thấp hương hai bên xe có từng đoàn mười người... »

Theo ông Sylvain Levi kể cứu thì « Hồ » là một thứ tiếng

**BẢN ĐỒ B (I)**

Phái Tì-ni-đa-lưu-Chi



|        |                                                                       |
|--------|-----------------------------------------------------------------------|
| I.—    | Pháp-Hiến (626)                                                       |
| II.—   | ...   ...                                                             |
| III.—  | ...   ...                                                             |
| IV.—   | Thanh-Biên (686)                                                      |
| V.—    | ...   ...                                                             |
| VI.—   | ...   ...                                                             |
| VII.—  | ...   ...                                                             |
|        | I I I                                                                 |
|        | I 2 3                                                                 |
| VIII.— | Định-Khổng (868)                                                      |
|        | —————                                                                 |
|        | I                  2                  3                               |
| IX.—   | Thông-Thiện (Long-thụ phù-trì)                                        |
|        | —————   :.....                                                        |
|        | I                  2                  3                               |
| X.—    | La-Quý-An 5 — Pháp-Thượn 6 — Ma-Ha<br>(936) (991) (1029)              |
|        | I                                                                     |
|        | 2                  3                  4                               |
| XI.—   | Thiền-Ông . . . (Quảng-Tĩnh 8 — Sùng-Phạm<br>(979) (Pháp-Báo) (1087)) |

|         |      |                                                                          |                                 |
|---------|------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| XII.—   | 9 —  | Vạn-Hạnh 10 — Định-Huệ 11 — Đạo-Hạnh 12 — Trí-Bát 13 — Thuận-Châu (1100) | 1<br>2<br>3<br>4<br>5<br>6<br>7 |
| XIII.—  | 14 — | Huệ-Sinh 15 — Thiên-Nham 16 — Minh-Không 17 — Bàn-Tịch (1164)            | 1<br>2<br>3<br>5<br>6           |
| XIV.—   | 18 — | Khánh-Hỷ (1142)                                                          | 1<br>2<br>3<br>4<br>?           |
| XV.—    | 19 — | Giới-Không 20 — Pháp-Dung (1174)                                         | 1<br>2<br>3                     |
| XVI.—   | 21 — | Trí 22 — Chân-Không (1100) 23 — Đạo-Lâm (1203)                           | 1<br>2<br>3                     |
| XVII.—  | 24 — | Bhīṣuṇī Diệu-Nhân 25 — Viên-Học 26 Tĩnh-Thiền (1115) (1136) (1193)       | 1<br>2<br>?                     |
| XVIII.— | 27 — | Viên-Thông (1151)                                                        | 1<br>2<br>?                     |
| XIX.—   | 28 — | Y-Son (1216)                                                             | 1<br>2<br>?                     |

(1) Esquisse d'une histoire du Bouddhisme au Tonkin — Trần-văn-Giáp — Viên-Âm số 6, 7.

riêng của người Tàu Về thế kỷ thứ 3 dùng để chỉ người phương tây  
Vây «Hồ» đây có lẽ là người Trung Á hay người Ấn độ.

3) Truyện Đàm Thiên Pháp sư có chép : Vua Cao Tồn nhà Tùy bảo pháp sư rằng : « Trẫm nghĩ đến đạo từ bi của đấng Điều Ngự không biết báo ơn thế nào cho phải Trẫm lạm giữ ngôi dân chủ muốn rộng truyền đạo Tam Bảo đã thu khắp di hài xá lị lập được 49 ngọn bảo tháp trong nước để làm tiêu biểu cho đạo và làm được hơn 150 ngôi chùa rồi. Bây giờ Trẫm lại muốn lập chùa dựng tháp khắp giao châu (danh hiệu nước Việt Nam từ đời Bắc thuộc) để cho đạo đức nhuần khắp thế giới. Cõi Giao Châu tuy nội thuộc nước ta mà xa xuôi quá vậy Pháp sư nên tuyển lấy các thầy Sa môn đức hạnh sang mà hoằng hóa cho dân ấy, để hết thầy chúng sanh đều biết đạo Bồ đề ». Pháp sư liền tâu: «Cõi Giao châu có đường thông sang Thiên trúc gần hơn ta. Khi Phật Giáo chưa du nhập vào đất Giang đông ta (1) mà ở cõi ấy đã xây dựng được hơn 20 ngọn bảo tháp độ được hơn 500 tăng sĩ dịch được 15 bộ kinh rồi. Vì ở bên ấy gần nước Phật hơn ta. Bây giờ có các vị Ma ha kỳ vực Khương tăng Hội Chi Cương Lương và Mậu Bác đến ở truyền đạo... Ngài muốn bố thí một cách bình đẳng, phải chú-Tăng sang truyền đạo...

4) Sách Pháp vụ thực lục chép: «Vào hội thế kỷ thứ mười ba có một ông tên là Kaudra gốc ở Đông Ấn giòng Brihmanes qua Giao châu một lần với ông Ma ha kỳ vực... »

Cứ theo mấy dẫn chứng trên điều thấy hợp nhau và cùng thấy mấy ngài Ma ha kỳ vực. Khương tăng Hội Chi cương Lương Mậu Bác là bậc truyền đạo đầu tiên ở nước ta.

I.— MA HA KỶ VỰC (Mârajivaka hay là Jivaka).— Trong sách Cao tăng truyện có chép : « Ngoài Ma ha kỳ Vực gốc ở Ấn Độ đi du lịch các nước bắt đầu từ Ấn độ đến Founan theo đường Giao Châu và Quảng châu (Bắc-việt và Quảng Đông bây giờ) : qua nơi nào ngài cũng làm phép lạ. Khi đến Tương dương muốn qua đò nhưng người lái đò thấy ngài quần áo rách ruối không cho xuống đến khi đò ngang cập bến thì mọi người đều lấy làm lạ thấy ngài đã

(1) Phật-giáo tuy truyền vào Trung-quốc từ năm 67 sau Tây-lịch kỷ nguyên, nhưng lâu về sau mới nhập-vô tới Giang-Đông.

ở bên này sông rồi.

Cuối đời Huệ Đế nhà Tấn (290-306) nước Tàu có loạn ngài trở về Ấn độ Ngài tịch năm nào không rõ.

Trong sách Phật tổ lịch đại thống tải chép : « Ông Ma ha k Vực đến Lạc dương vào niên hiệu thứ tư đời Tấn Huệ Đế (29 sau Tây lịch). Trước khi đến Lạc Dương ngài có qua Giao Châu và Quảng châu.

2.— KHUÔNG-TĂNG-HỘI (K'ang-seng-Houei) — Trong sách Lương-cai-tăng truyện của Huệ-Hạo chép : « Một người nước Khương tên là Tăng-Hội, gốc ở Khương-cư (Soadiane) mà đời tổ-tiên ngụ ở Thiên-Trúc. Phụ-thân ngài có qua buôn bán ở Giao châu. Ngài mồ côi cha mẹ từ thuở lên mười. Sau thời kỳ cư-tang ngài xuất-gia, chăm lo học-tập kinh-diễn đến trở nên một đạo-sĩ kh cao thời ấy. Ngài tính-tĩnh chơn-thật, hòa-nhã và rất thông-minh không những ngài thông hiểu tam-tạng, lục kinh, mà ngài còn nghiên cứu cả toán-số, thiên-văn đến văn-chương và chính-trị ».

Bấy giờ về đời Ngô-Tôn-Quyền (229 — 252) Phật-giáo mới truyền vào Đông-Ngô, nhưng chưa được phát-triển mạnh, ngài mới đó liền hết sức tuyên-dương Phật-Pháp khắp miền Giang-tả; ngài thường cầm gậy tầm-xích đi hành-hóa khắp phía Đông. Niên-hiệu Xích-Ô năm thứ hai đời nhà Ngô (247), ngài đến thành Kiến-Nghiệp (Nam-kinh bây giờ) làm một túp lều ở đó tu-trì và thiết trường giảng dạy. Vua Ngô-tôn-Quyền thấy ngài thì nhiều phép lạ lấy là ngạc-nhiên, đem lòng tín-phục và xây tháp dựng chùa ngài ở gọi là chùa Kiến-sơ, chỗ ngài ở thì gọi là Phật-đà-lý. Từ đó Phật-giáo mới thịnh-hành trong miền Giang-Tả.

Ngài có dịch nhiều kinh chữ Phạn ra chữ Hán. Ngài tịch vào khoảng niên-hiệu Thiên-Kỷ thứ tư nhà Ngô (280 sau Thiên-Chúa

3.— CHI-CƯƠNG-LƯƠNG (Tche-kiang-Leang) — Trong một bài khảo về bản dịch « Thập-nhị-du-kinh » của ông Pelliot có đề lời ông Phí-trường-Phòng trong sách Lịch-đại Tam-bảo ký rằng

«Đời vua Võ-Đế nhà Tấn (265-290) có ông Cưng-Lương Lâu-chí dịch kinh «Chân-hý» ở đất Quảng-Châu vào khoảng niên-hiệu Thái-Thụy (266).

Lại trong một bản kinh tịch chí, ông Nanjio có dẫn đến một ông tên là Chi-Cưng-Lương tiếp dịch kinh ở đất Giao-châu. Theo ông Pelliot kê cứu thì hai ông ấy chỉ là một người. Cưng-lương Lâu-Chí chữ Phạn viết Kalyanaruci, theo sự khảo-cứu của Trần-văn-Giáp tiên-sanh trường Bắc-Cồ Viên-Đông. (1)

4. — MÂU-BÁC (Méou-Pô) — Theo ông Pelliot khảo-cứu trong sách Mâu-tử lý-hoặc thì Mâu-Bác hay Mâu-tử cũng là một. Ngài người quận Thương-ngô tức Ngô-Châu bấy giờ. Sau khi vua Hán-Linh-Đế mất (189) ngài theo mẹ qua ở Giao-Châu. Bấy giờ nước Tàu rối loạn, các sĩ-phu tránh qua đất Giao-Châu rất đông, có nhiều người theo đạo Lão học phép tiên.

Ngài thường cùng đạo-sĩ biện-luận, nhiều khi họ không trả lời được những nghi-vấn của ngài; ngài liền phát-tâm theo Phật-giáo. Theo ông Pelliot kê-cứu thì ngài Mâu-Bác sanh vào khoản năm 165—170 Tây-lịch.

Ta thấy bốn ngài truyền Phật-đạo ấy, một ngài là người Tàu (Mâu-Bác) còn là người Ấn-Độ cả. Và so niên-đại thì ta thấy ngài Mâu-Bác là người truyền Phật-giáo ở đất Giao-Châu sớm nhất: năm 89 sau Tây-lịch kỷ nguyên. Vậy ta có thể kết luận: Phật-giáo du nhập vào nước ta vào khoản cuối thế-kỷ thứ hai.

(Ngoài ra lại có thuyết nói Phật-giáo truyền vào Giao-Châu từ hế-kỷ đầu, ngang với khi Phật-giáo du-nhập vào Trung-Quốc (67 Tây-ịch). (1) Hoặc giả đó là do Giao-Châu bấy giờ ở vào giữa con đường của các nhà truyền đạo hoặc khách buôn bán của Ấn-Độ Chi-

(1) — Le Bouddhisme en Annam — trang 241

(1) — Trong bài Phật-giáo Nam-lai-khảo đăng trong Tạp Chí Nam-Phong số 28 ra tháng Avr.l 1928. Nhưng trong một bài của ông Trần-văn-Giáp in trong Tạp-chí tiên Bắc-cồ năm 1930 (-l. XXX, P, 151 — 155) phê bình về bài Phật-giáo Nam-lai-hảo; đính-chính và nói rằng: «Tác giả P.G.N.L.K. nhận lầm năm Vĩnh-Bình đời Tấn, duệ-đế (294 sau T.L.) với Vĩnh-Bình đời Mán (61 sau T.L.) thành ra sai đến 2 thế kỷ»

Na qua lại với nhau, có ghé nhưng không ở nhất-dịnh để truyền giáo, nên không còn di-tích gì chẳng ? Vì theo ông Sylvain và ông Petliot kê-cứu thì Trung-Quốc và Ấn-Độ giao-hảo với nhau từ năm 245 trước Thiên-chúa giáng-sanh đến thế-kỷ thứ 7 đều lấy đất Giao-Chỉ, Giao-Châu làm trung-gian. Bọn du-khách qua lại phải đi ngang qua Bắc-việt bây giờ và bể Nam-hải. Như vậy ta có thể đoán đó chỉ là những nhà đạo-sĩ và những người buôn bán sùng đạo Phật mới đem tín ngưỡng đến xứ này về thời ấy, chứ chưa hẳn là truyền-bá giáo-lý ).

Ở bên Tàu từ sau khi vua Hán-Linh-Đế mất, chính trị trong nước rối-ren, những cuộc nội loạn bắt đầu sửa soạn cái loạn Tam-quốc sau này, thì đất Giao-châu được yên ổn dưới quyền chính-trị của Thái-thứ-Sĩ-Nhiếp (187 — 122).

Trong sách Mâu-Tử ký chép : « Sau khi Hán-Linh-Đế mất, trong nước rối loạn, chỉ có đất Giao-châu là tạm yên, nên những sĩ-phu đều sang tránh nạn ở đó. Nhiều nhà đạo-sĩ mang truyền các ngoại-đạo như Thần-đạo, Tiên-đạo, Trường-sanh đạo... ». Mà Mâu-Bác lại quy-y Phật-giáo sau khi đã khảo về Lão-giáo (theo sách Mâu-Tử lý hoặc ).

Vào khoảng năm 194 — 295 ông Mâu-Tử sang Giao-châu tự khảo Phật-đạo và truyền đạo. Những người Tàu khác cũng bắt chước (1)

Xét theo mấy dẫn chứng trên và trở lại dẫn-chứng thứ hai đầu mục này, ta có thể biết đại-khái Phật-giáo ở ta về cuối thế-kỷ thứ hai và đầu thế-kỷ thứ ba; hồi ấy đất Giao-châu đã có dư-luận về đạo Phật ở trong đám nhân-gian bởi những người Tàu và người Ấn-Độ. Nhưng chẳng qua đó chỉ là từng khu-vực thôi, chứ sự thật vị tất dân nước đã biết hết.

Nhưng theo lời Đàm-Thiên (dẫn-chứng thứ ba chương này) thì nước ta cũng đã dựng chùa, xây tháp đến 20 ngọn, tăng-sĩ đến 500 người và kinh dịch đã được 15 bộ. Dịch kinh thì có ngài Khương-Tăng-Hội dịch chữ Phạn ra chữ Hán —

---

(1) Le Bouddhisme en Annam của Trần-văn-Giáp trang 25.

thời ấy ta đã có theo học chữ Hán rồi —vào đầu thế-kỷ thứ ba; bấy giờ Giao-Châu nội-thuộc Đông-Ngô.

Năm 225—226 cũng có một người nước Nhục-Chi (Indoscythé) tên là Kalyânatuci tới Giao-Châu, dịch kinh Pháp-Hoa Tam-Muội.

Tuy nhiên ở Giao-Châu từ ấy đến hết thời Bắc-thuộc lần thứ nhứt (243 - 544) sang đến nhà Tiền-Lý (544-548) rồi đến đầu đời Bắc-thuộc lần thứ ba (608--939) Phật-giáo vẫn còn ở thời-kỳ phôi-thai tuy có Tăng-sĩ, có chùa, nhưng đó mới chỉ là một điều-kiện tôn-giáo-tín-ngưỡng thôi. Vì bấy giờ ta ảnh-hưởng trực-tiếp với Ấn-Độ hơn là với Tàu; bởi vậy trong một thời-gian khá dài ấy, ngoài mấy người Ấn-Độ thông chữ Hán dịch kinh, còn không thấy ai dịch nữa và cũng chẳng có một ai sang Tàu cầu kinh chữ Hán, nên Phật-giáo trong thời ấy có lẽ chỉ là hình-thức hơn là tinh-thần. Cũng là bởi từ khi Phật-giáo du-nhập nước ta (khoảng năm 194—195) ta còn nội-thuộc nước Tàu đến năm 544, những nhà cầm-quyền của Chính-phủ đô-hộ, không chính-thức nhận Phật-giáo cho người bản-xứ thờ làm một tôn-giáo đặc-biệt, nên không chính-thức ủng-hộ.

Lại đến đời Tiền-Lý (544—548) ta đã có vua và có Triều-đình, nhưng rũi sinh ra can qua luôn với Tàu, khi thì Tiền-Lý Nam-Đế chống nhau với nhà Lương, khi Triệu-quang-Phục (Triệu-Việt-Vương) trốn chạy, sau Lý-Phật-Tử lại nổi lên đánh Triệu-Việt-Vương, nước ta chính-trị rối-ren chắc các đời vua ấy không ngai nào rảnh để nghĩ đến đạo Phật nữa. Một đạo-giáo mới du-nhập không được Triều-đình hoặc Chính-phủ đô-hộ ủng-hộ như vậy, thì không được rực-rở phổ-thông là phải.

(Còn nữa)



## PHỔ CÁO

Quyển QUAN-HỆ-TƯ-TỬ-ỞNG do nhà xuất bản NGỌC-MINH, hợp thờ 935 Saigon, chịu trách nhiệm tái bản, in tại nhà in Sen Vàng; chùa Ấn Quang Cholon, giấy phép số 1.518/UBKDTƯ-KB ngày 28-5-66 đã in lại sai với bản chánh 70 chỗ và sót một đoạn 59 chữ, làm mất hết ý nghĩa đạo Phật. Vậy mong quý đọc giả hãy đốt giùm quyển ấy, nếu không có bản đính chính.

Thành thật cảm ơn quý vị  
nay kính

Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 1966

Tác giả T.T. THÍCH-VIÊN-GIÁC

## Giá báo AN LẠC dài hạn

1 năm : 400 đồng  
nửa năm : 220 »

Ra đúng ngày 1 và 15 hàng tháng  
báo gởi đến tận nhà bằng bưu điện...

# ĐỌC SỔ 10

- Mục diễn đàn Tăng Sinh : SÔI ĐỘNG
- Mục tiểu thuyết tình cảm : HỒI HỘP
- Mục xã luận : SÂU SẮC

## Đặc biệt nhất

Loạt bài năm mới nói chuyện HOA KỲ  
và

Loạt bài phải làm cách mạng đời sống DÂN NGÈO

## Đọc và cổ động tạp chí AN-LẠC

- Là trực tiếp mở rộng niềm An-Lạc cho chính mình và mọi người.
- Đọc AN-LẠC để biết mình có phải là dân nô lệ hay không ?
- Người Mỹ và Việt-Nam — Ai là ân nhân ai ?

AN-LẠC tạp chí tiếng nói trung thực, của giới Tăng-sinh.

Tờ báo dám nói thẳng, dám vạch trần mọi thói nát bất công của xã-hội, và dám nói lên những ưu khuyết điểm của nội bộ Phật Giáo.

Đón đọc sổ 10 phát hành ngày 30-3-67  
nhiều cây bút quen thuộc. Vị nào muốn đủ  
bộ từ sổ 1 xin thư về toà soạn .

68, Nguyễn-Huệ Phú-Nhuận (Chùa Quán-Thế-Ân)

Giờ Giao - Thừa, Giờ Tuyết - Hận  
Của  
CÁC NHÀ TIỀN BỐI CÁCH MẠNG  
VIỆT - NAM



**T**HẸO tục-lệ cò-truyền Việt-nam, còn có gì trọng-dại hơn là Tết Nguyên-đán, nhất là giờ Giao-thừa, khi năm cũ bước sang năm mới tiếng pháo chào mừng Xuân nở vang, trên bàn thờ tổ-tiên khói hương nghi-ngút, tất có những cuộc sống xô-bò bên ngoài dường như ngừng lại ở đây. đề hưởng tất cả những cái gì mới mẻ, đầm-ấm của gia-đình vợ chồng con cái.

Thế mà những chiến-sĩ cách-mạng Việt-nam, với quan-niệm tổ-quốc trên hết, hay là như câu nói của Tôn-trung-Sơn : « Tổ-quốc cư Tổ-tông chi thượng, dân-tộc tại gia-tộc chi tiên », mà giữa những tiếng pháo chào Xuân trong đêm Giao-thừa ấy, thường được chen lẫn với những tiếng súng trừ giặc của những chiến-sĩ cách-mạng Việt-nam. Có kẻ đã thành-công, có người thất-bại để rồi được vì nước bỏ mình trong cái giờ phút thiêng-liêng ấy.

Với một số tài-liệu góp nhặt rất nghèo-nàn, chúng tôi cố-gắng biên-khảo bài này, đề cống-hiến đồng-bào những mẩu chuyện bi-hùng

lý-thú, đề rồi trong giờ phút Giao-thừa năm Đinh Mùi, trước bàn thờ tổ tiên. khói hương nghi ngút, khi chúng ta tưởng-niệm tới ông bà,cha mẹ,đồng thời liên-tưởng tới những vị tiền-bối cách-mạng, đã hiến thân cho đất nước trong giờ phút thiêng-liêng.

**Tướng Cần-Vương Nghệ-an Lê-đức-Bảo đã phục-thù cho  
Thượng-Tướng Cao-Thắng như thế nào ?  
Và tuần-nạn ra sao ?**

Mọi người chúng ta ai nấy cũng còn nhớ Cao-Thắng là một vị danh-tướng của nhà lãnh-tự Cần-vương Phan-đình-Phùng. Tháng 10 năm Quý-tý (1893), Ông chỉ-huy nghĩa-quân xuất-phát từ Vũ-quang kéo về tấn-công thành Vinh, dọc đường từ Vũ-quan về Vinh nhiều vị-trí của Pháp bị công-phá. Nhưng khi nghĩa-quân kéo tới đồn Nọ, thuộc địa-phận Hà-tĩnh (gần chợ Chẽ) thì bị Phiến tên đồn trưởng có tiếng thiện-xạ, bắn trúng vào ngực Ông Chết mất Thượng-Tướng Cao-Thắng, Cụ Phan-đình-Phùng như bị gãy cánh tay phải. Về phần tên Phiến, thì uy danh đối với Pháp lại cao, mặc dù là uy-danh theo cái nghĩa xấu xa đen tối của nó.

Thế rồi đến Tết năm Quý-Tý ấy một tướng Cần Vương ở Nghệ-an là Lê-đức-Bảo, người làng Yên Lạc, tổng Xuân-Liệu, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an xuất thân là một Chánh-quản lính tập, nên có tên là Quân Bảo.

Nhè vào giữa đêm Giao-thừa bọn lính tập và Phiến, kẻ thì về phép, người thì rượu chè túy lúy, lại có bọn đâm đầu vào sông bạc, sát phạt đen đỏ. Thừa cơ, Ông Bảo chỉ-huy nghĩa-quân xung-phong vào đồn. Thiếu đề-phòng chuẩn-bị, Phiến không dám chống-cự, treo cờ sau hông tàu-thoát, Ông Bảo trông thấy thúc ngựa đuổi theo bắn trúng Phiến nhào đầu theo chiều đạn. Khi Phiến đã ngã gục xuống Ông Bảo định đến tận nơi đề kết-liệu đời bản thủ của hắn. Không ngờ con ngựa mà Ông Bảo cưỡi hôm đó lại chính là con ngựa của Phiến mà trước đây Ông Bảo dùng nó để trốn khỏi hàng ngũ nguy-quân về với chánh nghĩa kháng-chiến. Con ngựa nhận-

chủ củ không chịu chạy thốc thẳng tới. Phiến tuy bị thương ngã xuống nhưng trong tay vẫn giữ súng, nên y đã lấy hết tàn lực bắn phát cuối cùng, không ngờ viên đạn vô tình nhưng tai ác đã trúng ngực Ông Báo, đề rồi cả hai đều chết trong đêm Giao thừa năm Quý-tỵ ấy.

### Nguyễn-danh-Cần Tri-Huyện Đông-sơn

#### bị xử tử giữa đêm 30 Tết

Ai đã đọc lịch-sử cách-mạng Việt-Nam đều thấy rằng Cụ Tổng Duy-Tân nhà lãnh tụ Cần-vương tỉnh Thanh-hóa bị Pháp bắt và hành-hình ở bãi Bần, gần thị xã Thanh Hóa nguyên do vì sự chiềm của tên tàu cầu Pháp, Cao-ngọc-Lệ.

Nhưng trong vụ ám muội ghê tởm này còn có kẻ tòng-phạm nữa là Nguyễn-danh-Cần mà xưa nay ít người biết đến.

Nguyễn-danh-Cần người xã Xuân-hộ, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an, đỗ Phó-bảng, làm Tri-huyện Đông-sơn thuộc tỉnh Thanh-hóa (nguyên hồi ấy Đông-sơn còn là huyện sau mới dời ra phủ),

Cần là Tri-huyện Đông-Sơn, đồng thời làm tàu cầu cho tên Công-sứ Thanh-hóa. Bàn tay ghê tởm của y đã nhúng vào máu của vị thủ-lãnh Cần-vương Thanh-hóa Tổng-duy-Tân, nên y bị Tòa-án « Minh-nghĩa » của nghĩa-quân Cần-vương tỉnh nhà (Nghệ-an) bí-mật kết y vào tội tử-hình, bản án ấy giao cho một hiệp-khách trong đảng tên là Lê-đức-Đản, tục gọi là cậu Nho-Đồn, người huyện Thanh-Chương thi-hành.

Vào dịp Tết năm ấy, theo thường lệ, cứ đến ngày 25 tháng chạp các phủ huyện nào cũng làm lễ « sắp ấn ». Sáng hôm sau quan Huyện nhà ta, thầy trò lính tráng, vống gánh đèn tráp, nghênh-ngang lên đường về Nghệ ăn Tết, buổi chiều 30 Tết thì ngai về tới nhà. Trong nhà chuẩn bị ăn uống, giết bò, giết heo, sắm sửa chưng dọn, tối 30 Tết đèn sắp sáng trưng.

Vừa đúng giờ Giao-thừa. trong khi quan Huyện đang chễm-

chê ngồi trên chiếc sập gụ dùng trà, sai bảo lính tráng tờ thầy trên dưới dạ ran, thì hiệp sĩ Lê-đức-Đản cầm đầu vài ba người hiệp-khách, võ-trang súng ngắn. xông vào nhà, chĩa súng vào giữa mặt, dùng dây trói quan Huyện lồi đi. Họ dẫn quan Huyện Nguyễn-danh-Cần lên đồi núi Tán, một hòn núi ở ngay địa-phận xã Xuân-liệu. Ở đó người ta thiết lập sẵn một bàn thờ, khói hương nghi-ngút, có bốn năm người chờ sẵn.

Trước nhất người ta làm lễ truy-diệu nhà ái-quốc chí-sĩ Tổng duy-Tân, Tiếp đó người ta tuyên đọc bản án tử hình tên Cần do Tòa-án «Minh-nghĩa» kết tội, cuối cùng người ta thi-hành bản án. Trong tiếng pháo Giao-thừa của đồng-bào xã Xuân-liệu năm ấy, được chen vào mấy tiếng súng kết-liệu một đời làm chó săn của tên mại-quốc cầu-vinh Nguyễn-danh-Cần,

Nguyên Ông Lê-đức-Đản, tức cậu Nho-Đôn, trước đó có tông học ở xã Xuân-liệu. Vì vậy trong khi giải tên Cần, dưới ánh đèn sáng trưng, bị tên tuần thôn trông làng núp trong bụi tối trông thấy mặt, phi báo xuống Tổng-dốc Nghệ-an. Nên sáng Mồng 2 Tết Lãnh binh Nghệ-an mang lính tuần thành về tận Thanh-Chương bắt Ông Đản.

Bắt được Ông Đản, người ta giải về tỉnh đường, dùng cực hình tra tấn, bắt tiêu xưng đồng-lôa nhưng nhà hiệp khách Lê-đức-Đản cương-quyết không thú nhận và chịu-khai một đồng đảng nào, mặc cho bọn quan liêu phong kiến Nghệ-an, nào vô nọc roi vọt, kim nóng, kim nguội, nường mâm thau,

Tới nay ở Nghệ-an người ta còn nhớ được bài thơ sau đây của nhà hiệp sĩ đáng kính ấy làm ở đề-lao Vinh :

*Mồng một nghe cú kêu*

*Cú kêu thiệt dã hèo*

*Tra tấn luôn mấy trận*

*Khu nát đã ba chiều*

*Khu nát mặc khu nát*

*Can trường đề mấy xiêu*

*Quân cướp và bán nước*

*Một bè lũ cá diều.*

Mặc dù không thú nhận, thực-dân và phong-kiến vẫn khép hiệp-sĩ dân vào tội tử-hình, một là đề trả thù cho tên đầy tớ trung-thành của họ là Nguyễn-danh-Cần, hai là đề che lấp với quan thầy, một vụ án mạng tày đình mà «nhà chức-trách» tìm không ra thủ phạm,

### **Nhà tiên-bói cách-mạng Phạm-văn-Ngôn**

#### **bị bắt vào giữa đêm 30 Tết**

Ông Phạm-văn-Ngôn tức Tú-Ngôn, người làng Tùng-ảnh (Đức-thọ, Hà-tĩnh), biệt-hiệu là Tùng-nham (có nghĩa đỉnh núi Tùng ở địa-phương Đức-Thọ).

Năm 1907 Ông xuất-dương qua Tàu. Năm 1909 Ông được đảng cách-mạng ở Tàu phái về Việt-Bắc (Yên-thế) giúp Hoàng-hoa-Thám, đầy mạnh phong-trào kháng-chiến ở đây.

Vị-trí quân-sự của Ông đóng ở Phồn-xương, một tiền-dồn của nghĩa-quân Yên-thế, ở đây đã từng vùi bao nhiêu xác quân thù. Vì vậy, danh-từ «Đồn Thầy Tú Nghệ» đã làm cho quân pháp ghê sợ, nhân-dân mến-phục (ở đó người ta không phân-biệt được Ông là người Nghệ-an hay Hà-tĩnh nên mới có tên đó).

Năm 1911, Ông về công-cán ở hạt Nghệ-Tĩnh với mục-đích chiêu-mộ thêm cán-bộ và vận-động tài-chánh. Tối 30 Tết năm ấy, ông đang nằm ở cơ-sở thuộc làng Xuân-tĩnh, tổng Kim-kê, huyện Nghi-lộc (Nghệ-an). Không ngờ bị tên đầu cầu của tên Tri-huyện Ân (Tri-huyện Nghi-lộc) tên là Nguyễn-đức-Hình, tục gọi là Trù-Hiên, hít được hơi, hần phi báo cho Huyện-Ân. Gần tới giờ giao-thừa tên Ân mang lính huyện hợp với phu đoàn tổng, xã tới vây bắt. Bị vây bắt ngờ,, lại thế cô nên sau một giờ xung-đột kết cuộc Ông Tùng-Nham bị chúng bắt.

(Xem tiếp trang 58)

# Xuân lòng Dân tộc

EM

Người yêu duy nhất của đời anh  
Một thời gian ước định đã trôi qua,  
Và kết thành một mùa xuân, trở về với lòng dân tộc,  
Em thấy gì khi mùa xuân đất nước đã về hỡi em yêu,  
Tiếng khổ đau của dân tộc đã tràn ngập cả đất trời  
Đã chán chường uể oải, không còn thiết tha nữa  
Nhưng không hèn mạt nàng xuân cũng mặc thản nhiên về  
Xuân năm nay xuân mấy năm rồi.  
Và xuân gần một thế kỷ của người dân Việt đã trôi qua  
Mùa xuân của lịch sử  
Em đã thấy gì khi ý xuân rộn ràng tràn ngập về trên lòng đất mẹ thân yêu  
Người dân Việt khổ đau đã lấy gì để đón xuân về trong những năm dài khói lửa  
Ai gây ra xuân tang tóc ?  
Ai gây ra xuân oán hờn ?  
Ai gây ra xuân cốt nhục tương tàn ?  
Ai gây ra xuân chia đôi lòng đất mẹ ?  
Có phải chính chúng ta không ?  
Ai ? hỡi đất trời sâu khỗ  
Biển rộng mênh mông  
Hỡi người anh em gái trai đất Việt  
Hãy giác ngộ tình giặc bản thù khổ đau ngàn đời của dân tộc  
Hãy tình giặc ương hèn vị kỷ mà kết chặt tình thương, để ngày mai  
Xuân về không còn thấy cảnh đau thương  
Đón xuân sang bằng tiếng bom đạn kinh hồn  
Kết hoa xuân bằng máu đào dân tộc  
Và bằng thầy người gục ngã khắp cả nước non  
Hỡi người dân Việt mến yêu  
Với một truyền thống anh dũng ngàn đời  
Biết dẹp tình riêng mà kết chặt tình thương  
Thì không còn lo gì ngày mai, nhứt định  
Chúng ta sẽ đón được một mùa xuân  
Đầy ý nghĩa thấm tươi của tiền nhân ngàn đời để lại  
Đề mọi khi đón xuân về  
Hoa xuân thấm nở đượm tình quê hương.

MINH THẾ (Hà-Tiên)

LONG - NGA

TRẦN  
NHƯ  
NGUYỄN

# MÙA XUÂN

với

# NÔNG THÔN



viết cho Lý-Linh-Yu và em Cẩm-Hà Saigon

**T**Ừ mấy mươi năm nay và đã biết bao nhiêu mùa xuân rồi có bao giờ ai dám trả lời dứt khoát với toàn dân là đã có một mùa xuân thanh bình về với dân tộc. Nói gọn lại là những ngày tết được an yên trọn vẹn trên toàn lãnh thổ của đất nước Việt này. Thực tế là vậy đó !

Nhưng từ bấy lâu nay người ta đã nói nhiều về xuân, người ta ca tụng mùa xuân, người ta lợi dụng cái đẹp của nó để phóng đại sự hòa bình, phóng đại sự an yên.

Người ta tự động hóa cái an yên từ thành thị về đến nông thôn đâu đâu người ta cũng cho là vui đẹp. Người ta nói như thế để vui nhẹ bớt lòng dân, một phần để vừa lòng bề trên và phần nữa là để làm chuyện thương mại cốt sao hốt cho nhiều bạc cất mà thôi. Cho nên người ta mãi cứ ca tụng mùa xuân đẹp (trong lúc nó không đẹp chút nào) dù phải tốn biết bao nhiêu là giấy mực và cứ thế từ nhật báo, tuần báo đến chi chi người ta cũng cho là đẹp, là mùa xuân thanh bình và tết về hạnh

phúc. Trong khi thực ra từ mấy chục năm nay rồi trên mảnh đất này có bao giờ người dân được trọn vẹn hưởng vui với một mùa xuân, một cái tết thanh bình thật sự theo đúng cái nghĩa của nó. Chưa có, và thật sự là chưa có! Bởi vẫn còn dùng đoàn binh đầy đó tiếng bom, tiếng súng và hỏa châu đêm đêm rọi sáng khắp đất trời Việt Nam và dân đồng quê không lúc nào giảm bớt được cảnh đói đau chết chóc, với hoang tàn đang tràn lan trong thôn xóm...

Máu và nước mắt đã chảy nhiều với dân đồng quê trên đất nước này, từ hơn mấy mươi năm nay rồi mà nhất là trong hai năm gần đây dân nông thôn lại càng khổ đau hơn bao giờ hết. Cho nên với mùa xuân này và tết năm nay họ không muốn mong gì hơn ở các nhà báo, nhà văn và những thi nhân tài ba nên nói ra sự thật của đồng quê, dù sự thật đó có chưa xốt đến đâu và họ cũng mong cầu ở các nhà lãnh đạo quốc gia đừng nên tự ái vì thế diện mà nhận lãnh muôn mọi tiếng lòng của quốc dân để sửa sai và sắp xếp lại nề nếp chống cộng sao cho có hiệu quả hơn đề đồng quê được sớm thấy cảnh thanh bình thật sự

của nó. Họ đang cầu mong một an ninh thôn xóm trở về với họ, đề họ — những người hiện nay đang lưu lạc ở khắp bốn phương trời nước Việt đang hướng về quê cũ với một mùa xuân đã về cùng hương khói của những ngày tết thiêng liêng sao quá lạnh nhạt đối với họ. Vẫn biết ở đâu cũng vậy, nhưng vốn bản chất của người nông thôn họ quan trọng lắm đối với những ngày đầu xuân, những cái tết về đối với họ.

Riêng năm nay, tôi chắc rằng hơn 70% dân nông thôn không có tết nhứt gì cả — Tôi cảm thông và xin chia buồn với đồng bào trên khắp đất nước Việt miền Nam này về một mùa xuân không mấy đẹp đó — Bởi một số hiện lưu lạc về các đô thị thì vì chật vật về nếp sống, một phần buồn, nhớ quê hương trong những ngày xa vắng của tết về. Số ở lại nông thôn, quê cũ thì nom nớp sợ cảnh đạn, bom, khóc than bên xác chết do nhiều sự rủi ro đưa lại. Và phần lớn nữa đồng bào ta ở trong những vùng địch kiểm soát, làm gì thấy rõ được một mùa xuân, và cái tết về đối với họ...

Một nước Việt miền quê thì như thế đó, trong khi ấy ở các đô

thị hay nói rõ ra là ở những chỗ có an ninh hoàn toàn thì họ lại; có biết gì về nông thôn đang đau khổ — Trong khi họ vẫn cứ ăn chơi sa đọa và tận hưởng muôn mọi xa hoa của thị thành và thậm tệ hơn nữa là còn có những cảnh những lạm công quỹ có nơi đến hàng mấy mươi triệu, bọn cường hào ác bá của một lớp cán bộ lỗi thời còn sót lại trong các cơ quan công quyền của nhà nước đến đòi đề tướng Kỳ phải long trọng tuyên bố: «... Tôi sẽ cho thanh lọc tận cội rễ cùng bắn bỏ một vài thằng và chánh phủ này là chánh phủ của người nghèo... » Tiếng nói của tướng Kỳ thật đáp đúng nguyện vọng của người dân nhất là dân nghèo ở nông thôn. Cho nên thằng dân nông thôn sau khi nghe ông Kỳ nói họ khoái quá trời và hiện họ đang theo dõi hành động của tướng Kỳ để có quả thật là một chánh phủ của người nghèo hay không? Những mong thiếu tướng Kỳ và toàn thể chánh phủ này sớm hành động những công ích vì nước, vì dân để nông thôn khỏi tủi hận vì bao thời chánh phủ qua đã làm hư nát ruộng vườn và lũy tre của họ !

Làng quê hiện đau khổ lắm !

Bởi vì chưa có một quốc gia nào sau đệ nhị thế chiến lại bị họa chiến tranh dai dẳng bằng nước Việt miền Nam ! Chưa có một dân tộc nào đau khổ dài lâu bằng nhân dân miền Nam, nhất là dân ở thôn quê ! Các chánh khách ngoại quốc đến xứ này tất phải nhận diện hai bộ mặt cách biệt của nó : Một Sài gòn hoa lệ với hàng dây xe nhà bóng loáng, với hàng trăm trà đình tửu điểm, với những đoàn người hầu như vô tư, ung dung dạo phố lăm lăm lại hành diện với phong độ hào hoa của mình trên các đại lộ như Lê Lợi — Tự Do v.v... Và một nước Việt miền quê với những ngôi nhà tranh, vách đất xiêu vẹo đông đưa theo làn gió. Đã thế, ngày nay lại còn bị cảnh súng bom đe dọa. Với đa số thôn dân gầy đét khô khan, với đàn trẻ da xanh, bụng ườn, cơm không đủ no, áo không đủ ấm làm mỗi cho muỗi mòng và không biết chết lúc nào vì bom đạn. Đời sống của họ, toàn dân của một nước Việt miền quê ngày nay đang bị đe dọa một cách kinh khủng. Ai là lãnh tụ của họ bây giờ ? Họ đang chờ mong người đó xuất hiện để giải tỏa, cứu vớt họ sớm ra được cảnh sa lầy tại nông thôn. Được thế, họ sẽ

(Xem tiếp trang 65)

# Diệu Lương Xuân

Ta say đắm hoài mơ Chân, Thiện, Mỹ  
Nở khắp trời di chỉ một mùa Xuân  
Cho muôn phương an lạc mãi không ngừng  
Và vĩnh viễn lắng theo dòng nhạc gió . . .

Vội nâng ấm sắc hồng pha ngọn cỏ  
Chim tung vờn đây đó hót reo vui  
Hoa muôn phương hương trái lấp ngậm ngùi  
Tràn giọng hát lời êm xanh ý ngọt . . .

Vũ đăng quang dương cầm ngân thánh thót  
Nâng Sen vàng cừu phẩm nhẹ nhàng lên  
Đến thanh không Thiên vị dựng xây nền  
Vô thức pháp se duyên tình **BÁT NHÃ** . . .

Đức TỶ-LÔ GIÁ-NA, thân khắp cả  
Hạnh, Thiện, Từ, Thường, Lạc, Tịnh, An  
Vườn Hoa-Nghiêm hương khói chiền đàn  
Phô vi diệu mệnh mang lòng **ĐẠI-NGÃ** . . .

Sáng như ngọc chiếu soi tất cả  
Trong xanh ngần tuyết diễm diệu lương xuân  
Ánh vàng bay thanh bát mãi không ngừng  
Vô cảnh giới là **XUÂN ; CHÂN, THIỆN, MỸ**.

**Hương - Nguyễn**

XUÂN ĐÌNH MÙI

# THĂNG CỒ-VỊT

Truyện ngắn VŨ HUYỀN

1.— Cồ vịt . . . . . cồ vịt . . . . .

Cồ vịt . . . . . cồ vịt . . . . .

Lúc đầu không ai biết rõ xuất xứ cũng như đối tượng của hai tiếng chọc ghẹo kỳ dị này, nhưng dần dần sự suy đoán trở nên dễ dàng. Cứ vào những buổi tan học, trưa hay chiều, từng đám học trò nhỏ — tiểu-học — cùng nhả vào cái quán cúp mới dọn bên vệ đư ờng mà la hét : (ê, Cồ vịt . . . Cồ vịt). Nếu gặp phản ứng của (Cồ vịt) mà bọn chúng không cho là có quyền uy, thì chúng tức giận và thêm vào một mạo từ không mấy lịch sự : (Thăng-Cồ-Vịt).

Tuy không thành hội hè, không bày vẽ nhau trước, nhưng tất cả lũ trẻ, hề có đi ngang qua đấy, đều thuộc lòng những giai đoạn hành động. Trước khi đến quán cúp, bọn chúng đã lăm lét dò xét xem thử có, (Thăng cồ Vịt) trong quán không, và nếu có thì hán ta đang làm gì, hoặc có khách hay không. (mà thường là không). Về phía Cồ-vịt, hán ta cũng biết rõ trước những động tác của bọn trẻ nhưng vẫn cố tình làm ngơ, âm thầm và kiên nhẫn mong được chúng buồn tha. Hán cố gắng không nhìn ra đường nhưng rồi tinh tò mò và mặc cảm thúc đẩy và ngay khi hán chịu thua sự cám dỗ nhìn ra thì những tiếng (Cồ-vịt) đã thi nhau vang dậy với đủ mọi cung bậc thăng trầm. Cồ-vịt không gín giữ nữa và bộ mặt căm, hờn của hán không làm lũ trẻ sợ hãi : chúng

đã thoát ra ngoài vòng kiềm tỏa của Cồ Vịt. Trong bọn thỉnh thoảng, có đứa muốn tỏ cái can đảm phỉ thường của mình — tuy khoảng cách an-toàn đã quá bảo đảm — bằng cách kêu réo hai tiếng Cồ Vịt) thật to, thật dài, thật tru tréo và cũng thật khiêu khích, tựa hồ như người ta la nhà cháy hay réo gọi tên cha, tên mẹ của thằng đang gây lộn với mình. Tuy muốn tỏ ra can đảm phỉ thường nhưng hán cũng chẳng khác gì mấy đứa kia, nghĩa là đều đề phòng cẩn mật: tay xách dép, dây mũ trật xuống cằm. Đứa nào cũng ở trong tình trạng báo động và sẵn sàng chiến đấu theo cách của chúng: chạy. Và tinh thần chiến đấu sẽ tùy thuộc vào kích thước ngắn dài của cặp giò họ mệnh. Có thằng nhỏ quá, tuy chỉ tham dự vào trò chọc ghẹo một cách thụ động nhưng mỗi khi trông thấy Cồ-Vịt ngó ra cắn hờn với một bàn tay chỉ chò dọa nạt và đôi chân như muốn chạy đuổi với hết tốc lực thì đã sẵn hờn, mặt mày tái xám rồi dậm dẫu chạy, chạy quên tên quên tuổi, quên cha mẹ ông bà... đến nỗi khi những thằng lớn hơn, (can đảm) hơn kêu đứng lại vì báo động lầm thì hán cũng không còn nghe thấy nữa. chỉ đến khi mặt ửng hơi, liếc nhìn lui một cái thử xem thì hời ới là tức giận, là xấu hổ: không ai chạy cả. Tinh thần chiến đấu được áp dụng rất hăng nhưng không đúng lúc. Hán trở lui vừa tự nhiên lắm bầm: (Tồ cha Thằng Cồ Vịt), dù là tuổi hán cũng chỉ đáng làm... con (Thằng Cồ Vịt)! Phải rồi, bao nhiêu tội lỗi, oán hờn đều đổ cả lên cồ... (Thằng Cồ Vịt) vì ai bảo hán là... (Cồ Vịt). Tất cả mọi người, kể cả Cồ-Vịt đều không tìm ra được một sự giải thích nào thích đáng hơn. Tàn nhẫn, bất công. Nó như cuộc đời, nằm kia và thế đấy!

Thật ra thì Cồ-Vịt thừa sức đuổi kịp và tuy ốm yếu cũng thừa sức cho mỗi thằng một chưởng chết ngay không kịp ngáp. Nhưng Cồ-Vịt cũng đủ khôn ngoan để hiểu rằng hán chỉ có quyền dọa bọn trẻ mà thôi. Nếu lỡ ra mà bắt được một thằng thì cũng không biết phải cư xử ra làm sao nữa: chúng vô tội, chúng nhỏ quá, con nít mà! Có khi đuổi kịp một thằng nhỏ nhưng liền ngay sau cái phút giao động vì va chạm, cả thằng bắt lẫn thằng

bị bắt đầu bối rối không biết phải làm gì. Thắng nhỏ lúc đầu sợ hãi lắm, định nói một cái gì để chứng tỏ sự chọc ghẹo chỉ là một hình thức của tình thân hữu nhưng chưa nghĩ ra, một phần cũng vì sợ sự trả thù ghê gớm của một người khác thường là Thắng Cồ-Vịt. Nhưng sau khi thấy Cồ-Vịt chỉ làm bộ hung hăng chụp nó lay lay ít cái lấy lệ thì thắng nhỏ lại làm ra vẻ anh hùng toan đề tỏ ra cái không bao giờ thêm sợ cái Thắng-Cồ-Vịt đó cả. Và khi Cồ-Vịt bỏ đi trong căm phẫn sừng sùng thì bọn chúng lại thả cửa ê a bêu xấu Thắng-cồ-vịt không làm gì được chúng. Khi đó thì những thằng này giờ không dục vào chiến cuộc cũng có dịp tỏ ra can trường là bêu xấu Thắng-cồ-vịt ngay cả khi có hân ta đứng bên cạnh, rất gần. Và lúc đó thì lũ trẻ có ê a gì cũng mặc, Cồ-Vịt lủi thủi quay về quán cúp với nỗi chua xót của người thắng cuộc. Khi chạy đuổi hăng hái bao nhiêu thì lần trở về buồn tẻ bấy nhiêu, Tuy vậy Cồ-Vịt cũng cố gượng vớt vát lại đôi chút uy tín đã cay đắng bỏ rơi ở dọc đường chiến trận bằng cách thỉnh thoảng ném lại những cái nhìn khinh khỉnh, tha thứ của một người quân tử bề trên không thèm đánh kẻ dưới ngựa,

Có lần đạp xe dạo chơi ngoài đường cái, Cồ-Vịt bỗng nghe một tiếng gọi mạnh dạn ngon lành như của người bạn thân ngang hàng (ê), nhưng khi quay nhìn lại thì chỉ thấy một thằng nhỏ, nhỏ quá đến nỗi Cồ-Vịt không tưởng nó đủ sức thoát ra một âm thanh to tát, ngon lành như thế được. Sự sững sờ ngẹn ngào của Cồ-Vịt làm thằng nhỏ quá nhỏ đó còn làm hách hơn. Hân hếch cái mặt tí xiu (vô tội) khiêu khích thằng Cồ-Vịt, trợn mắt, méo miệng như đùa cợt với thằng em nhỏ hơn đến 5,6 tuổi. Với nét mặt khó hiểu — chấp nhận hết mà từ chối hết Cồ-Vịt đã êm thắm đầu hàng.

Tuy nhần nhục nhiều thế mà Cồ-Vịt không sao tránh khỏi phiền phức trong những lần giao tranh mà Cồ-Vịt vẫn nắm phần thắng lợi một cách chua xót. Có lần vào buổi gần trưa, Cồ-Vịt đang ngồi lim dim đợi một khách hàng không hẹn trước thì bỗng thấy một thằng nhỏ đạp xe ngang quán và đang nhìn vào một

cách gian xảo. Không gìn giữ, Cồ-Vịt nhìn lại và cố tạo cho cái nhìn một vẻ quyến rũ thân thiện, nhưng kết quả vẫn rất đáng đau buồn. Thằng nhãi đạp xe chưa qua khỏi quán đã hết hò (Cồ Vịt) ầm ỉ. Nồi máu anh hùng... vịt, Cồ-vịt nhảy vọt ra và rúi thay chụp ngay được thằng nhãi con đó. Nhưng chưa làm gì được nó — mà cũng may đấy — Cồ-Vịt đã nghe một giọng nói đàn bà từ phía sau lưng.

Ê, Chi mà dữ rứa ?

Cồ-Vịt thoát khỏi tình trạng dẫn cò và quay lại. Tưởng lần này gặp người lớn mà phân trần, Cồ-vịt vẫn xui xẻo. Bà mẹ thằng nhãi đã tỏ ra không chút thiện cảm với Cồ-vịt :

— Con nít chi mà dữ rứa ?

Cồ-vịt chỉ còn biết trút hết hận thù vào thằng nhãi :

— Đồ ba de, học trò chi...

Nói chưa dứt lời thì Cồ-vịt đã vội vàng quay về quán cúp. Thế là thêm một lần đau xót. Thằng nhãi lần này lại có dịp ném cái nhìn trả thù : cũng khinh khỉnh, tha thứ của người quân tử bề... dưới.

Cũng đôi lần Cồ-vịt áp dụng biện pháp mạnh : đôi đá. Nhưng đôi đá thì bất lợi cho Cồ-vịt. Bọn trẻ đông xấp 10, 20 nên Cồ-vịt ném được một thì bọn chúng 10, 20... Thế nên ít khi Cồ-vịt dùng đến biện pháp mạnh. Ít mà vẫn gặp rúi, đó là cái số của Cồ-vịt. Có lần ném trúng một thằng nhãi, nó khóc la om sòm, mẹ nó ở gần đấy đến chửi mắng Cồ-vịt: Hắn vẫn giữ nét mặt căm thù để chứng minh sự nóng giận của mình là phải lẽ. Còn thằng nhãi thì chỉ một mực lu bù như tường hòn sỏi đã trúng nhằm chỗ hiểm và sắp gây một bệnh nội thương trầm trọng. Xót ruột, mẹ thằng nhãi lên tiếng giận dữ :

— Sao mi lại đôi vào nó ? Hí, lỡ nó trúng vào chỗ hiểm thì sao ? Hí, nó nói gì mi, hí ?

— Ai đủ nó kêu tui Cờ-vịt làm chi!

Ơ ! Ơ ! Nó kêu Cờ-vịt chứ nó có kêu tên mi à ? Thế mi là Cờ-vịt à ?

Thế là Cờ-vịt thua lý và đồng thời nhận ra rằng cái tên Cờ-vịt là nhãn hiệu của thắng Cờ-vịt, không chối cái gì được nữa. Nhận hay không cũng thấy kệ thắng . . . Cờ-vịt !

oOo

II. Thật ra thì Cờ-vịt chỉ mong được sống bình yên với cái quán cúp nghèo nàn mỗi ngày được vá chắp thêm một miếng thùng thiết củ. Thoạt tiên, Cờ-vịt dựng cái quán cúp vào lúc nào không ai biết rõ. Chỉ biết rằng một sáng mai nào đó, đi ngang qua đường, chợt nhìn vào và thấy xuất hiện một cái khung nhỏ — hay một cái hộp lớn — và không có cửa, nghĩa là không cần phải đóng lại mỗi khi Cờ-vịt ra về vào lúc gần tối. Đồ nghề do đó cũng được đem đi, về theo chủ mỗi ngày. Và ngay cả trong những ngày hàn vi mưa gió này tiếng «Cờ-vịt» đã làm giông bão trên cuộc đời Cờ-vịt tưởng đã bình lặng âm thầm Bên dưới những chữ bằng phấn viết mạnh trên miếng thùng : HỐT TÓC BÌNH DÂN vẫn nghiêm nhiên oai hùng và ngạo nghễ cũng bằng phấn viết mạnh : CỜ VỊT. Nét chữ — dưới cũng như trên — xấu xí bằng nhau, nhưng vẫn được nắn nót kỹ lưỡng chứng tỏ người viết đã công phu và kính nể Cờ-vịt không ít. Nhưng thiện chí này đã không được đền đáp xứng đáng. Sáng sớm hôm sau Cờ-Vịt đã không tiếc tay chùi xóa cái vết tích của « những lần đau xót ».

Khoảng chừng 25, 26 tuổi nhưng Cờ-vịt có cái khuôn mặt choắt và trông già nua đến quá mấy lần cái tuổi đó. Người hẳn ta thấp nhỏ ốm yếu — cái ốm yếu bệnh hoạn nghèo đói và bầm sinh. Nhìn hẳn người ta có thể hình dung đến những trẻ con nhà nghèo dễ thiếu thốn và lớn lên trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng. Khuôn mặt đã choắt và mang nhiều nếp nhăn như của một người đã vất vả qua nhiều sóng gió của cuộc đời chìm nổi. Thật ra không ai hiểu rõ quá khứ cuộc đời Cờ-vịt là chìm hay nổi nhưng ai cũng đoán là

(Xem tiếp trang 49)

## MÙA XUÂN LÊN ĐƯỜNG

Rồi những mùa xuân cũng bỏ tôi  
Mùa Xuân huyền diệu ngủ trong tôi  
Mùa xuân trải rộng trên trang sách  
Theo phấn phù hoa chết cuối trời



Đá vọng lời âu yếm cũ xưa  
Phòng mình mộng lạnh nuôi âm thừa  
Thồ nghi còn vết thương hoen máu  
Ai chết đêm nào giữa gió mưa ?



Rời đất chuyền mình, cây héo khô  
Khúc quanh, lịch sử mở sông hồ  
Một trời mộng寐 theo binh lửa  
Đã tắt trên trang giấy học trò



Tôi sẽ làm gì giữa vắng im ?  
Mùa xuân hoang phí đã qua thêm  
Nhạc thiếu bưng dậy bình minh cũ  
Sao chết rã rời trong cõi đêm ?



Anh hãy đi, đừng phí tuổi hoa  
Xuân ngàn sau dội tiếng sơn ca  
Ở đây chỉ có hoàng-hôn ủa  
Cùng bụi thời gian phủ tháp ngà

# THĂNG CỎ VỊT

(Tiếp theo trang 47)

chìm ! Với thân hình nhỏ nhoi, Cỏ-vịt có dáng còn trẻ — tuổi thanh xuân — nhưng khi đến gần nhìn vào khuôn mặt thì cái ý nghĩ đầu tiên đó không còn đất đứng nữa. Chính vì cái mâu-thuân nội-tại này mà có nhiều người bắt gặp Cỏ-vịt lần đầu tiên đã phải sững sờ chằm chú và tò mò muốn tìm hiểu.

Cỏ-vịt lại còn có nhiều mâu thuẫn khác nữa. Trong khi cái quán cúp khiêm nhường nép sát và nổi bật lên — nhờ màu sắc rét ri xấu xí của nó — bên cái thành rào oai vệ quét vôi trắng thì chủ nhân nó lại là con người hào hoa thích phong túng và muốn bắt kịp thời trang. Có khi thích chỉ thế nào, Cỏ-vịt lại mặc những chiếc áo ca rô xanh đỏ loạn xị, tuy đã cũ mềm nhưng đã vẫn minh chứng rất hùng hồn một tác phong. Hào phóng hằng ngày Cỏ-vịt đến quán cúp rất sớm nhưng không phải vì công việc mà để ăn bún chịu của Bà Ba bán bún bò thường nghỉ chân gần trước quán, cũng là ngã tư đường để bán cho khách trong xóm. Ăn tô bún, uống tách nước Cỏ-vịt vắt ầu cái ăm ra giữa đường, và bị bà Ba bán bún nạt nộ :

— Ê ! uống rồi để từ tể nghe cha.

Cỏ-vịt đóng vai con người tiết kiệm lời nói lấy tay chùi miệng về quán lấy chiếc xe đạp cũ rong dạo. Cửa hàng chẳng cần trông coi và khách hàng lúc đó cũng không được Cỏ-vịt nghĩ đến. Người ta vẫn thường bắt gặp Cỏ-vịt trên hai ngã đường ngang dọc cắt nhau ở ngã tư có Bà bán bún bán chịu cho Cỏ-vịt. Công việc làm ăn chỉ được hân quan niệm và lo lắng một cách thiếu sót, tài tử. Hân chỉ đứng xa nhìn về quán cúp để thăm chừng những khách hàng năm-thì-mười-họa.

Nhiều người trong xóm vẫn thắc mắc về lối làm ăn của Cỏ-vịt, không hiểu làm sao hân vẫn sống được ung dung như thế. Bọn con Sen thì kháo nhau rằng Cỏ-vịt sống với người anh đã có gia đình và có giúp đỡ hân đôi chút. Nói cho đúng ra thì Cỏ-vịt vẫn có khách hàng đủ bảo đảm cho cuộc sống một-thân-một-minh của

hắn. Nhưng khách hàng của Cờ-vít thì chỉ toàn là con nít và dân lao động. Bỗng con nít đến cúp ở đây có cái lợi là khỏi phải nhấc nhờ đến một ông kẹ, ông ọ, vô hình nào. Lôi thôi gì là ngài Cờ-vít túm cờ liền. Nhưng cái « linh thiên » này không làm cho Cờ-vít hải lòng và thấy yêu mến khách hàng hơn được chút nào. Những thằng choai-choai đã từng dự vào phong trào chống Cờ-vít, lần này đến cúp thì sợ sùng sùng, sợ hãi... mỗi khi thấy hắn lăm le cái tondeur lẹp kẹp trong bàn tay khô héo, Còn Cờ-vít cũng sợ sùng sùng không kém. Cả hai đều tránh nhìn nhau lâu tuy đã có mẹ cha thằng choai-choai đứng làm mối dây nối thắt tình thân hữu. Có lần, đang cúp cho một thằng nhỏ không biết Cờ-vít nhìn nó cách nào làm nó run sợ khóc thét lên. Theo lời mẹ thằng nhỏ Cờ-vít thét nạt cho nó im hơi làm nó sợ quá khóc đến lòi ruột. Cả mẹ thằng nhỏ lẫn Cờ-vít đều hiểu rằng không có gì có thể kìm hãm được một phản lực cơ khi bắt đầu mở máy. Tuy vậy bà ta vẫn muốn tìm hiểu nguyên nhân của sự bất lực này. Bà nhìn qua phía Cờ-vít và chợt một cái rung mình nhẹ giúp bà ta càng mạnh dạn dứt khoát hơn. Cái đầu mới cúp được một bên đánh bỏ dờ. Bà mẹ phải bồng thằng nhỏ về đi cúp cái phần còn lại ở một nơi khác. Cờ-vít cũng ghen ngào không hỏi tiền cúp... nữa cái đầu !

Đã thế, Cờ-vít lại còn có một giọng nói thật khó nghe và cũng thật buồn cười. Nó chậm chậm, rải rải, lè nhè lệt nhệt tuồng như bộ máy phát âm đã cũ kỹ hư hỏng và rỉ rét làm sao ấy. Có người lần đầu nghe Cờ-vít phát âm đã phải tìm cách gọi chuyện để nghe thêm một lần nữa mà chắc chắn rằng ngay trong cuộc đời vẫn có những cái hay hơn trên sân khấu mà người ta thường cho là thái quá. Giá mà Cờ-vít đi hát Cải Lương ! Nhiều kẻ còn dám nghĩ xa như vậy Nhưng rồi lại nghĩ thêm rằng nếu trong những buổi trình diễn Cờ-vít đang múa men trong những vai trò nào đó không cần nhiều phấn son hóa trang mà có bọn trẻ nhìn ra mặt rồi la lên Cờ-vít... Cờ-vít » um sùm thì có chết người không. Ý nghĩ này được nói ra và không ai còn nghĩ đến chuyện tác thành cho Cờ-vít: làm tài tử Cải Lương nữa.

Với cái thân hình rọm rĩnh cái cổ cao — cổ vịt — cái ngực sụp xuống Cò-vịt có dáng đi của một con nhái bị thương nếu nó đi được bằng hai chân sau, Khi đi chuyển Cò-vịt có cái ngực trườn ra mà bị sụp xuống — sụp xuống trước khi bị trườn ra — hai cái tay lỏng nhùng rồi rã như tuồng sự chấp nối vào thân hình không được Bà Mụ chăm chú khi nặn bột và cặp giò — giò gà hay giò vịt — cũng nhùng nhèo lắc lư một thân hình lộp xộp. Nhiều người đã cố gắng miêu tả cái dáng đi chuyển đó nhưng rồi cuối cùng đành lắc đầu kết luận : không tả nổi ! Họ thăm thán phục cái khôi hài tinh nghịch của Đấng Hóa Công.

Cuộc sống nội-tâm của Cò-vịt có sôi động hay ảm i thì chỉ có bọn con sen hay biết. Từ cái ngày có hai tiếng Cò-vịt của bọn trẻ thì bọn con ở đã bắt đầu chú ý đến hần và thường đi gánh nước lâu hơn chút ít để cười cợt và thỉnh thoảng cũng để thoát ra những tiếng Cò-vịt lả loi. Những lần này có nghe thì Cò-vịt cũng không lấy làm căm hờn cho lắm. Thật ra thì không phải Cò-vịt làm thỉnh trước tất cả những tiếng Cò-vịt do bọn con Sen nói ra nhưng phần nhiều hần vẫn làm thỉnh như thế vì nghĩ rằng Hoa Sen — một con Sen tên Hoa và là đứa ngó được nhất trong bọn — kêu ghẹo hần đó. Cò-vịt đề ý Hoa Sen đã lâu lắm nhưng vẫn chưa có dịp làm quen. Đi chợ về chợ thì Hoa Sen thường có thêm 2,3 Sen nữa cùng đi, nên Cò-vịt đã nhiều lần sấm rầm mà không làm gì được. Có lần Hoa Sen đi chợ ngang qua quán một mình nhưng rủi thay Cò-vịt lại đang ngồi chệt bệt bên đường ăn chịu bún của Bà ba Cái dáng ngồi không mấy hào hoa đẹp đẽ đó đã làm Cò-vịt chỉ dám liếc nhìn một chút khi Hoa Sen đã dời đôi gót... nước đi qua !

Cơ hội ngàn năm qua rồi nhưng Cò Vịt vẫn chưa chịu mình rủi ro mà vẫn dè dặt ngày toan tính... duyên nợ, Tối hôm đó người ta bắt gặp Cò Vịt ăn mặc rất keng — giày đen, cravate lục, áo trắng tinh có cổ hồ cứng ngắt, quần dacron xanh đã bạc màu năm tháng — dạo lui tới trên khoảng đường có cái quán cúp khiêm tốn nằm bên vệ. Không ai lúc ấy dám nhận ra một liên quan nào giữa cái quán tối tăm và con người hào hoa

óir những tiếng giày bỏ ngõ trên sỏi đá này: Mà chính Cồ, Vịt, hẳn cũng từ chối nghĩ đến những liên quan đó. Giá mà rồi có mưa cũng không thêm vào núp đầu! Mà trời mưa thật tuy rất sợ hư bộ đồ vừa những Cồ Vịt cũng không vào quán. Hẳn nhanh chân đi đến một nhà cách đây chừng 20 thước. Không thấy có ai trong nhà mà cửa vẫn mở, Cồ Vịt mạnh dạn bước vào. Những tiếng giày hồi hải xôn xao. Nghe tiếng guốc từ bên trong ắt hẳn hộp đợi chờ. Hẳn thấy tiếng tim mình còn đập mạnh hơn những tiếng giày cứng ngắt của hẳn nện trên đá sỏi nữa. Hẳn lặng lẽ sắp đặt những câu nói Rồi cánh hoa tinh khiết bùng nở trên ngưỡng cửa trong đêm mưa gió lạnh lùng. Không biết phản ứng Hoa Sen ra lung ngoác đến thế nào mà Cồ-vịt không còn nói gì được nữa. Những sắp đặt tiêu tan hết Tay chân thừa thãi không biết phải dùng vào công việc gì. Đôi giày cứng đờ. Còn cái cravate nữa. Thiệt báo ại. Tất cả!

Hoa Sen nở nụ cười, Cồ-vịt lạnh xương sống. Ồ, đâu có đến hồi gì. Đôi giày đâu có cứng cho lắm. Cái cravate trông xuống cũng hấy đẹp đấy chứ. Nụ cười trên cành hoa ngào ngạt hương nhưng ần khó hiểu. Một hồi lâu, thở hắt ra một cái thật mạnh tắt hẳn nụ ười khó hiểu, Hoa Sen bỗng nghiêm nét mặt lại. Cồ-vịt sưng sớ hông thay đổi theo kịp. Hẳn thấy mình như người quê mùa không ải nào đuổi kịp thời trang.

— Mô đó?

Cồ-vịt bối rối:

— ... Núp ... mưa ...

Nhìn Cồ-vịt hết từ đầu đến chân Hoa Sen lại hỏi bằng một ọng trịch thượng:

— Không, di mô kia?

Đoán là Hoa Sen đã chú ý đến sự ăn diện khác thường của ỉnh, Cồ-vịt giả vờ e-thẹn:

— ... thăm ...

Hoa Sen bỗng trợn mắt ngắt lời hắn :

— Thăm à ? Có thăm nữa à ?

Rồi Hoa Sen lại giáng xuống một đòn quyết liệt :

— Thăm ai ?

Cồ-vịt đã tưởng mình suốt đời chôn chân vào mái hiên củ căn nhà này rồi. Thời gian trôi thật chậm, thật chậm, hơn cả những buổi chiều ngồi đợi khách... cúp tóc. Hắn đang loay hoay trong bộ đồ không muốn làm nhàu nát thì may cho hắn một cơn gió lạnh đã mùa vịt thổi đến. Những chiếc mìn cửa lay động; mạnh. Cả hai cùng nhìn ra ngoài và cùng nhìn ra ngoài và cùng ngỡ ngàng trong phút chốc. Biết mình không bị quan sát nữa Cồ-vịt quay nhìn và vừa kịp đề tránh né cánh cửa sổ đang đánh mạnh vào mặt. Cồ-vịt cảm thấy bình tĩnh hơn. Hắn mở cánh cửa ra và lấy móc gài lại cửa, thận trọng nhìn qua phía Hoa Sen. Người đẹp hàng than ( Hoa Sen giúp việc cho nhà có bán than cây sủ và đủ hạng A,B,C,D,...) bây giờ đã ngồi xuống trên thềm cửa mơ màng nhìn mưa, chớp chớp theo nhịp những giọt nước rơi rụng trước thềm nhà. Chắc chắn là người đẹp đang đắm nhìn trong giấc mơ hạnh phúc tương lai nào đó. Cồ-vịt liền mạnh lên tiếng hỏi :

— Nhà đi vắng cả à ?

Người đẹp bỗng giật mình rồi trợn mắt nhìn người khách đa tình trong đêm mưa gió bất thường ;

— Chi ? Mà hỏi làm chi ?

Cồ-vịt nhăn cái hàm răng vàng khè lộ chỗ nhiều sức mẽ và vì và cười cái cười của người trong giấc mộng hạnh phúc tương lai

— Nói thiệt a ... tui tới ... thăm ... Hoa ... đó !

Nói xong Cồ-vịt vội đưa tay ra ôm lấy cái cổ mà thấy hình như một con dao nào đó đang đe dọa, nhưng không kịp rồi : là dao sắp bỏ xuống. Một lần nữa Hoa Sen lại lồng lộn lên tức tưởi không cần hoa với sen chi nữa, Chủ nhân của đôi gót nước đứng dậy :

## NGÔN NGỮ QUÊ HƯƠNG

Anh chợt thấy ngôn ngữ quê hương mình vô-dụng,  
Vội trở về tìm bạn,  
Cây đã lên đường,  
Cây thẳng hạ gập lên từng nhịp thở  
Môi-mòn như nhịp thở quê hương  
Anh tìm Em,  
Em bỏ vườn thơm quê mẹ  
Tìm phố-thị vui đêm mơ-màng Thụy-vũ  
Em ơi!  
Tháng Hạ Sài-gòn nắng tắt thâm-u

— Ngục tù,

— Chi ngôn,

— Ma vương.

— Luận thuyết,

Tất cả làm người không nhận diện được người  
... Kỷ-niệm xưa giờ rưng rưng sống dậy :  
« ... Em giết mình, Mẹ ru khê à... ơi ! »  
À... ơi... tiếng Mẹ ru con ngọt ngào thấm vào tim máu  
Anh lớn lên,  
Em lớn lên ;

Bằng khúc hát quốc-âm  
Rất biết thương nền văn-hiến bốn nghìn năm  
Đã khai phóng cho Em cho Anh và dân-tộc  
Anh xin dịu em về lại quê mình.  
Lá xanh rưng, khói đùn lên mái lá  
Khói bom chiều ngùn-ngụt cuộn lên khơi  
Nhưng, Chắc Em tìm được lời ru ngày trước Em ơi !  
Vị, Phố thị Saigon, Quy-Nhơn hay Đà-nẵng  
Có khác gì màu đất Đồng-Thấp; Cửu-Long

Vân nóm ruột Lạc-Hồng  
và bốn ngàn năm lịch-sử

Em ơi! tháng Hạ Saigon nắng tắt thâm-u !  
Anh xin dịu Em về lại quê mình  
Cho Em chiêm nghiệm những lời ru Lạc-Việt

— Nước mắt.

— Chiến-tranh,

— Tình thương

— Tủi nhục,

Đề đừng ngộ nhận ngôn ngữ quê hương mình vô dụng.

**DUY-VIỆT-LINH**

# NĂM MỚI

## ĐỌC THƠ CŨ

---

XUÂN - BÔNG

**T**RỜ I bắt sống lâu, phải mục kích nhiều chuyện nhỏ nhắng, nhiều trò lên voi xuống chó.

« Thằng bồi lớn miệng bi bô nói .

« Con đi khua môi hôn hên cười...

Phải chứng kiến mãi cũng mệt, kêu chi vội bắt chước cò nhàn « loạn thể độc thư ».

Chiều 30 tết năm nay, nhân soạn lại tủ sách củ, tình cờ bắt gặp một cuốn sách rách, trong đó còn lại một số bài thơ cổ nhiên là đã mất thời gian tính. Nhưng nếu tôi không làm thì xã hội tính, nhất là hoàn cảnh tính, thì chưa hẳn đã hoàn toàn mất hết.

Vậy xin sao lục lại một số bài sau đây, đặt mục là « Năm mới đọc thơ cũ » để cống hiến quý vị độc giả đọc cho vui trong dịp đầu năm con dê này,

Người sao lục.

XUÂN-BÔNG

### I

#### TÚ CU LY

(Tout coolie)

Bài thơ này của vua Thành Thái làm khi Ngài nhận được Nghị định của phủ Toàn quyền, bắt buộc chánh phủ Nam triều phải

cải cách thi cử (thi cử nhân, tiến sĩ Việt Nam buộc phải có một bài chữ Tây).

Ngài đã chống lại nhiều bằng văn thư. Nhưng cuối cùng Ngài phải làm theo ý định của ông quan thầy.

Hôm nhận quyết định cuối cùng của phủ Toàn quyền Ngài nói với cụ Thượng thư bộ học : « Vua tôi triều đình chúng ta bây giờ chỉ là một bầy cu ly của Tây. Sau đó Ngài làm bài thơ.

« Cu ly quốc hề cu ly quân !

« Cu ly quân hề cu ly thần !

« Cu ly thần hề cu ly dân !

« Ta cu ly hề không ngưỡng miêng ?

« Hân hô mẫu quốc hề văn minh !

## II

### NGÀN NĂM VĂN VẬT ! ?

Tức rằng bài thơ này trong tập tài liệu cũ không thấy ghi rõ tên tác giả, nên chúng tôi tạm đề là khuyết danh.

Nhà thơ khuyết danh, không cần sâu là man mác, vớ vẩn, mộng lung, như nữ sĩ Bà Huyện Thanh Quan :

« Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo

« Ngõ cũ lâu đài bóng tịch vương

để rồi :

« Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

Nhà thơ chỉ tỏ cái bộ mặt thực của Thăng Long thủ đô của một quốc gia bốn ngàn năm Văn hiến, nay thì là lũ thực dân và tay sai bán nước làm ô-uế bần thủ.

Ngàn năm văn Vật đất Thăng Long

Văn vật ngày nay mới lạ lùng.

## AN LẠC

Tham biện, tham buồn, tham cán sự  
Đốc người đốc thúc, đốc canh nông  
Du côn mật thám đầy sông Nhị  
Gái điểm, ma cô, chạt núi Nùng  
Còn nữa, xin ngừng không dám kể.  
Ngàn năm văn vật đất Thăng Long.

Hà-Nội năm 1908

KHUYẾT--DANH

### III

#### ĐI TỈNH VỀ CẢM TÁC

Cụ Nguyễn - Thức - Tự, nhà tiên bối Cách Mạng Việt-Na trong phong trào Cần Vương kháng Pháp, cụ là Tán tương qu vụ của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở ngàn trời (Vũ quan):

Sau ngày cụ Phan-đình-Phùng chết, nghĩa quân tan rã, cụ về ở quê quán — làng Đồng chữ, huyện Nghi Lộc, (Nghệ - An)

Một ngày tháng không ai nhớ rõ vào năm 1905, Cụ đi ch tỉnh Nghệ về. Ở thành phố Vinh lúc đó, Pháp đã lập xong tù, đồn lính, xây cất nhà lầu, mở phố đi...

Nhà ái quốc họ Nguyễn, ngao ngán cho cảnh đất nước giống nòi nên cụ viết.

- « Minh mới đi chơi tỉnh Nghệ về
- « Đoái nhìn đất nước thảm buồn ghê
- « Nhà tù giấy thép giăng chi chít
- « Trại lính kèn đồng thổi tọ loe
- « Phố xá nghênh ngang bồi chềm chệ.
- « Lâu đài nghi ngút di xum xoe
- « Ai lên nhảu với ông Tinh Bạch
- « Sao đề trời Nam mãi thể hề.

NGUYỄN-THỨC-TỰ

(1905)

## GIỜ GIAO THỪA GIỜ TUYẾT HẠN của ...

(Tiếp theo trang 37)

Nhưng sau giờ Ông Tùng-nham bị bắt giải về Vinh, thì một hóm hiệp khách 5 người võ-trang đầy-dủ vào nhà tên Hinh ở Quán ội thuộc xã Kim-kê (Nghị-lộc) lúi cồ hẳn ra núi Bồ, một hòn núi trong địa-phương đề kết án tử-hình, Khi đội nghĩa xử-tử xong tên lính thì ngay lúc đó tên Huyện Ân cũng kéo lính tới cứu, ở đó lại xảy ra một cuộc xung-đột, kết-quả tên Đội Lê huyện bị bỏ mạng, tên nghĩa-quân không ai tồn-thất gì. Tháng giêng năm sau, vì quá sợ tên Huyện Ân xin dời đi nơi khác.

### **Tối 30 Tết năm Canh-Tuất, tên Cửu-Châu phải đền tội phản quốc ở đất Lào**

Chúng ta còn nhớ trong lịch-sử cách mạng Đặng-thái-Thân hiệu-tên là Ngư-hải, người làng Hải-côn, huyện Nghị-lộc.

Tháng mười năm Canh-tuất, Ông đang công-cán tại làng Phan-Thôn, thuộc tổng Yên-đường, Phủ Hưng-nguyên (Nghệ-an) bị tên tuần tổng Yên-trương là Trần-Châu mật báo Giám-binh Nghệ-an mang 60 lính tập về bọc bắt.

Trước khi sa vào lưới giặc, Ông Ngư-Hải thiêu-hủy hết tài-liệu quan trọng, rồi dùng súng lục tự bắn vào mông tai để tử tiết,

Đến cuối tháng chạp năm ấy có 3 hiệp khách mang súng lục vào nhà Cửu-Châu vì sau khi bao bắt được Ông Ngư Hải, thực-dân Pháp đã thưởng cho Trần-Châu chức Cửu-phẩm, nên bây giờ gọi là ngài Cửu-Châu».

Khi hiệp-khách vừa vào tới giữa sân, Cửu-Châu trong nhà trông thấy, lạnh chân tung cửa sau chạy mất.

Bị giết hụt, Cửu-Châu hoảng sợ xin phép bọn thống-trì thực-dân và phong-kiến lên Lào tỵ-nạn, không dám ở nhà ăn Tết,

Thế rồi chưa tới 30 Tết năm ấy, hai bố con y vào nằm một quán trọ, ở Nhùm-ba-lạt, cách Tha-khét 63km, ông chủ quán là

người Lào. Đứng vào giờ sang canh ba người lạ mặt vào quán; dùng dao găm đâm thủng ngực hai bố con tên Châu chết, rồi tẩu thoát.

Sau đó người ta cho rằng, ba người hiệp-khách đó, thì hai người tức là Trang và Hết đã theo chân Cửu-Châu từ Hương-sơn (Hà-tĩnh) đến đó mới hoàn thành được sứ-mạng, do nghĩa đảng Quang-phục Nghệ-Tĩnh giao phó.

### **Chợ Gò anh-dùng giữa đêm Giao thừa**

Trên 10 năm cuộc chiến-tranh cải cách lược giữa nghĩa quân Hoàng-hoa-Thám với bọn thống trị Pháp ở Đông dương chưa đem tới một kết quả nào.

Con hùm thiêng Yên-thế khi hiện khi ẩn, lúc chiến, lúc hòa, làm cho bọn Pháp bức dọc khốn đốn.

Toàn-quyền Đu-me, tin vào tài-năng của Đại-tá Bataille một võ-tướng giỏi về khoa chinh-phục và bình-dịnh, Đu-me hy-vọng Bataille sẽ tiêu-diệt được nghĩa-quân Yên-thế để đem họ Hoàng vào trại tù. Lúc đó chính quyền thực-dân đã tương-đối ổn-dịnh khắp Trung Nam Bắc, ấy thế mà luôn-luôn phải nơm-nớp lo âu vì một khu-vực đã phải nhường cho một kẻ thù không đội trời chung với họ là Hoàng-Hoa-Thám.

Đại-tá Bataille cầm đầu quân đi quyết trống mái với họ Hoàng. Lần này gã vẫn tin lượng là một việc làm không phải là bờ. Vì từ trước tới nay đã có ai đánh bại được họ Hoàng đâu? Con hùm Yên thế với cách hành-binh tài giỏi chưa từng thấy của Ông với một nhóm nghĩa-quân đơn-sơ, đã có thể bàn cứ được một địa-phương để làm chủ tề. Họ Hoàng quả là một dũng tướng ít ai bì kịp.

Đại-tá Bataille cũng đã hiểu rõ điều đó, nên Ông phải dùng mưu kế sau đây: muốn đánh bại được họ Hoàng, trước hết phải trừ khử được cô Ba vợ thứ ba của họ Hoàng, đồng thời là một kiện tướng, một cánh tay phải của vị lãnh tụ Cần-vương Yên thế.

Nếu bắt được Cô Ba, thì việc chinh-phục họ Hoàng gần

như đã thành công được nửa, vì từ trước tới nay họ Hoàng rất tin cậy vào cô Ba, không phải là tình vợ chồng mà là một nữ kiện tướng.

Nghĩ như vậy rồi Đại-tá Bataille mở đầu chiến-dịch bằng một cuộc tổng công kích vào vị trí của Cô Ba chỉ huy. Viên thiếu-úy Courleix được lệnh chỉ huy lính khổ xanh, huy động một lực lượng độ 200 người do mặt trái đánh thọc vào Chợ Gồ là chỗ cô Ba đóng. Từ mặt Cao Thượng Bataille còn hạ lệnh cho Chuẩn-úy Colanna dẫn một đội 120 người tới trợ chiến với Courleix.

Hy vọng của Đại-tá Bataille trong trận này là quét sạch nghĩa quân ở chợ đồn Chợ-Gồ. Nhưng gã đã lầm, vì những đội quân nói trên của gã lần đầu tiên tới Yên thế tấn công vào sào huyệt họ Hoàng do Cô Ba chỉ huy, chưa am-tường, địa thế, cũng như địa hình và địa vật, hơn thế, họ cũng chưa ý thức được cái mẫu nhiệm của chiến tranh du-kích, một lối chiến-tranh mà có người đã ví như một con ruồi bâu vào mắt, vào mũi con sư-tử, cuối cùng con sư-tử quào quẩn vào mắt mình mà chết.

Nhất là khi họ nghe nói đánh đồn Chợ Gồ mà đồn-trưởng chỉ là một người đàn bà thì họ lại càng tỏ ý khinh thường hơn nữa.

Không ngờ khi đạo binh Pháp hùng dũng-tiến vào khai hỏa súng lớn, súng bé thì nhau nhả đạn, thì đối-phương không trả lời bằng một viên đạn nào. Họ cho là đối-phương đã bỏ đồn trốn chạy khi nghe tin quân Pháp kéo tới. Nhưng họ đã lầm, kẻ cả Bataille và Courleix.

Vì trước đó chiều 30 Tết năm Kỷ-dậu (1909) khi cô Ba được đội quân báo cho hay tin là Pháp sắp kéo quân vào phá vị-trí của mình thì xoa tay mỉm cười. Đêm ấy cô bố trí rút hết cả quân trong đồn ra phục kích khắp các nẻo đường hiểm yếu, lối vào Chợ Gồ. Tại vị trí chính, Cô chỉ để một số ít người làm nghi-binh dụ địch.

Thiếu úy Courleix bắt ngờ cứ việc cho quân ồ-ạt tiến vào và cảm chắc là sẽ thu được toàn thắng. Thế là Courleix đã làm một việc mà binh-thur cổ, kim, Đông, Tây đã từng căn dặn :

# VĂN NGHỆ

✧ HỒ - TRƯỜNG-AN

☆ ĐOÀN - YÊN - LINH

★ 1966 ★

**C**HIẾN tranh, các cuộc phiêu lưu chính trị, lặt lỏi, giá sinh hoạt v.v.. làm nhàu nát đất nước mến yêu của chúng ta. Nhưng lạ một điều là không khí văn nghệ lại nồng nàn sôi nổi, dù chỉ sôi nổi ở cái thủ đô có rúm Saigon này thôi. Nhà Chiến Tranh Tâm Lý vẫn bỏ tiền ra mua sách cho các binh sĩ đọc và các độc giả lần lượt làm quen với các tác phẩm nặng nề. Người thường thức văn nghệ có lẽ càng lúc càng đông nhưng thật ra từ bao nhiêu năm nay trên làng văn chưa hề có một nhà văn Kiếm là nhà tư tưởng. Nghèo nàn ở chỗ đó. Chúng ta có thể trông cậy ở Thanh Tâm Tuyền hoặc ở Tô Thùy Yên, nhưng hai nhà văn này lại hoạt động yếu ớt rồi rạc

Giải thưởng văn chương năm nay về phần văn trao cho Dương Nghiễm Mậu ở truyện dài, cho Thanh Tâm Tuyền ở truyện ngắn có thể làm cho độc giả hài lòng. Về phần thơ thì ít ai thỏa mãn khi trao cho Nhã Ca, Huy Lực và Tuệ Mai. Về kịch thì đầu đuôi chỉ có Dương Kiển và Phan Tùng Nguyên nên việc trao giải thưởng cho họ chẳng làm ai thắc mắc. Còn về phần khảo luận thì hai ông Nguyễn Hiến Lê và Giản chỉ không nhận giải thưởng gây cho ban giám khảo sự bỡ ngỡ, bẽ bàng, và gầy cho ban tổ chức biết bao sự xuyên tạc, vu khống v.v..

Ngoài ra, nhà văn Lê Tất Điền bị Thư Trung « chường » cho vài mớ tiếng thị phi khi ông được Trung Tâm văn bút trao cho giải thưởng về truyện dài. Đề

báo thù rửa hận, họ Lê hăm he sẽ trả lời cho độc giả hiểu cái hậu trường bàn thiêu của văn đàn qua tác phẩm nhà văn của ông sắp xuất bản.

Cuộc bút chiến dữ dội giữa hai phe Viên Linh với Lữ Phương làm cho văn đàn sục nức mùi tục tằn. Nguyên do là Vũ Hạnh nhận xét quyền Tiếp Nối của Trần Thanh Hiệp và cho rằng « Thơ tự do chỉ còn nuôi dưỡng trong tự ái », Câu đó làm cho các nhà thơ tự do nổi nóng. Nguyễn Sa cho họ Vũ là thằng « Sadique văn nghệ ». Chưa đủ, nhà văn kiêm nhà thơ Viên Linh giáng cho họ Vũ một chưởng ác liệt, ở bài « Thằng Lùn cạnh Nhà Thơ Đức Bà đăng trên tạp san Nghệ Thuật. Ở bài này họ Viên mất cả sự bình tĩnh, nổi máu sân si rõ rệt. Tiếp đó, các văn hữu của họ Vũ cho nổ vài tiếng pháo lẹt đẹt phản đối, Nhưng khi Lữ Phương mở cuộc bút chiến với họ Viên trên tạp san Bách Khoa mới là sôi nổi. Họ Lữ cũng chanh chua, độc ác không kém họ Viên. Thế là cuộc bút chiến mất đi nhiều tính chất mở mang kiến thức và khám phá tư tưởng.

Sau hết là các nhà xuất bản đua nhau cho ra tuyển tập. Nhà Xuất Bản Lá Bối trình bày quyền Áo Tượng, nhà xuất bản giao Điểm với quyền Mười Nhà Văn Mười Truyện Thơ Chiến, nhà xuất bản Kim Anh với quyền Ba Miền Mười Khuôn mặt gây cho văn nghệ nhiều sinh lực tập thể, riêng quyền Ba Miền Mười Khuôn Mặt cho in ảnh các nhà văn, gây cho độc giả nhiều sự thích thú bất ngờ: dù quyền này trình bày rất đơn sơ và tầm thường.

### oOo

Điều đáng kể hơn hết là năm văn nghệ 1966 là năm văn nghệ của nữ giới. Trước hết là Nhã Ca với truyện vừa « Đêm Nghe Tiếng Đại Bác », Nguyễn Thị Thụy Vũ với tập truyện ngắn « Mèo Đêm » thuộc vào hạng best sellers và họ sắp sửa cho tái bản tác phẩm đầu lòng của mình, Hoàng Đông Phương sau một năm vắng bóng chợt cho in thành sách quyền truyện dài « Vòng Tay Học Trò » của mình, và được nhà xuất bản Kim Anh quảng cáo rầm rộ Trùng Dương cũng cho quyền « Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn » ra mắt trên Văn Đàn. Minh Đức Hoài Trinh với tác phẩm « Hai gốc cây » không gây một dư luận gì sôi nổi lắm nhưng chứng tỏ cho các văn hữu rằng mình sáng tác đầu tay Túy Hồng từ miền sông Hương núi Ngự vào Sài Gòn dự định cộng tác rất nhiều tạp san danh tiếng, sau một năm trời im hơi lặng tiếng.

Nhìn tổng quát các cây bút nữ lưu, chúng ta có thể tìm được nét bay bướm của Hoàng Đông Phương giống như bút pháp của Han Suyin, sự phảnh phui cuộc sống nội tâm rất sống sự sống và tàn nhẫn của Trùng Dương và của Túy Hồng, cái tinh ranh vặt của Thụy Vũ, sự phong phú của Minh Đức. Tất cả những nhà văn phái đẹp này đang nỗ lực chia sẻ cái ánh sáng chói lọi của Nhã Ca, trong khi đó các bà Nguyễn Thị Vinh,

Linh Bảo, Văn Trang lại hoàn toàn vắng mặt trên văn đàn.

Nhà xuất bản Thời Mới thành công vẽ vang trong việc giới thiệu Y- Uyên tác phẩm (tượng đá sương non). Bằng lối viết trong sáng, gọn gàng, bằng lối diễn bình thản đem lạnh lùng, Y- Uyên chứng tỏ tài nghệ của mình ở những đề tài đề cập chiến tranh rất sâu sắc tinh vi, có thể làm thỏa mãn các cây bút phê bình khó tính.

Viên Linh với quyền « Cảnh Tượng Đêm Nay » và quyền « Thị Trại Miền Đông » cũng gây những dư vang sôi nổi. Họ Viên cũng có lối diễn trong sáng như Y Uyên, Sự quan sát của Anh vận dụng cũng tinh vi như quan sát tuyệt vời của nhà văn trẻ tuổi Nguyễn Nghiệp Nhượng,

Dương Nghiễm Mậu với « Con Mắt Trên Trời » hoặc « Con Mắt Dưới Đất », « Sợi Tóc Tìm Thấy » và « Phấn Đấu » vẫn không nêu lên một đặc điểm gì sắc bén hơn quyền « Gia Tài Người Mẹ ». Nhưng ở quyền « Nhan sắc » ai đã gieo cho độc giả sự tin tưởng nòng nọc ở tài nghệ vững vàng và phong phú của mình. Phải nói rằng ở « Nhan Sắc », Dương Nghiễm Mậu đã hồi sinh

Mai Thảo với quyền « Viên Đạn Đồng Chữ Nổi » cũng gây nhiều tiếng vang tốt đẹp.

Hồ Hữu Tường tuy thuộc hạng tuổi tác nhưng vẫn sáng tác đều đặn. Bộ tiểu thuyết trường giang « Hồn Bướm mơ Hoa » của ông vẫn có thể đề nghị cho người đọc đôi chút thi vị giữa buổi giao thời giữa nếp sống cổ kính Đông phương và làn sóng văn minh Tây phương.

Thanh Tâm Tuyền với quyền Dục Đường mất hẳn phong độ làm chúm cho ta nuôi tiếc tài nghệ ông ở « Khuôn mặt »,

Vô Phiến với quyền « Đàn Ông » vẫn trở mãi cái sở trường quan sát tỉ mỉ của mình. Ở tác phẩm ấy, ông vẫn làm một cái kính hiển vi để soi mói từng sự vật vật vãnh ở ngoại giới để rủ chúng vào gây những âm ba trong thế giới tâm linh. Có thể bảo Vô Phiến muốn làm một Michel Butor giữa không khí sôi nổi của lò lửa chiến tranh đang tỏa rộng trên đất nước hiện nay,

Vô Hồng vẫn giữ vẻ mực thước, nét thanh tao, duyên dáng ở quyền Cỏ Suối Mùa Xuân. Ở Vô Hồng cũng như ở Tạ Tỵ, cả hai có lối văn trẻ trung làm độc giả bị lừa phỉnh khi đoán tuổi tác của họ. Nhưng nếu Tạ Tỵ thích nhàn cuộc sống uất thì Vô Hồng Thích làm kẻ nhàn du để âu yếm thưởng thú đời sống.

Vũ Hạnh mất hẳn vẻ tươi mát trong công việc sáng tác. Ông là kẻ gánh chịu nhiều sự dèm pha và xuyên tạc của những địch thủ ở các trường phái văn nghệ đối lập.

Phan Du sáng tác đều tay ở hai tạp chí Văn và Tia Văn.

(Xem tiếp trang 86)



# mưa rơi trong chùa

Trời mưa có tắt lửa cuồng chinh ?  
Tắt khói mờ mè của thế tình ?  
Tắt nốt sân hờn âm i cháy  
Thì mưa ! cho dịu kiếp nhân sinh...

oOo

Nhưng... vẫn mưa mà lửa vẫn khêu,  
Nhân sinh trôi giạt kiếp thân bèo,  
Sân hờn nước mắt rơi thành biển,  
Lửa bốc trong lòng, lửa đuổi theo...

oOo

Thì hãy ngừng mưa, khối nước trong !  
Làm sao tắt được lửa trong lòng?  
Tỉ tê trong lá niêm nhân sự,  
Thâm thi bên tường nổi diệt vong...

TÂM TẮN

(Làm tại chùa Tĩnh, Giáo Hội

Phật giáo NhaTrang

sáng 10 — 12 — 1965)

## MÙA XUÂN VỚI NÔNG THÔN

(Tiếp theo và hết)

công kênh ông lãnh tụ đó trên đầu, trên cổ họ! Tôi sớm mong mau có một ông lãnh tụ như thế để cứu vớt nông thôn, giải tỏa lớp người đồng ruộng ngày nay đang bị làn sóng đỏ vây chặt họ. Và chính đó là người hùng của dân tộc này.

Ngược dòng lịch sử hể mỗi khi có chiến chinh là y như quần chúng nông thôn là nạn nhân hứng chịu trăm cay ngàn đắng. Phải chịu bắt oan, bị khủng bố vô lý, và bị chém giết dã man! Máu dân quê loang đỏ xóm làng! Họ là nạn nhân trực tiếp của chiến tranh, của phá hoại, của tranh giành ảnh hưởng giữa đôi bên! Gần 1/4 thế kỷ, không lúc nào dân quê ta được yên ổn làm ăn! Tám mươi năm chống Pháp, mười năm với V.C và chín năm dưới ách Ngô đình Diệm núi xương, sông máu, bao nhiêu kiệt quệ mỗi mòn, tiêu hao sinh lực. Dân quê ngấn cổ, bé miệng chỉ đành nuốt tủi, ngậm hờn! Chết độ cướp bóc của Ngô Triều đã làm giàu cho một bọn người thân

tín của chúng từ cấp Quận, Tỉnh, lên đến Giám đốc, bí thư cho các ông Đại biểu chính phủ từng phần lên đến Tổng Bộ trưởng v.v. Dù ngày nay anh em ông Ngô đình Diệm đã chết đi, bọn họ vẫn còn đó. Họ đang dùng món tiền đã cướp bóc được lâu nay cất dấu tại các nhà băng bây giờ Ngô đình Diệm đã chết và chánh phủ này đã quên vì năm tháng phôi pha.

Họ lại ngóc đầu dậy và bò đến các nhà băng lấy ra những món tiền đó và tiếp tục xây cất villa, nhà lầu để cho thuê trục lợi. Và bọn họ đang sống nghênh ngang và vẫn tiếp tục làm cách mạng, cách mạng đảng phái và cách mạng văn học! Cái cách mạng vì dân của họ là thế đó, Ai đã dám làm gì họ đâu?! Dân chúng phần đông là đồng bào nông thôn, mà nông thôn thì như thế đó sống chết không biết ngày nào còn hơi đâu đi vạch mặt, chỉ tên bọn họ. Công việc đó là việc của chánh quyền mà chánh quyền không chịu lập danh sách thống kê tài sản của bọn

cán bộ tay sai của Ngô Triều và một lớp cán bộ thối nát hiện hữu của chánh quyền ngày nay để truy thu số thặng dư đó để trả lại cho dân. Tiền đó, nhà đó và villa đó là của dân nghèo ở nông thôn mà bọn họ đã ăn cắp, ăn cướp từ mười năm nay qua các thời chánh phủ. Là một chánh phủ của dân nghèo phải buộc bọn họ trả ngay các món đó lại cho dân nghèo nông thôn hỏi ông chánh phủ của người nghèo nghĩ sao? Và cũng chính vì thế, vì chế độ cướp bóc của một lớp cán bộ Ngô Triều và bọn tham nhũng hiện tại đã để lại cho chánh quyền hiện giờ một hậu quả nặng nề.

Mùa Xuân năm nay với công việc khẩn cấp hiện giờ của chúng ta là phải thực hiện các biện pháp an dân, nhất là việc đem lại an ninh cho nông thôn để muôn người được trở về làng cũ, thôn xưa mà lo xây dựng lại thôn ấp đã hoang tàn. Phải mạnh dạn cải thiện đời sống cơ cực của họ, cùng lúc phải san bằng những bất công mà những chánh phủ trước đã dung túng — Tận diệt bọn cường hào, ác bá tại các hội đồng xã, Quận, Tỉnh bóc lột hà lạm của dân chúng. Hãy tuyển lựa kỹ càng các cán bộ nông thôn với

mục đích đi sát về nhân dân để thực hiện các chương trình cải thiện sinh hoạt dân quê và thu nhặt những nguyện vọng khẩn thiết của họ mà đạo đạt lên nhà cầm quyền để sửa sai những điều dân không muốn. Nhất là phải xóa bỏ mọi thủ tục hành chánh phiền Phức dài dòng, đôi khi phải linh động dừng gây phiền toái cho dân — Ví dụ đại khái như trường hợp thường có ở các bệnh viện ngày nay trên đất nước là mỗi khi có người bệnh gần chết đem tới mà cứ theo như thủ tục là phải vào phòng lấy giấy, ghi tên và đợi chờ quan trên chấp nhận mới được vào nằm thì lắm khi bệnh nhân sẽ chết trước khi các quan bác sĩ ký cấp giấy tờ. Tại sao ta không linh động được bằng cách là cứ cho bệnh nhân vào nằm điều trị thuốc men cho kịp thời rồi sẽ hợp thức hóa giấy tờ sau?

Những việc như thế là làm mất mạng người dân, làm trở ngại cho công ăn việc làm của họ hằng ngày — Làm cho dân cảm thấy quá xa với chánh quyền trong các trường hợp mà dân chúng muốn trình bày ý nguyện hay cầu kêu điều oan ức hoặc khiếu nại. Hãy tức khắc trừng trị thẳng tay những

kẻ tác oai, tác phúc ở địa phương đã a tòng và dung túng một bọn phá rối lương dân. Đừng làm cho dân bức tức và mất tin tưởng, không nên đề cho dân chúng ở nông thôn có cảm giác là họ bị bội phản. Đừng để họ rơi vào tay cộng sản, vì một bọn chuyên che đậy chính sách độc tài bằng một cái vỏ dân chủ giả tạo. Đó là điều làm cho người quốc-gia ân hận và tủi hổ vô cùng.

Thời cuộc hiện nay rất thuận lợi — chúng ta hãy cố tranh thủ — Vì nơi nào mà Cộng-sản thành công thì ở nơi đó một vài giá trị cổ hữu của nền văn minh nhân loại bị lu mờ. Nội các chiến tranh do tướng Kỳ lãnh đạo hôm nay cần phải tranh thủ thời gian và chuẩn bị lập tức các chiến thuật để chiến thắng trận giặc ở nông thôn — Vì mất nông thôn là mất tất cả ! Vấn đề tuy rất cũ nhưng nó lại rất mới đối với chúng ta những người muốn sống khỏe mạnh vượt của độc tài Cộng-sản.

Là một ký giả vốn đề tâm nhiều về nông-thôn — Năm nay và mùa Xuân này, mùa xuân Đinh Mùi tôi không dám nói cái gì xa xôi ngoài thực tế — Lương tâm

của người cầm bút và cũng là lương tâm chung của quần chúng buộc tôi phải nói sự thật, sự thật của dân đồng quê năm nay và đồng bào ta với mùa xuân này trên toàn đất nước. Đồng bào ta còn đau khổ nhiều, buộc ta những nơi chốn có an ninh không được quyền ăn chơi xa xỉ. Vui làm chi khi mà đất nước ta còn có nhiều vùng trong đó thôn dân còn đau khổ. Và vui làm chi khi mà bà con, anh em ruột thịt chúng ta đang bị cảnh màn trời chiếu đất do bởi các thiên tai, cảnh bom đạn đang dày xéo trên thân xác họ.

Tết năm nay, và mùa xuân này ta nên vui cái vui im lặng để cùng chia xẻ với bạn bè, anh em và đồng bào trên toàn đất nước. Chúng ta xin cầu nguyện tự bây giờ cho một mùa xuân tốt trên đất nước này sớm mau thanh bình để sang năm toàn dân ta được trọn hưởng cái tết vui chung với một mùa xuân về trận ngập lá hoa hạnh phúc.

Saigon Xuân ĐINH-MÙI 1967

*Long-nga Trần-như-nguyên*

**Trung Phần Việt-Nam**

# NGÀY XUÂN



## BÀN CHUYỆN



### THI TỬU



**T**H I là thơ, tửu là rượu. Thi, tửu là hai cái để hỗ hiệp với cảm, kỳ (cảm, kỳ, thi, tửu) mà cổ nhân gọi là « tứ thú » dùng vào đời sống, đời sống của những kẻ phong-lưu nhàn rồi.

nhưng trong tứ thú, thì thi và tửu lại đặc-biệt tương-quan mật-thiết hơn. Cho nên những thi-nhân cổ kim, thường khi cũng là những túy hán, họ thường mang rượu đặt bên thơ, hay là ngâm thơ trước

chén rượu.

**Ví dụ :** « *Tửu phùng tri kỷ thiên chung thiêu*

*Thi bất đồng tâm bán cú đa* ».

Cho tới khi khóc một người bạn, mà nhà thơ Nguyễn - Khuyên vẫn không quên viết :

« *Thơ muốn viết dần do chẳng viết...*

*Rượu muốn mua không có bạn hiền...* »

Rượu cũng là một đề-tài phong-phú của Lưu-Linh, Lý Bạch, Tản - Đà Vũ hoàng - Chương và nhiều

thi nhân khác, ngày xưa ời, mà nay cũng chẳng hiềm gì.

Những con người chuyên - môn ngâm vịnh theo lối phong, hoa, tuyết, nguyệt, làm thơ ca - tụng rượu đã đành, cho đến nỗi những kẻ sống trong giai - đoạn quyết - liệt nhất của lịch - sử, đầu chưa có lấy một sợi tóc khác màu, cũng ngang - nhiên cười - cười nói - nói với ma men trong những vần thơ cũ sáo. Họ rung lên những cảm - giác ngây - ngất, họ cười dài khoái trá trong những khí - phách đồng của bọn túy hán, họ tự nhốt nhiệm - vụ làm người vào cái lu, họ giốc giang - hà vũ trụ vào những cốc rượu rồi họ tự hào là đã giác - ngộ tìm được nghĩa - lý, thứ nghĩa lý sâu - xa mà những con người tỉnh rượu không làm gì hiểu nổi.

Rượu đã kiên - tạo nên

một khí - phách « đồng » cho Lưu - Linh trong những cơn cuồng túy và chính cái « triết - lý say » ấy là con đường thoát của nhóm « trúc lâm thất hiền ». Nguyễn - Tịch, Lưu - Linh co dờ nhảy tồm vào lu rượu để kiên tạo một nhân sinh quan không lành mạnh chút nào, hay nói khác hơn, đầu hàng thực tại.

Nhưng Lưu - Linh, Nguyễn - Tịch và cái « triết - lý say » của họ đâu phải tự nhiên có, mà chính do thời - đại hỗn - loạn, chiến tranh - tang - tóc đời Tần suốt 3 thế - kỷ (280 - 587); xã - hội Trung - hoa tàn - tạ bởi Bát Vương phân - tranh, Ngũ - Hồ quật - khởi, rồi tới Hậu - Tần, Ngụy, Nam Bắc triều. Xét trong lịch - sử Trung - hoa, sau đời Thất - quốc xưng hùng, đời Đông - châu chưa khi nào rối - loạn, điều tàn bằng thời - đại này.

Thì ra Kiền Vy tướng

quân Lư-Linh đầu hàng trước thời-cuộc mà trồn vào vò rượu, và binh-bộ Thiệu-úy Nguyễn-Tịch cũng giả vờ say mà ngồi lên xe cho người ta đẩy, đi đến cùng đường rồi ôm mặt khóc : « Ô hô ! Đường đời sao ngắn quá ! » Phải ! Nguyễn-Tịch, Lư-Linh, đã tự đi vào ngõ cụt .

Cũng như có một số thanh-niên trí-thức Việt-nam hiện tại, họ không ngần ngại nói : Tương-lai chúng tôi đâu ? Chúng tôi sẽ đi đường nào ? Lý-tưởng của người thanh-niên Việt-nam bây giờ là cái gì đây ?

Nhưng xét cho cùng, những kẻ xưa cũng như nay, như thế chưa hẳn đã là không có lý làm ta suy nghĩ, vì hiện trạng xã-hội đã đẩy họ vào ngõ bí, chỉ có thể lấy rượu làm khuây hay giả vờ điên.

Điều đáng cho ta phải kính họ là những người không chịu hủ hão với hoàn cảnh, có cá tính vững vàng, không thềm chạy theo với lợi danh hèn kém . Cái say sưa của Lư-Linh, Nguyễn-Tịch, cũng là một thái độ phản ứng tiêu cực đối với hiện trạng xã hội mà họ đang phải sống, phải chứng kiến .

Nhà văn kiêm sử gia Đái danh Thê, đời Mãn Thanh đã phê bình cái triết lý say sưa, đầu hàng trước thời cuộc, của nhóm Trúc Lâm thật hiển . Đái công viết:

!!Tôi thường hỏi tiêc cho mấy ông Lư Lĩnh Nguyễn Tịch, trong lúc Tổ Quốc trăm luân bôn phượng rồi loạn mà những bậc tài năng như các Ông lại đâm ra chán đời, liêu lĩnh, thật thêu rủ nhau vào làng say...

than ôi! từ đời Lưu, Nguyễn đến bây giờ khắp cả thiên hạ đâu đâu cũng có làng say; mịt mù, trơn hèn, ai đả vào đó, thì không còn biết lỗi mà ra nữa,,.

Trong thời Trung hoa còn ở dưới chế độ Mãn Thanh, nhà văn ái quốc Đái danh Thê đã rung chuông gõ mõ kêu gọi những kẻ trốn đời, trốn thực tại để đi tìm cảnh thần tiên hay là con đường thoát trong hơi men. Tiên sinh đã đi ngược lại đường lối kẻ thông trị nên về sau đã bị nhà Mãn Thanh kết án!! vẫn tự ngục!! mà chịu tử hình. Thì ra xưa nay lại không có kẻ thông trị nào mà lại không muốn quyền rủ ta quên cái địa ngục mà họ đang dày ải ta! Ai muốn sống còn không thể không hiểu nguyên lý đó.

Thê rồi cứ mỗi khúc

quanh của lịch sử lại tạo nên một tâm trạng cùng quần cho một lớp người, thì ta lại thấy hơi men bốc dậy lên ngùn ngụt trong văn chương.

Lý Bạch gạn lại trong giai đoạn loạn ly đời Đường cái hương vị đắng cay của cuộc đời «hề đồng» của lý qua các cung điện. Hương vị ấy được cô đọng lại thành mỗi «sầu vạn cổ» và cái sầu ấy đã ám ảnh biết bao thi nhân. Sầu qua không gian chật lên như thành quách, qua thời gian kéo dài hàng «vạn kỷ» và sầu cũng có khối lượng đông được hàng «vạn học».

Những tao nhân mặc khách, họ sầu cho cuộc đời chóng tàn, sầu cho thời gian trôi qua mà không bao giờ trở lại, sầu cho quá khứ huy hoàng đã bị sụp đổ tan tành, sầu cho

hiện tại không ra một cái gì ráo trội, sấu cho tương lai chưa ai biết tới đâu.

Và, muốn công phá thành sấu ấy, thì rượu là yếu tố duy nhất:

«Dục phá sấu thành tu dụng tửu».

Hay là: Sấu thành dục phá tửu vi binh!! thì cũng vậy. Cho nên Lý Bạch muốn tròn cuộc đời bằng cách muốn cho say luôn, đừng có tỉnh lại nữa!

Cái chất đa sấu của những thi nhân lãng mạn đã hoà trong hơi men, và đó là đặc tính của người Trung-hoa cũng như Việt nam vậy.

Gần đây hơn, người Việt chúng ta chịu ảnh hưởng văn hoá Âu-Mỹ, với những thơ văn lãng mạn rượi trung, đa-đa kèm theo những rượu mùi: Champagne, Cognac, Bisquit, Bordeaux, Whisky v.v. Các anh chàng thi-sĩ Việt-nam Xuân-Diệu hồi tiền

chiến, không như Lưu-Linh, Lý-Bạch hay Tân-Đà, mà lại muốn học đòi những túy hán của «Mẫu-quốc».

«Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine»

Hai chàng thi-sĩ choáng hơi men»

Men rượu mùi của Âu-Mỹ lại có tác dụng mạnh hơn, làm cho thanh niên Việt cơ thể nóng ran lên, các tê bào căng thẳng ra, nên cái say sưa ở thời đại chúng ta mới thiết đứng với cái nghĩa «Túy sinh, mộng tử».

Với rượu với thơ ấy, lại kèm theo một thứ «văn minh tuyệt-diệu» nữa là những tiệm khiêu vũ, với những thủ tục khiêu dâm dưới ánh đèn hồng tím, kêu gọi xác thịt trong bóng tối, cái mà nhà thơ Song-An bảo là;

«Cung đàn reo rất quên nòi  
giống

Cốc rượu say sưa đời vợ  
chồng».

(Xem tiếp trang 85)

# Thằng Cỏ - Vịt

(Tiếp theo trang 53)

Sao ? Mi nói sao ? Thăm ai ?

Rồi vội chỉ tay ra đường, Cỏ Vịt nhìn theo: một con chó đang chạy trốn mưa:

— Thăm con... chó tề. Thăm ai mà thăm. I, ai mà thăm I, cái đồ Cỏ Vịt. Liệu hồn mà nói nghe không. Còi chừng bề mặt, gãy còi.. Cỏ-Vịt đó nghe! Và trước khi chấm dứt lời cảnh cáo hy-vọng là cuối cùng với Cỏ Vịt, Hoa sen đứng dang chân, chống tay, môi trề, mắt trợn, và dãn rõ từng tiếng một:

— Cỏ Vịt, cỏ vịt cỏ vịt vịt vịt... như người trần trối đọc tên người yêu..

Cỏ Vịt không còn biết trời đất mưa gió gì nữa. Hình như con dao vừa bõ xuống, nhanh và bén quá đến nỗi đã bứt lia cái cỏ mà hần không cảm thấy chỉ vì cái đầu chưa rụng xuống. Hần còn choáng váng mặt mày khi nghe Hoa Sen đánh sấm hai cánh cửa lại đề mặc hần với cơn mưa càng lúc càng nặng hột. Hần có ngờ đâu rằng người đẹp có cái tên đẹp và dịu đến thế mà cũng có thể có được những cơn giận dữ hung-tàn đến như vậy. Và khi lùi thối bước ra khỏi nhà thì hần cũng vừa nhận ra rằng cánh hoa sen đã tàn tạ trong lòng hần, cánh sen đã vấy bùn và không còn tinh-khiết nữa.

Sáng hôm sau con Hoa đi chợ rồi người ta mới thấy Cỏ Vịt tới quán. Ngày hôm đó trời không nắng, buồn bã. Hần lo ngại cho cuộc tái ngộ không mong ước khi Hoa sen đi chợ về. Thế nhưng đến lúc không đề phòng thì Cỏ Vịt bỗng thấy Hoa sen cùng với mấy sen khác đi ngang qua quán bận rộn chuyện trò, không mấy may chú ý đến Cỏ-vịt. Cỏ-vịt vừa mừng rỡ vừa ngạc nhiên về thái-độ của Hoa sen. Nường hối-hận rồi chẳng, nhưng sao trong nét mặt nàng không có chút cảm-xúc nào cả. Cỏ-vịt

nghe nhiều lắm, lung lắm và đến chừng lúc Hoa sen đang dọn ăn thì Cồ-vịt cũng vừa tìm ra chân-lý : Hoa sen cho đó là một chuyện xấu hổ, một điều sĩ-nhục ghê gớm nên không dám mách lại với chị em và do đó câu chuyện được bỏ qua. Dầu sao thì Cồ vịt cũng không mong mỗi gì hơn. Buồn ời là buồn ! Trời ời, bây giờ trời ở đâu ? Biết về đâu bây giờ ? Cảnh vật có vui gì mỗi khi lòng người rười rượi tan nát như thế này. Cồ-vịt nhìn ra đường : cuộc đời có gì đáng tươi sáng hơn đâu dù là sau một đêm mưa gió toi bời !

Đang ngồi lim dim nhớ lại đề quên đi những kỷ niệm đau buồn đã xảy ra trong cuộc đời thường xuyên không vui vẻ của hân-Cồ-vịt đang lịm dần vào giấc ngủ — một giấc mơ — mà trong đó màu đen vẫn chiếm những khoảng không gian to lớn, Cồ-vịt bỗng nghe những tiếng ồn-ào bất thường đến rất gần. Vừa quay lại thì thấy một người bạn Hoa-kỳ to lớn, nặng nề và lông lá đang khệnh khạng tiến về phía quán cúp. Bừng tỉnh giấc mộng đen, Cồ-vịt tưởng đã gặp lúc tươi sáng bắt đầu. Hân ngại ngùng chưa nói kịp tiếng «hello» bằng cái giọng lệt nhệt của mình thì người bạn đầy-dà đó đã đến kề quán cúp. Lần này hân thấy có cái gì khàng khác trong con người to lớn thiện-chí này : bọn nhãi ranh có đi theo nhưng không dám bén mảng tới gần. Thôi phải rồi hân ta say. Cồ-vịt cuống quýt. Người đại-diện cho tình-thân-hữu lần này ăn mặc không đàng hoàng trong bộ quần áo dân-chính lỗi thời. Cái áo carô đầy mồ hôi chỉ được gài ở nút cuối cùng, cái quần kaki cũ mềm và bạt thếch thì người ta tưởng như không thể nào với tới cái rốn to và sâu có lông lá từ bề. Người chiến-sĩ lông lá này bỗng đứng lại nhìn sững vào Cồ-vịt, không có dấu hiệu gì của tình thân-hữu cả, rồi thỉnh linh vung tay hất mạnh Cồ-vịt ra một bên làm hân gần té giữa. Cồ vịt phải một phen bở vĩa. Bọn con nít lại có dịp phá lên cười, khoái trá. Người bạn to lớn này lại tự tiện leo lên ghế ngồi như một khách hàng đã lâu năm quen biết, thở hắt ra những hơi witky nồng nặc. Ừ ở năm ba tiếng không rõ ràng, người bạn lại dựa lưng vào thành ghế để ngủ một giấc... thật say sưa như đã nằm xuống từ hai ba ngày trước. Những miếng thùng thiếc ọp ẹp như kêu lên đau đớn theo nhịp thở

hùng-dũng của người chiến-sĩ không những chỉ can trường khi chiến đấu với quân địch... Cờ vịt đang không biết xoay xở ra làm sao, hần lúng-túng cố dẹp những đồ nghề ra ngoài tầm tay, chân của người khách đồ bộ thỉnh lình. Một lần Cờ-vịt đụng nhằm ống chân — ôi cái ống chân cũng lông lá của người khách to lớn làm hần thức dậy quáit mắng xi-xô om sòm. Cờ-vịt lại một lần sáng hồn bỏ chạy. Bọn con nít lại thi nhau cười, tưởng không gì thích chí hơn, có đũa vẫn không quên những tiếng Cờ-vịt cũ xưa đề đệm vào những động-tác ngộ-nghĩnh của một tình bạn không hẹn hò. Thế rồi bỗng có tiếng kêu thật to, vẻ nhớn-nhát giả-tạo đủ để cho người nghe vừa cảm thấy :

— Ê, Diêm ! Hoe du ? Diêm ? Diêm mai đất-lin ! (1)

Tất cả đều hướng về phía có tiếng kêu. Ở đầu xóm dần vào một nhà thờ dân rẻ tiền, xuất hiện một cô gái mà cách ăn mặc và lối trang điểm không thể nào làm cho người ta nghĩ khác hơn là một cô gái giang hồ. Cô ta đang hướng về quán cúp, vắn vớ về nhớn nhát giả tạo. Kêu là kêu vậy đề loè loẹt năm ba tiếng « hương xa với bà con làng nước cho vui vậy thôi chứ thật ra tìm một người bạn Hoa kỳ ở một nơi mà trẻ con chưa biết kêu «ba mạ» đã sành nói «hello», «OK» thì có khó khăn gì ! Thế nhưng «hương xa» lại thoảng mùi diêm dứa :

— Ô, Diêm, Diêm, qua Diêm ! Hoa du, Diêm ? (2)

Cả bọn trẻ tinh quái và Cờ-vịt đều cảm thấy kính nể cô gái nhỏ bé bạn của người bạn to lớn này. Xông thẳng vào quán người bạn gái liền mạnh bạo nắm tay lôi thẳng người to lớn dậy. Hần ú ở cự nự nhưng khi vừa mở mắt và thấy cô gái thì hần lại ngoan ngoãn đứng dậy hần lại vớ lấy cái mũ của Cờ-vịt treo trên móc rồi đội lên đầu, tự nhiên như đội chiếc mũ của mình đã đề quên. Xong hần luôn tay vớ thêm một hộp phấn như tuồng lưu luyến không muốn rời cái quán cúp thân yêu Cờ-vịt há hốc mồm ngạc nhiên hần xịch lại gần đề dành lại những thứ đồ thì bỗng hần đứng sựng lại khi chỉ còn cách cô gái chừng hai bước ngắn. Nhìn kỹ thêm chút nữa hần buột miệng kêu to :

(1) Jim, where are you, Jim my darling ?

— Ê, Mua, ở làng lên hồi nào đó ? Có nhớ tôi không ? Ở làng mà...

Sau chút kinh ngạc vẩn trợn lẫn với nhiều giả tạo người bạn gái trợn dộc đôi mắt đã cạo hết lông mày và vẽ thêm rất nhiều long mi :

— Mày nói gì ? Ai làng nước gì với mày. Đừng nói tầm bậy mà có ngày bỏ mạng nghe mày !

Cồ-vịt lại một lần nữa cảm thấy con dao sắc bén vừa bỏ xuống cổ mình. Bọn con nít bây giờ lại kéo nhau đến đông hơn. Chúng không còn e ngại như trước nữa : có nhiều người cùng ghét Cồ-vịt thế thì Cồ-vịt đáng ghét thật. Chúng lộ nét hân hoan thật sự trước những người liên minh đề cùng ghét một người đáng ghét chung : Cồ-vịt. Về thần thiện đầu tiên của chúng là phản trần với những người bạn mới liên minh bằng cách cùng nhau kêu những tiếng (Cồ-vịt) thật tru tréo. Người chiến sĩ to lớn và lông lá liền quay sang phía người bạn tình nhỏ bé và hỏi bằng cái giọng wítky.

— He's Kovit ?

Người tình nhỏ bé không chút ngại ngùng :

— Dét det, hi Cồ-vịt . . . ( 3 )

Rồi cả hai cùng quay về phía Cồ-vịt nói những tiếng thông cảm đầu tiên (Cồ-vịt : . Kovit . . .) giữa những tiếng phụ họa của bầy trẻ như khúc hát khải hoàn đón về kẻ thắng trận. Và đề chúc mừng cho tình bạn và thiện chí, người chiến sĩ có tên (Diêm) liền mở hộp phấn ra tung rải khắp nơi như người đi hội chợ rải cofetti. Bọn trẻ bây giờ cảm thấy không thể không dùng đến những tiếng la hét đề tỏ niềm vui thông cảm đang lảng lảng trong lòng cũng hiểu khách và đầy thiện chí. Nhiều thằng sung sướng quá lăn cả ra đường mà cười mà hét. Trên đời e không thể nào có cảnh ngộ nghĩnh hơn được.

(2) Oh! Jim, How are you, Jim ? (Sao thế Jim)

(3) Yes yes, He's Cồ-vịt . (Vâng, nó là CV)

Tuy bực mình về cái trò chơi con nít này có thể làm hư chiếc áo màu sít sao đang mặc trong người nhưng ý chừng cũng không muốn làm hoen ố tình bạn và thiện-chí, cô nàng chỉ mỉm cười rộng lượng và lợi dụng tình thế vói lên lấy cái mũ vắt cho Cồ-vịt. Cồ-vịt sững sờ quá đến nỗi khi hai kẻ yêu nhau đã diu nhau lên xe... xích-lô rồi mới nhớ tới hộp phấn vô tội của mình.

— Ê, trả... tiền hộp phấn đây.

Không chút do dự người đẹp đang mang theo mình một niềm hạnh-phúc to lớn bèn mở xác và ném ra cho Cồ-vịt hai tờ giấy bạc mà thoáng nhìn Cồ-vịt tưởng là nhãn hiệu của một chai thuốc loại Nhị-thiên-đường. Hắn chụp được một tờ, một tờ bay ra xa và tức thì bọn trẻ ùa nhau lại giành giật. Cồ-vịt liền xông tới tranh-dấu cho quyền lợi nhưng không kịp rồi bọn chúng đã lấy được và chạy mất. Chúng lại quay lại nhìn Cồ-vịt rồi phá lên cười chế nhạo. Và điệp-khúc muôn đời: Cồ-vịt Cồ-vịt... Cồ-vịt lại một phen nữa sững sờ. Vừa lúc đó thì chiếc xe chở những người sung sướng đang lướt qua, người đẹp nhìn hắn mỉm nụ cười thương hại. Chiếc xe ngang qua, Cồ-vịt vừa nhận ra rằng người đẹp lần này cũng có đôi gót nức như Hoa sen ! Bọn trẻ cũng chạy xa rồi nhưng âm-thanh vẫn gay gắt vọng về :

— Tồ cha thằng Cồ-vịt... Ha ha ha !..

— Ê Cồ-vịt Cồ-vịt Rừng Xanh. Cồ-vịt Ngồng đực Ngồng cái.,

Có ngờ đâu rằng hôm nay lại còn xui xẻo hơn hôm qua nữa. Phải chăng cuộc đời Cồ-vịt chỉ có toàn những ngày mai xấu xa đen đúa hơn những ngày qua, và cứ thế cho đến tuyệt cùng của cái xấu và tốt: cái chết !? Hắn không muốn nghĩ thêm nữa, nhưng dầu sao thì cũng không thể quên đi những hận thù... với lũ trẻ. Cồ-vịt lầm bầm :

— Tồ cha... bây!

Chửi xong Cồ-vịt mới sức biết rằng chỉ có mình nó nghe tiếng nó chửi mà thôi.

III.— Không tình yêu, không tri âm, nhưng thỉnh thoảng Cồ-việt vẫn có những người bạn học trò lớn — trung học — dễ dàng thông-cả và trò chuyện với Cồ-việt. Đó là những thằng học trò xác to mà sức học nhỏ, và vì có quá nhiều bài vở nên hóa ra rồi rồi. Đến quán cúp của Cồ-việt, thì thằng nào cũng có chút ít lợi lộc tự nhiên. Hoặc chải cái đầu, xức chút nước hoa rẻ tiền, cạo chút râu lún phún: nặn cái mụn hay ngăm cái thân hình thư-sinh khoẻ mạnh để gợi lại những tia nhìn của lũ bạn gái mà hẳn tưởng chừng có cái gì khan khác. Và dĩ-nhiên Cồ-việt không bỏ quà cơ-hội để phân trần :

— Đó, mấy người ngó đó. Có ai chơi với chúng mà chúng cứ chọc người ta hoài... Đồ mất dạy... Đồ... Đây, ngó này, khi hôm hần đôi hờn soi gần bề tấm gương này. Có khách cúp chứ không thì,,,

Vừa nói Cồ-việt vừa thò tay vào túi quần lấy ra một hòn sỏi nhỏ, nặng niu như một báu-vật vì là một chứng-tích duy nhất của sự tàn ác và phá hoại của lũ trẻ. Có lẽ không bao giờ hần chịu vất hòn sỏi. Nặn xong cái mụn, quẹt ầu cái còi trên tấm gương «dương duyên hòa hiệp» được dùng làm gương soi trong tiệm, một thằng trong bọn quay qua nhìn Cồ-việt. Cồ-việt cũng thấy hết những động-tác đó và nếu không phải là lúc tâm sự thì đời nào Cồ-việt lại để cho người khác «hành hạ» cái quán cúp của hần như thế: Chừng hiểu ý, thằng kia mỉm nụ cười tạ tội thật vô duyên :

— Tôi nói với anh là đừng có mắng chửi hay ném đá lại bọn chúng làm chi. Rứa là anh lỗ à. Cứ làm bộ như không biết gì, không biết bọn hần kêu chọc ai. Đó anh Cồ-việt...

Hai tiếng Cồ-việt tuy thân mật nhưng không được Cồ-việt tán thành tí nào. Nét mặt đã u-tối vì cái ý-kiến khó xài lại càng u-tối hơn. Có ai ngờ rằng những người hần nhờ cậy giúp xóa mất cái âm-thanh chương kỳ đó thì lại là những người cũng nói những tiếng đó một cách ngon lành không thua gì bọn trẻ. Cồ-việt như mơ hồ thấy trước rằng định-mệnh đã găng liền cái tiếng Cồ-việt tai-hại đó vào

(Xem tiếp trang 94)

# XUÂN

# THA HƯƠNG

Tư Hồng biên khảo

«Mặc ai mưa Sở mây Tần,

«Nhưng mình nào biết có Xuân là gì»

Thật là vô lý, sao lại không biết có Xuân?

Nhưng có lẽ chỉ vì:

«Nỗi lòng cổ quốc Tha hương

Đường kia nổi nọ ngồn ngang bời bời

Đó là tâm trạng của các nhà Tiền bối cách mạng Việt Nam khi ở Nhật Ở Tàu hay ở Xiêm, mỗi khi tết Đến Xuân, càng thêm chạnh niềm tha hương lữ thứ.

Nhưng trong cảnh Thi hương, lại cũng khác nhau như trời với vực, Cảnh tha hương của các cụ hoàn toàn khác biệt với những kẻ trước Đây được Thực Dân pháp cho đi học ở Ba lê, cũng như những người bây giờ đang học ở Pháp, ở Mỹ, ở Gia nã Đại, ở Tây Đức, học cho đỗ kỹ sư, Tiến Sĩ dề rồi về làm Giám Đốc, Bộ Trưởng, ngoài chuyện vinh thân

phì cha người ta không thấy lợi gì cho ai hết, vì chính họ cũng chẳng cần làm lợi cho ai.

Người ta nói ! «Thơ là tiếng nói của cõi lòng,,

Lại có kẻ nói ! «Văn chương xuất lễ tâm huyết»

Vậy những kẻ cõi lòng không có gì để nói, cũng không có tâm huyết gì về xuất, thì họ ở Tha hương mỗi lần gặp Xuân gặp tết, họ có cao hứng làm Thơ, Thì cũng Đến loại thơ Ông Đồng lý» khô khan và rỗng tuếch.

Thiệt vậy, một ông Bô chánh ở Nghệ-An T X M, được kháp cho đi tu nghiệp ở Ba-lê, đề Rồi Về làm tuần Vũ hay Tổng-Đốc. Gặp một mùa Xuân ở trên Đất Pháp, từ Paris Ông làm thơ gởi về cho mấy ông Ty Phiên, nguyên thuộc Viên của Ông:

«Năm nay ăn tết ở Paris

«Cũng pháo, cũng hoa, cũng Vic ky

«Tớ tạm xa quê trong một tết

«Gởi lời về chúc bạn đồng Ty

Một nhân vật mang đủ cả hai cái cử nhân Hán, Pháp mà bài thơ chỉ là một mớ sáo ngữ tự tổ cáo sự Thấp kém của mình.

Khác với những kẻ Tha hương như thế, các nhà Tiền bối Cách mạng Việt Nam, cụ Nguyễn-Thượng- Hiền, trong một dịp xuân về tết Đến trên Đất Tàu, tác giả nhận được bức huyết Thư của một người đồng chí cụ Phan Sào Nam gởi tới yêu cầu phải chính» tác giả cảm hứng Viết:

«Ô hô xuân hê biệt cố hương!

«Thùy nhân du học Thảo Nam phương!

«Huyết thư nhất bức Vãn xuân tiến,

«Hà nhật xuân lai Việt Chung cường?

Dịch nghĩa

«Than ôi xuân tới lại xa nhà!

«Ai kẻ trời Nam Thưởng cỏ hoa?

«Đến lúc Xuân chào Thụ huyết lệ!

«Xuân vào hùng mãnh giống nòi ta?

Rượu Xuân, mặc dù là xuân Tha hương lữ thứ, nhưng nhà Tiền bối cách mạng Phan-Sào Nam khi ở Nhật, cũng nổi lên những hùng khí khác Thường trong những Văn Thơ;

«Dậy! Dậy! Dậy!

«Bên ai một tiếng gà vừa gáy!

«Chim trên cây riu rít chào mừng!

«Xuân ơi Xuân! có biết cho chăng?

«Buồn cùng sông, thẹn cùng núi, tủi cùng trăng

«Ba mươi năm lẻ Đã từng chua với xót

«Trời đê hầy còn Thân sống sót

«Tháng ngày mòn mỏi Với xuân xanh

Thưa các cô, các cậu, cùng các anh!

«Năm Đã mới ta càng thêm mới mới

«Mở mắt nhìn xem tân vận hội

«Xem tay xốc vác cứu giang sơn

«Đi cho êm đứng cho vững, trụ cho gan

«Giây đoàn kết rít ràng cơ hội mới

«Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi

«Coi lối xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần

«Chẳng thêm ăn, thêm mặc với thêm chơi

«Rèn gan sắt quyết đời non lấp bề

«Với máu nóng rửa vết như nô lệ

«Mới thế này; là mới hội chư quân

«Chữ rằng : nhật nhật tân ! hữu nhật tân »

Tại một mùa Xuân về trên đất Nhật, nhà Tiền bối cách mạng cụ Trần-đông-Phong, biệt hiệu Thùỵ-Hà nhìn các cô gái Phù tan<sup>g</sup>

đi mua hoa tết, xứ anh Đào rực rỡ. Nhưng rồi chạnh nhớ lại mình cảnh Tha hương lữ thứ, cụ viết:

«Anh Đào có đẹp với ai?

«Anh Đào Đâu Đẹp với người ly hương

Cho nên:

«Đã buồn Xuân tới lại buồn hơn!

«Đất khách phiêu lưu mấy túi hờn!

«Phú sĩ không trùm mây tán Linh!

«Anh Đào chẳng hóa liễu Hồng Sơn!

«Nam dương sóng khờ còn bao đợt!

«Đồng Hải mưa sầu vẫn vẫn cơn!

«Nhị Thủy ngày nào ca tự chủ

«Toàn dân Hồng lạc đón xuân sang,,

Lại một mùa xuân khác, về trên Đất Xiêm, nhà Tiền bối cách mạng, cụ Ngộ Sanh, Đặng Thúc Hứa Viết:

«Khách địa bởi hồi tuế nguyệt thâu!

«Đồng tàn xuân áo hận du du!

«Mang mang tứ hải gia hà tại?

«Mạng mạng tam kỳ quốc cách vô

«Thập tải vân bằng âm tín đoan

«Ngủ canh phong vũ khách tâm cô

«Quang âm tấn tốc thôi nhân lão

«Cửu đại như thiêu hận vĩ tàn

Dịch Nghĩa:

«Đất khách quê người đã bấy lâu

«Đồng qua xuân lại chạnh lòng đau

«Trông nhà bốn bề nhà đâu thấy!

«Hỏi nước ba kỳ nước có đâu?

«*Mấy độ trông tin nhà lại vắng!*

«*Năm canh tâm tả lệ rơi châu*

«*Tày trời thù ấy còn chưa trả*

«*Ngày tháng thoi đưa thấy bạc Đầu,*

Không thở than nào nùng như các cụ Tiên bối trong phong trào Đông Du và Quang Phục, cụ Vương Sơn Như, nhà lão thành cách mạng hiện Đại, hồi cụ còn ở Tàu(1940) một dịp gặp xuân cụ viết;

« . . . . .

« . . . . . ,

«*Nét mặt già dần theo tuổi nguyệt,*

«*Tấm lòng trẻ mãi với non sông*

« . . . . . , . . . . .

Và: «*Bây mười năm chất cao thù nướn,,*

«*Một tuổi già thêm nặng nợ đời,,*

Và: «*Nhà ông đâu? quê quán ta đâu?*

«*Đất lạ tháng ngày tro mắt mặt!*

«*Anh em hỏi, quốc dân ta hỏi!*

«*Thù chung sống thác tạc lòng son,*

«*Nhưng rồi cụ hy Vọng*

«*Hai chục triệu đồng bào, híp mắt no say ba bữa tết.*

«*Bốn ngàn năm Tờ Quốc, ôm lòng chờ đợi một ngày xuân,,*

Những vần thơ xuân tha hương của những nhà Tiên bối cách mạng nay đã về với dĩ vãng lịch sử. Từ năm 1945 tới nay đã 22 năm, đáng lý ra cuộc cách mạng Việt Nam đã ca khúc khải hoàn, uống rượu mừng xuân trong hạnh phúc hoà bình. Có ai ngờ 22 cái xuân liên tiếp luôn trong khói lửa tang tóc, nhất là cái xuân Đinh vị(1967) nay.

Nghĩ lại mà,..



# LỜI ? CỦA ĐẤT

HÀI VÂN

LANG CỎ

(Nhóm Từ Đàm)

Đất nằm đó ngày đêm cười máu lửa  
Súng bom cuồng chưa Thoã Thủ cây đâm  
Đất nằm đó sẵn sàng chôn xác thú...  
Xác thú nào lo thiếu đất chôn Thân  
Đất nằm đó nhìn qua từng nét mặt  
Dấu vết này rừng-rú của xa xưa...  
Bàn chân này miền băng sơn Bắc-cực  
Đã từng qua đất đó tự bao giờ...  
Đất nằm đó nhìn người cười chế riều  
Đất chẳng hờn, chẳng trách, chẳng Than-van  
Đất nằm đó sẽ chôn nằm chôn đứng  
Những quân ngu... Xây tù ngục chiến trường  
Đất chôn cả những quân làm nhóp đất  
Những quân nào phân quốc, bán quê-hương!  
Đất nằm đó chẳng bao giờ tiêu mất  
Mà chỉ tiêu quân cướp... lũ gian Cường...  
Đất nằm đó tự muôn đời ngàn Thuở  
Đất vẫn còn mãi mãi của... Đất thôi  
Những quân nào đến, đi, về hay ở...  
Đất Việt-Nam — đất đó vẫn muôn đời !

## GIỜ GIAO THỪA, GIỜ TUYẾT HẠT . . .

(Tiếp theo và hết)

Khi tiến vào vị trí đối-phương mà không gặp phản-ứng trong phút đầu, thì phải rút lui cho thiệt nhanh, vì đó là đối-phương đã bố-trí mai-phục.

Bỗng một tiếng «đoàn» của súng lệnh phát nổ của nghĩa-quân lập tức phục binh tứ phương nổi dậy, một cuộc giao-tranh bắt đầu.

Những phát súng từ những hốc đá phát ra xoi từng tên lính Pháp một.

Tiếp đó vị nữ tướng với giọng hô quân sang sảng hô :

— Xung-phong, xung-phong.

Một cuộc ác-chiến xấp lá cả rất ác-liệt đã diễn ra giữa quân Pháp và nghĩa-quân của cô Ba.

Kết-quả Thiếu-úy Courteix, Chuẩn-úy Colonna, đều bị thương ở hông, quân-đội của hắn phải tháo lui mới thoát khỏi chết, lính Pháp chết khá đông.

Cô Ba truyền cho nghĩa-quân thu súng đạn, thu dọn chiến-trường, rồi mở heo bò đề khao mừng chiến-thắng trong giờ giao thừa.

Hùng-Phong

---

## NGÀY XUÂN BÀN CHUYỆN THI TỬU

(Tiếp theo và hết)

Rượu xuân con dê năm nay, chúng ta không pha trộn máu dê, mà lại pha trộn máu . . ., ác hại thay, lại là . . . cùng nòi giống, thì cay đắng buồn nôn làm sao.

Bởi vậy, chúng ta, kẻ cả những người đang làm

giàu trong hoàn cảnh chiến tranh, cũng không có quyền cô tình quên đi để mặc cho dân tộc tiêu vong tuyệt diệt vì cuộc chiến tranh kéo dài; ngược lại phải tích cực đầu tranh để thực hiện hòa bình, cứu lấy nòi giống.

Đông-Tùng

## VĂN NGHỆ 1966

(Tiếp theo và hết)

Nguyễn văn Xuân sau bao năm trời vắng bóng, lại tri ngộ với độc giả ở tạp san Tin văn ở truyện Hương Máu rất đặc sắc.

Lê Tất Điền ở quyền Đêm Dài Một Đồi rất khởi sắc. Cây bút của anh nhân đạo, chịu trách nhiệm len lỏi vào cuộc sống của các người mù, do đó việc Trung Tâm Văn Bút trao giải thưởng cho anh thật xứng đáng đủ rằng anh chỉ đương đầu với năm tác phẩm dự thi.

Bình Nguyên Lộc với quyền Tình Đất không gây tiếng tăm gì ồn ào Sơn Nam với quyền Vạch Một Chân Trời vẫn không còn sở trường đề pho diên. Duyên Anh với «Áo Vọng và tuổi trẻ» cũng không thể làm phai mờ dư vang của quyền Luật Hề phổ. Dương Kiên với quyền «Biều Trầm Lặng» thích chuyện chớ một vài quan niệm phiêu lưu về tư tưởng triết học, Phan Tùng Mai với quyền Mỹ Linh và Tôi», Dương Hùng Cường với quyền Buồn Vui Phi Trường Nguyễn Thu Giao với Vườn Cỏ Thụ và Phạm Quốc Hùng với Thăng Người vừa xuất hiện trên văn đàn mang nhiều sắc thái và vóc dáng mới.

Nhật Tiến rất khéo khơi trêu nước mắt độc giả ở quyền Chim Hót Trong Lồng trong khi đó Doãn Quốc Sỹ gây không khí chán ngất ở bộ trường giang tiểu thuyết khu rừng lau. Họ Doãn càng về sau ở quyền Những Ngã Sông càng bất chấp bỏ cục thành ra tác phẩm của ông càng lúc càng rời rạc với những ý tưởng không lấy gì làm độc đáo.

Trần Phong Giao với quyền «Ngồi Lại Bên Cầu», Trần Văn Sơn với «Truyện Tình Nhỏ» chỉ cho nổ vài tiếng pháo chuột lè tề và rời rạc trong làng văn.

Một số văn sĩ vắng bóng như Tô Thùy Yên Duy Thanh, Nguyễn đình Toàn, Lan Đình, Thạch Hà, phạm phạm, Doãn Dân, Tiểu Đầu v...v...đã gây sự nguyền lạnh hay miễn tiếc cho độc giả...

Những tháng cuối thu, không khí thi ca bỗng nhiên như bùng lên một sinh khí mới lạ. Bằng những buổi đọc thơ của nhóm Tiếng nói ở Đại học văn khoa, những người không chú ý lắm với thơ, cũng tò mò lắng nghe tiếng thơ mang những thắc mắc của thân phận con người trước tình yêu và chiến tranh.

Chiến tranh càng ngày càng nổ tung trên đất nước chúng ta những vết thương bạo tàn đau xót. Hình ảnh nhức nhối đó như một cơn lốc cuốn hút những tâm hồn thi nhân, mang những nguồn hứng thi ca vào một chiều hướng sáng tác mới. Ngoại trừ một số người làm thơ cổ chui rúc vào tháp

ngà, đề thương khóc một thời kỳ lãng mạn đã qua, những mảnh tình đáng chôn sâu vào dĩ vãng. Chúng ta đã tìm thấy những tâm hồn hôm nay, vươn lên; đề tìm sự cảm thông với niềm đau chung của dân tộc.

Cùng với sự sôi động đó, chúng ta bắt gặp tiếng nói xót xa, của Thái Luân trong «Vùng tui nhục» và kể đó lời ca tụng tình yêu quê hương với những lời thơ êm mượt của Hoàng hương Trang, sự chân thành mộc mạc của Phò Đức trong «Linh hồn cô biếc», Gây nhiều tin tưởng cho độc giả ở vẻ đẹp trong sáng và tươi mát của giọt sương buổi bình minh. Ngoài ra trong «Tình khúc tháng 11» chúng ta phải công nhận sự vượt tiến của Du tử Lê ở nội dung nồng nàn và từ ngữ thâm thiết.

Nếu «Niềm đau tuổi mộng» của Phương Châu đã thành công phần nào ở nét duyên dáng mặn mà của nữ tính, thì «Đơn sơ» của Minh Quân và Bích Nga chúng ta bắt gặp những vần thơ khô như cuống rạ, và im lặng như tượng đá.

Tập thơ «Đất mẹ» của Phương Đài với hình thức trang nhã, và những bài thơ cô kính cũng được rất nhiều cảm tình của giới văn nghệ. Lệ Khánh với tập thơ thứ sáu «Vòng tay nào cho em» vẫn là một lối thơ dễ dãi ở kỹ thuật, triển lãm một nỗi buồn bừa bãi.

Nếu những nhà thơ nữ trên đã khép mình trong những vần thơ khuôn khổ, thì hai tập thơ «Nàng» của Đỗ Quý Toàn và «Điệp khúc tình yêu và trái phá» của Kiệt Tấn đã nổi gót Thanh tâm Tuyền đi vào lối thơ phá thể; tự do ở số câu, số chữ và ngôn ngữ cũng như ý tưởng. Những bài thơ có một vóc dáng là lạ của Jacques Prévert. Cũng với một hình thức đó, Triệu cung Tinh với «Đêm dài lên cơn» chúng ta tiếp nhận được những nét tinh vi, và tỉ mỉ ở lối trình bày ý tưởng, Ngoài ra «Vào đời» của Trần Thanh Hiệp cũng là một điểm son đánh dấu một bước đi của văn nghệ mới.

Hai tập «Thơ Anh hoa» của Anh Hoa và «Gió Nồm» của Đông Xuyên có vẻ lạng lẽ, nhất là Đông Xuyên, có vẻ chìm vì sự lộng lẫy của «Thuyền thơ» đã xuất bản trước đây.

Ngoài nhìn lại thi ca năm nay chúng ta thấy vẫn những màu sắc và âm thanh cũ không gây gì mới lạ. Trong khi giải văn chương toàn quốc phát cho những tập thơ đã xuất bản một hay hai năm về trước, điều đó khiến chúng ta thấy rõ, sự sa sút của thơ.

## oOo

Với phần văn nghệ trên các tập san, người ta thường quan niệm rằng đó là những bông hoa tranh cảnh, là vật trang trí cho tập san thêm phần tươi mát, đề che bớt sự khô khan của các bài khảo luận chuyên môn. Tuy nhiên không phải do đó mà phần văn nghệ kém phần quan trọng.

Nếu theo dõi phần văn nghệ trên các tập san, chúng ta thấy Bách Khoa càng ngày càng có vẻ già nua còm cõi, nhất là mục thơ rất hiếm hoi. Tuy nhiên chúng ta phải công nhận Bách Khoa đã giới thiệu được nhiều cây bút trẻ, Năm nào chúng ta cũng nhận thấy Bách khoa giới thiệu được những cây bút vững vàng, như

Trần Đại và Hoàng Đình Huy Quan năm nay chặng hạn. Bên cạnh đó Văn vẫn sống rất mạnh với một tên chỉ riêng và phần văn nghệ rất phong phú nhất là trong những kỳ phát hành tuyển tập thơ văn.

Những tập san này chỉ chuộng những cây bút đã có chỗ ngồi êm ái trên văn đàn, không giới thiệu được một tài năng mới nào cả; đó cũng là một khuyết điểm đáng phàn nàn. Người ta thắc mắc tại sao văn thường hay xuất bản những số đặc biệt truy niệm các nhà văn quá cố, tuy họ rất đáng để chúng ta truy niệm. Nhưng thiết tưởng điều quan trọng hơn là cần tìm những mầm sống tươi trẻ của một thế hệ mới, mang tiếng nói và khuôn mặt hôm nay, ngõ hầu góp vào nền văn học nghệ thuật nước nhà những âm thanh mới lạ.

Bên cạnh sự vững vàng của Văn thì nghệ thuật có vẻ eo uột từ khi tháo bỏ lớp bìa màu, trở thành trắng nhợt như người thiếu áo, và tập san lại mỏng tanh như bộ ngực nhà văn. Mặc dù sự sống khắc khoải đó, nghệ thuật cũng giới thiệu được một Nguyên Nhật Duật ở phần khảo luận, Sơ Hường, và cung kích Biền ở bên văn và thơ cổ Tàn Vy, Cao Thoại Châu Phạm Nhã Uyên và Kiệt Tấn. Nghệ thuật cũng gây sôi động vào các tầng lớp độc giả với cuộc Trưng cầu ý kiến về các tác phẩm hay trong năm.

Tập san «Giữ thơm quê mẹ» của nhà xuất bản Lá Bối cũng rất đòi dào phần văn nghệ. Chúng ta bắt gặp ở đây ngoài những cây bút tên tuổi có sự góp mặt của những khuôn mặt mới, đó là Chinh Ba, và cô chín với một bút pháp đơn giản mà đậm thâm, trong khi đó Trên Văn Học cũng xuất hiện một cây viết mới nhiều hứa hẹn, dưới bút hiệu Lê thị Hàn. Chúng ta tin tưởng rằng với sức sáng tác phong phú họ sẽ tạo những tiếng vang tốt đẹp trong tương lai:

Nói chung, các tạp chí trong năm sống một cách khó khăn với nạn khan giấy, và hiếm nhân công. Có báo «trời lên hụp xuống» một cách mệt mỏi như tờ Tin Sáng. Có người cho rằng sự ngặt nghèo đó một phần vì Tin Sáng không mang trọn vẹn trách nhiệm của một nguyệt san giới thiệu thư tịch một cách đúng đắn. Ở đó nhiều bài phê bình với cái nhìn phiến diện, cho nên đã nhận xét hồ đồ. Như thế ông Lê phượng Chi, cùng nhà trào vô tình đã tàn sát biết bao mầm non văn nghệ. Riêng những tác phẩm lớn mà kiến thức hẹp hòi của họ chưa với tới, họ cũng mò xè tơ bới, trách nhiệm này với dư luận họ phải gánh chịu.

Tóm lại, năm 1966 văn nghệ miền Nam sôi nổi hơn năm qua, nhưng không vì thế mà chúng ta thoải mái lắm. Các cuộc chấm giải thưởng văn chương ư ất cái không khí lách lách. Sự vụ không chụp mũ vào nhà văn Vũ Hạnh của báo Sống là một thái độ không mấy quan từ.

Nếu các nhà văn của chúng ta chưa có thể làm một tư tưởng gia thì văn đàn của chúng ta đòi hỏi rất nhiều tác phẩm đề cao dân tộc tính. Tuy vậy nhóm Lực Lượng Bảo Vệ Văn Hoá vẫn chưa tung ra một tác phẩm nào nói lên cái đẹp, cái phong phú của tinh hoa thảo thức lưu truyền trong dân gian nước Việt.

HỒ TRƯỜNG AN  
Đoàn Yên Linh

# TIẾNG PHÁO

và

# TIẾNG SÚNG

Trong ngày Xuân

**T**Ế T năm nay vui quá. Tiếng pháo đã thay thế cho tiếng súng. Mà pháo nổ rền trời, nhiều nơi xác pháo ngập đất. Sài gòn thi đua với Chợ lớn. Bà chiểu thi đua với Đất-Hộ. Suốt ba ngày tết tiếng pháo mừng xuân không ngớt. Hơn nữa pháo nổ trong những ngày hưu-chiến lại còn cho người ta có cảm tưởng là sự vui mừng đã tạm thời thay thế cho sự buồn thảm, tiếng pháo đầu xuân đã đốt cháy màn tang đang bao phủ đất nước đè nặng lên những tâm hồn đã quá nào-nề chua xót về những cảnh chết chóc, điêu linh, khổ đau và uất hận.

Họ tính đợi cuộc hưu-chiến sẽ được kéo dài để đi tới đình-chiến rồi có đàm-phán hòa-bình và có hòa-bình thực-sự.

Nhưng dầu không được thế đi nữa họ vẫn thấy cần phải có hưu-chiến thực-sự trong những ngày hưu-chiến, nghĩa là tiếng pháo mừng xuân không được có tiếng súng đi kèm. Tiếng súng giết người tiếng bom đạn tàn-phá xứ sở người ta đã được nghe

nhiều rồi nghe đã 22 năm nay rồi, người ta không còn muốn nghe thêm nữa.

Vậy mà trong những tràng pháo mừng xuân vẫn có tiếng súng theo kèm, khi thì từng tiếng, khi thì hàng loạt. Những người có súng nghe tiếng pháo thì động máu anh-hùng nên họ ở yên không được, họ có súng sáu, có súng trường, có tiểu liên, trung liên và đại-liên, họ liền nạp đạn, lấy cò, họ bắn bồng để nghe tiếng súng nổ tiếng đạn bay làm cho tiếng pháo thêm long-trọng. Long-trọng là phải vì khi ta đương si mê với tiếng pháo thì chợt có tiếng súng tiếng đạn cho ta sức tỉnh cơn mê mà thấy rằng hòa-bình chỉ là một ảo-ảnh, hưu-chiến chỉ là việc tạm thời, còn chiến-tranh mới là thực-tại, nó sẽ trường-kỳ.

Dân-tộc Việt-Nam chưa chết hết, đất nước Việt-Nam chưa tàn-phá hết thì bom đạn còn có thể dùng.

Hơn nữa những người cầm súng còn được trọng dụng, còn có quyền-hành thì chưa có hòa-bình được.

oOo

Cầm súng bắn bồng cũng là một điều vi-phạm hưu-chiến vì tiếng súng nổ, tiếng đạn bay luôn luôn cho người ta những ấn-tượng về chiến-tranh, khi pháo mừng xuân cho người ta những cảm-trởng hòa-bình êm đẹp. Người ta đương vui mà làm cho người ta buồn người ta đang sướng mà bắt người ta khổ, mặc dầu chỉ là khổ tâm cũng là điều đáng trách. Huống chi bắn bồng mà nhiều khi cũng giết người thì lại càng đáng trách hơn nữa.

Báo chí hàng ngày đã loan tin: «Đêm giao thừa, em Nguyễn Văn-Ẩn, con ông Biện-Lý Saigon, đương ngoan ngoãn đứng cạnh cha rước bàn thờ bồng bị đạn lạc và đã trút hơi thở cuối cùng trong lúc lát nước sặc mùi thuốc pháo và hoa mai.»

Em Ẩn là con một ông Biện lý nên được dư luận chú ý nhiều hơn nhưng còn nhiều trường hợp bị lạc đạn mà chết hay bị thương không được nói tới. Những người đó cùng với em Ẩn đều là nạn nhân không phải của chiến tranh nhưng là của

những bậc anh hùng chiến tranh, những người luôn luôn cho rằng họ có tru thế vì có súng, có đạn và có quyền bắn bỏ khi họ thích bắn. Hưu chiến tức đoạt một phần nào quyền thế của họ. Nhưng họ không bắn được người thì họ bắn trò làm như Lý Nguyên Bá trước kia, có cặp trùy vô địch, được tôn làm anh hùng số một, không còn tìm ra địch thủ ở thế gian, nên phải quăng lên đánh trời cho phỉ chí. Ai dè Trời cao quá, cặp trùy tung lên không trúng Trời mà trở ngược lại trên đầu anh ta làm anh chết tốt. Súng bắn xa hơn cao hơn như tầm đạn không vượt khỏi hấp lực của địa cầu nên nó phải trở lại mặt đất mà gây nên án mạng.

Em Ân là một nạn nhân nhưng chỉ là một trong nhiều nạn nhân khác đã chết trong những ngày hưu chiến, đã chết trong khi nghe tiếng pháo thường xuân, trong khi đứng trước bàn thờ ông bà đề nghị tới công ơn của người trước, đề lo trò nhiệm vụ của ngày nay và đề tạo nên những ngày mai ca hát.

Chính trong những giờ phút linh thiêng đó thì những viên đạn vô tình do những bàn tay vô tình đã kết liễu đời họ. Nếu những bàn tay đó là những bàn tay Việt Nam thì những bàn tay đó đã làm đỏ máu đồng bào vô tội còn nếu những bàn tay đó là những bàn tay người ngoại quốc thì máu đó vẫn là máu đồng loại của mình. Nhưng bởi vì có nhiều bàn tay quá nên chẳng bàn tay nào chịu nhận mình là thủ phạm. C đến tay Biện lý cũng đành không biết ai là hung thủ để bắt nó phải đền tội sát nhân, để cho con ông được thoải mái vui linh nơi chín suối.

Nhưng em Ân và những nạn nhân một số phận với em đã hy sinh không uống để thức tỉnh một số người còn muốn cho chiến tranh tiếp diễn để thụ hưởng trên xương máu củ đồng bào.

Những kẻ đó là những kẻ đã nhanh chân lẹ bước trên đường hợp tác với người khác. Họ hợp tác về đủ phương diện để giúp cho khách có đầy đủ phương tiện mà sống đất nước của mình. Hơn nữa khách lại không phải là nhữ

du khách đến chơi. Do đó khách tới rất đông và xài phí rộng rãi giúp cho họ làm giàu mau lẹ phi thường.

Và cố nhiên là họ cũng muốn cho khách ở lâu mặc dầu họ vẫn biết ở nông thôn hàng ngày vẫn có tàn phá và chết chóc nhưng họ cần gì nghĩ tới ai của họ thôi.

Sống chết mặc bây

Tiền thầy bỏ túi.

Ai dè súng không được nổ chiến địa lại vẫn được nổ ở hậu phương. Họ bắn trời mà họ vẫn giết người, không phân biệt thù và bạn.

Do đó mà những quan niệm thù và bạn cũng đều cần phải xét lại vì tất cả đều có thể là nạn nhân. Và do đó tất cả đều thấy có bốn phận tranh đấu cho hòa bình được thực hiện để bảo vệ sự sống còn cho dân tộc trong đó có cả sự sống của chính mình.

oOo

Đạo Phật là đạo hòa bình và lập trường hòa bình vẫn là lập trường cố hữu của Phật Giáo Việt Nam.

Nhưng người Phật tử Việt Nam cũng thực tế như tất cả mọi người nên thấy rằng muốn có hòa bình không phải chỉ cầu Trời khấn Phật mà đạt thành ý nguyện. Trời, Phật ở những cõi xa xăm khuất mặt thường xuất hiện một cách huyền diệu giữa chúng sanh để chúng sanh tự giác ngộ mà định đoạt lấy số phận của mình. Những viên đạn vô tình bắn Trời, bắn Phật, Trời Phật đâu có muốn dùng người để làm bia đỡ đạn.

Nhưng nếu rủi có người thọ nạn thì những cái chết đó cũng là những bài học của Trời Phật ban cho để con người học tập mà sửa lại lòng mình đừng quá ý lại vào súng đạn, đừng quá tin cậy ở sức mạnh vũ phu, đừng kiêu ẩn ở trên những xác chết, đừng tưởng rằng mình đã an toàn ở bin đình nhà lầu, mà không thấy cần phải có hòa bình cho đất nước. Đám cháy ở xóm nhà lá nếu không sớm dập thì nó sẽ lan rộng khắp nơi và có thể xâm nhập cả tới những nơi kiên cố như Thủ Đức. Do đó mà hòa bình là một điều cần thiết cho tất cả mọi người và tất cả mọi người đều thấy có bốn phận phải xung vào cuộc thánh chiến. Thánh chiến theo quan niệm xưa đã lỗi thời. Thánh chiến theo quan niệm ngày nay khác hẳn. Ngày nay thanh chiến là một cuộc chiến đấu thần thánh để bảo vệ Hòa Bình cho dân tộc và nhân loại.

THIỆU SƠN

# Saigon

## năm Bính-Ngọ

*Bước tới Sài-gòn thấy ngồn ngang.*

*Thoáng trong thì trông chốn ngoại bang.*

*Nam nhi mũi lõ đi đầy phố.*

*Nữ giới lưng eo đứng chật dàng.*

*Biệt thự tràn lan cao ngất nghều.*

*Xe tàu đủ kiểu chạy nghênh ngang.*

*Bê sáu thể sự nhiều tê tái.*

*Biết vậy mà chưa có luận bàn.*

TRƯƠNG THIÊN

# Thằng Cò - vẹt

(Tiếp theo và hết)

tuộc-dời bạc-bẻo của mình y như cái cò xấu xa dính liền vào cái thân hình cũng méo mó của hắn.

Ồi ngàn năm mây bay,... trời với đất có bao giờ chia cách được !

Và trước khi ra về chấm dứt buổi thảo luận không cần có kết quả về cách đối phó với lũ nhái học trò và sau khi đã cạo gọt cái nhan sắc to lớn đôi chút, một thằng trong bọn còn nói thêm :

— Nếu cần anh cứ nhả mặt với chúng và nhái lại tiếng... như chúng là chúng ngán liền, ngán liền à...

Thế nhưng bọn trẻ nhái ranh chẳng ngán chút nào. Chúng lại càng thích thú khoái-trá hơn khi thấy Cò-vẹt đòi chiến-lược, chiến-thuật. Và sự đòi thay đã làm hao tổn của Cò-vẹt biết bao là thì giờ rồi rảnh, biết bao là suy-tư ngai ngùng. Theo đúng lời căn dặn, Cò-vẹt cố làm ra vẻ phớt tỉnh và nhại lại y tiếng kêu của lũ trẻ, tuy có kém phần tru tréo vì đâu sao thì cũng thấy chột dạ. Bọn trẻ chỉ ngỡ ngàng đôi chút nhưng định thần được ngay và càng tỏ ra hân hoan hèm nhiều nữa. Chúng lại càng tru tréo ê a thỏa thích thách đố Cò-vẹt nhái cho đúng. Thật ra Cò-vẹt đã quên một điều căn-bản mà các « triết gia » họ kém đó không có bàn tới : không thể gán cái tên Cò-vẹt định-mệnh đó cho kẻ nào khác trên cõi đời này được, Và thế là cuộc đời buồn tẻ lạnh lùng của Cò-vẹt lại được cộng thêm một lần chua xót. Hắn âm-thầm và miên-cưỡng trở về với cái « Cò-vẹt » cố-hữu.

Nhưng cái lần chua xót lớn lao nhất là khi Cò-vẹt ý-thức rằng thế là hắn hoàn toàn cô đơn. Không người yêu, không bạn bè trong hoạn nạn mà chỉ toàn những kẻ thù yếu đuối mà hắn không làm gì được. Khí giới của bọn chúng chỉ là những tiếng « Cò-vẹt » vô-lý và gần như vô-nghĩa, nhưng không hiểu vì sao vẫn gây cho hắn nhiều thương-tích xem chừng trầm-trọng. Cò-vẹt muốn trốn

tránh cái mặc cảm hoang phế âm-i trong cái thân xác cũng đã điêu-tàn của hần. Bao phen hần háng hái muốn trả thù, nhưng trả thù ai bây giờ ? Bọn trẻ con thì ai cũng cho là vô tội, và hần cũng đành nhận thế là đúng, Nhưng tiếng nói thì vô hình tác giả nó vô danh, còn xã hội thì thế đấy, thờ ơ! Có lần Cồ vệt liễu linh muốn thử bỏ cái chốn này mà ra đi mong làm lại một cuộc đời, tuy không tốt đẹp hơn đi nữa nhưng vẫn không có những kẻ thù không trả ... thù được như thế này. Nhưng rồi Cồ-vệt lại nghĩ chắc gì ở cái nơi mơ ước đó, và trong cuộc đời mơ ước đó lại không có những thằng nhãi ranh như thế này. Có thể chúng sẽ không gọi cái tên Cồ-vệt đau lòng và tàn khốc đó nữa nhưng chúng có thể kêu bằng những cái tên khác chắc gì đã đẹp đã hơn như (Ngỗng đực, Ngỗng cái, rừng xanh) ... mà đã có lần hần thoáng nghe bọn trẻ thêm thắc vào cái tên «Cồ-vệt» ngẩn ngui. Có lẽ không tài nào tránh được cái thân phận của con người mang một định mệnh dai dẳng cũng như không bao giờ hần thoát khỏi cái (dư luận Cồ-vệt) cứ mỗi ngày mỗi lan tràn hứa hẹn một sự thắng trận vẻ vang trên toàn diện cuộc đời.

Thế nên vào những ngày mưa gió lâm than, quán cúp vắng khách hơn những ngày vắng khách nhất, đường sá cũng ít người qua lại Cồ-vệt ngồi vắt chân lên thanh ghế nhìn vào tấm gương phản chiếu con đường và cái cảnh sinh hoạt của cuộc đời đang cố tình làm ngơ với một con người chỉ mong được tiếp nhận. Cái triết lý sống của Cồ-vệt lần này do chính hần đặt ra sau bao nhiêu kinh nghiệm cuộc đời đen bạc: chịu đựng. Hần cố gắng vui vẻ làm quen với ý nghĩ này, tuy một cái chậm chạp và kiên trì như những giọt nước mưa rã rích đang làm lạnh hơn những miếng thùng thiết cũ làm vách cho căn quán khiêm nhường của Cồ-vệt. Mưa hoài như không muốn tạnh, suốt ngày như không có ánh sáng. Và mặt trời như quên cái thiên chức nuôi sống nhân loại. Một cơn gió lạnh ủa vào gáy Cồ-vệt. Hần rùng mình đứng dậy cố đánh tan cái ý nghĩ suốt đời không thoát khỏi những tiếng (Cồ-vệt) tàn khốc .

*Vũ - Huyền*

# MÙA PHẬT ĐẢN

2511



Các Tự Viện và Phật Tử trong toàn quốc cần in cờ giấy để trang hoàn cho mùa **PHẬT ĐẢN 2511**.

Xin gửi thư về «**Ấn quán Phổ-Đà-sơn**» (nhà in của Phật giáo).

Địa chỉ : **Chùa QUÁN-THẾ-ÂM**  
68, Nguyễn-Huệ Phú-nhuận Saigon

- ✦ Quý vị sẽ được hưởng một giá rẻ đặc biệt.
- ✦ Riêng **ĐÀ-NẴNG, HUẾ** và các đơn vị **TUYÊN ÚY PHẬT-GIÁO** lại còn hưởng thêm

một đặc ân : «**TRỪ BA MƯƠI PHẦN TRĂM**» (so với tỷ-lệ của các nơi khác).

Cờ in trên giấy và mực ngoại quốc — Giao tận địa phương, In rất đẹp và nhanh chóng.